

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

HOÀNG THỊ HOA

BẠO LỰC GIỚI TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM
HIỆN NAY NHÌN TỪ GÓC ĐỘ TRIẾT HỌC

LUẬN VĂN THẠC SỸ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - 2012

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

HOÀNG THỊ HOA

BẠO LỰC GIỚI TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM
HIỆN NAY NHÌN TỪ GÓC ĐỘ TRIẾT HỌC

LUẬN VĂN THẠC SỸ TRIẾT HỌC

Chuyên ngành: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã Số: 60.22.85

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Mạnh Tường

HÀ NỘI - 2012

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

nay.

2. Tình hình nghiên cứu

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

4.2. Phạm vi nghiên cứu

5. Phương pháp nghiên cứu

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

7. Kết cấu của luận văn.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ NGHIÊN CỨU BẠO LỰC GIỚI TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM

1.1. Một số khái niệm.

1.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giới và bạo lực gia đình.

1.3. Khung pháp lý về phòng, chống bạo lực giới trong gia đình.

1.4. Bạo lực giới trong gia đình ở một số nước trên thế giới.

1.5. Những ảnh hưởng của nền văn hoá bản địa và tư tưởng Nho giáo đến quan hệ giới trong gia đình Việt Nam trong lịch sử.

CHƯƠNG 2
BẠO LỰC GIỚI TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM
VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG

2.1. Thực trạng, hậu quả và nguyên nhân của bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay.

2.2.1. Thực trạng bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay.

2.2.2. Hậu quả của hành vi bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay.

2.2.3. Nguyên nhân bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay.

2.3. Một số giải pháp phòng, chống bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay

2.3.1. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục và xây dựng gia đình văn hoá.

2.2.2. Nâng cao vai trò của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và các trung tâm tư vấn về phòng, chống bạo lực giới trong gia đình.

2.3.3. Thực hiện pháp luật, chính sách liên quan đến bạo lực giới và nạn nhân bị bạo lực giới trong gia đình

2.3.4. Tăng cường nghiên cứu khoa học và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực giới trong gia đình

KẾT LUẬN

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Gia đình là tế bào của xã hội, là hình ảnh thu nhỏ của xã hội, đồng thời cũng là cái nôi đầu tiên nuôi dưỡng nhân cách và tâm hồn của con người. Trong gia đình, các mối quan hệ giữa chồng với vợ, cha mẹ với con cái, anh chị em với nhau là quan hệ tình cảm thiêng liêng, ấm áp, đem lại tổ ấm hạnh phúc cho gia đình nhằm đáp ứng những nhu cầu tình cảm và vật chất cho các thành viên trong gia đình, bảo vệ họ trước những căng thẳng của cuộc sống. Vì lẽ đó, mà mỗi con người trong chúng ta đều tìm thấy sự bình yên, ấm áp và an toàn khi được sống và trở về với gia đình của mình sau những khoảng thời gian xa cách và những bộn bề, hối hả của nhịp sống hiện đại. Giống như một triết gia phương Tây từng nói: Dù tởn tàn đến đâu nhưng không nơi nào trên thế giới có thể sánh được với mái ấm gia đình. Bởi xã hội, dù tốt đẹp đến đâu, có đến mức lý tưởng thì vẫn trộn lẫn trắng - đen. Xã hội có thể dạy cho chúng ta bài học kiếm sống, những va vấp nhớ đời, chứ không thể yêu thương, dạy cho chúng ta những lời nói thật, sự trung thực như gia đình.

Vậy mà ở đâu đó, gia đình lại đã và đang trở thành "địa ngục", là nỗi đau bởi những hành vi bạo lực trong gia đình. Chính từ những hành vi ấy đã đẩy nhiều gia đình rơi vào tình trạng khủng hoảng, dần dần đi đến đổ vỡ hạnh phúc gia đình. Do vậy, để đảm bảo hạnh phúc và duy trì sự tồn tại, phát triển của gia đình thì việc lên án và xoá bỏ những hành vi bạo lực trong gia đình là yếu tố đóng vai trò quan trọng. Nhất là trong thời đại ngày nay khi loài người chúng ta đang sống trong thế kỷ XXI - thế kỷ của tự do, bình đẳng, dân chủ, tiến bộ và văn minh thì sự tồn tại của bạo lực gia đình không chỉ gây tổn thương đến sức khoẻ, danh dự của thành viên trong gia đình, mà còn vi phạm tới chuẩn mực đạo đức xã hội, vi phạm luật bình đẳng giới đang được đề cao và tôn trọng trong xã hội hiện nay. Chính điều đó đã và đang đặt ra cho xã hội văn minh nhiệm vụ cấp bách là làm gì để ngăn chặn và dần dần đi đến xoá bỏ

hiện tượng tiêu cực này trong gia đình nhằm tiến tới xây dựng gia đình bình đẳng, hạnh phúc, tiến bộ và tạo ra ngày càng nhiều những tế bào mạnh khỏe, “cường tráng” cho xã hội văn minh.

Trong khi đó, công tác phòng, chống bạo lực gia đình tuy đã được các quốc gia trên thế giới cũng như ở nước ta quan tâm nhưng hiệu quả mang lại còn thấp vì bạo lực gia đình vẫn được giấu kín đằng sau cánh cửa mỗi gia đình. Hơn nữa, bạo lực gia đình là một vấn đề xã hội nhạy cảm với tính phổ biến cao, từ xã hội phương Tây đến xã hội phương Đông; từ thành thị đến nông thôn; từ nhóm có trình độ văn hoá thấp đến nhóm có trình độ văn hoá cao, từ nhóm không có việc làm đến nhóm có việc làm ổn định. Bạo lực gia đình có thể xảy ra ở tất cả các mối quan hệ trong gia đình: bạo lực giữa chồng và vợ, bạo lực giữa cha mẹ và con cái, bạo lực giữa anh chị em với nhau,... Chính sự đa dạng, phức tạp cùng với tính phổ biến của bạo lực gia đình nên công tác phòng, chống bạo lực gia đình hiện nay gặp nhiều khó khăn.

Vì vậy, bạo lực gia đình luôn là một vấn đề xã hội thu hút sự quan tâm nghiên cứu của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu. Tuy nhiên, các nghiên cứu bạo lực gia đình ở nước ta hiện nay chủ yếu nghiên cứu dạng bạo lực của chồng đối với vợ do tính chất và mức độ phổ biến của dạng bạo lực này. Theo nhận định của tổ chức Y tế thế giới (WHO) năm 1998 thì phần lớn bạo lực trong gia đình xảy ra là bạo lực của chồng đối với vợ (*chiếm khoảng 95%*). Nhưng, cũng xảy ra tình trạng bạo lực của vợ đối với chồng (*chiếm khoảng 5%*). Như vậy, bạo lực giới trong gia đình hiện nay diễn ra rất phức tạp, đan xen nhiều hình thức bạo lực khác nhau: bạo lực của chồng đối với vợ hoặc là bạo lực của vợ đối với chồng,... Vì vậy, dạng bạo lực của vợ đối với chồng vẫn là “mảnh đất” nghiên cứu cần được quan tâm, khai thác nhiều hơn.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề, cũng như xuất phát từ thực tiễn nghiên cứu ở nước ta hiện nay trong lĩnh vực này, chúng tôi chọn đề tài: ***"Bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay nhìn từ góc độ triết học"***

làm đề tài nghiên cứu của mình với hy vọng đem đến cách nhìn mới về bạo lực giới trong gia đình ở nước ta hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu

Trong những năm gần đây, bạo lực gia đình đã và đang trở thành một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu của giới nghiên cứu trên lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Vì vậy, có rất nhiều công trình nghiên cứu, các cuộc hội thảo, các bài báo và sách chuyên khảo, tham khảo của nhiều tác giả về bạo lực gia đình thể hiện những góc nhìn khác nhau.

Năm 1994, TS. Lê Thị Quý đã có bài viết "*Bạo lực gia đình ở Việt Nam hiện nay*" đăng trên tạp chí Khoa học và phụ nữ. Bài viết đã tập trung phân tích nguyên nhân dẫn đến tình trạng bạo lực giới trong gia đình như: nguyên nhân kinh tế, nguyên nhân văn hoá, nguyên nhân nhận thức,...

Năm 1996, cuốn sách "*Nỗi đau thời đại*" của TS. Lê Thị Quý đã cho thấy các dạng bạo lực giới trong gia đình biểu hiện rất đa dạng. Nhưng tựu chung lại, bạo lực giới trong gia đình biểu hiện chủ yếu dưới hai dạng: Bạo lực nhìn thấy được và bạo lực không nhìn thấy được.

Công trình nghiên cứu "*Bạo lực trên cơ sở giới*" của TS. Vũ Mạnh Lợi và cộng sự (1999) được tiến hành ở ba tỉnh: Thành phố Hà Nội, Huế và Thành phố Hồ Chí Minh, đã cho thấy thái độ phẫn nộ của cộng đồng, những chế tài của xã hội và sự tẩy chay của cá nhân đối hiện tượng bạo lực giới trong gia đình ở nước ta hiện nay. Đồng thời đưa ra nhận định về xu hướng vận động của hiện tượng xã hội này trong những năm tới.

Năm 2001, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam thực hiện đề tài "*Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam*". Đề tài đã phân tích những hậu quả nghiêm trọng của nạn bạo lực giới trong gia đình đối với phụ nữ và phản ứng của nạn nhân bị bạo lực trước những hành vi vô nhân tính đó.

Trong Báo cáo của các tổ chức phi Chính phủ Việt Nam về việc thực hiện Công ước về xoá bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) của Mạng giới và phát triển (GENCOMNET), năm 2006 Công ước đã đưa ra chương trình đầu tiên đề cập đến bạo lực trong gia đình và phân tích một số thách thức mà Việt Nam phải đối mặt trước vấn nạn này trong thời gian sắp tới.

Năm 2007, TS. Lê Thị Quý và cộng sự phát hành cuốn sách "*Bạo lực gia đình một sự sai lệch hệ giá trị*". Đây là kết quả của công trình nghiên cứu thực tiễn tại ba tỉnh: Thái Bình, Phú Thọ và Thành phố Hà Nội. Cuốn sách đã chỉ ra rằng bạo lực gia đình là một sự lệch chuẩn về mặt đạo đức xã hội, về những giá trị của thời đại mà chúng ta đang đề cao.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên đã cho thấy bạo lực giới trong gia đình Việt Nam những năm gần đây đã trở thành một vấn đề xã hội nghiêm trọng với mức độ phổ biến. Đồng thời bằng các phương pháp xã hội học các nhà nghiên cứu đã đưa ra những kết quả để minh chứng cho nhận định của mình, từ đó có những giải pháp phòng, chống hiện tượng tiêu cực này trong gia đình, góp phần xoá bỏ tình trạng bất bình đẳng giới giữa nam và nữ ngay từ gia đình, tiến tới xây dựng gia đình Việt Nam “No ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”. Tuy nhiên, trong các công trình nghiên cứu chủ yếu nghiên cứu bạo lực gia đình từ góc độ xã hội học. Vì vậy, tác giả luận văn hy vọng đem đến một cách tiếp cận mới trong nghiên cứu bạo lực gia đình, đó là dùng phương pháp luận triết học nghiên cứu một vấn đề của thực tiễn xã hội đó là bạo lực gia đình.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Với phương pháp luận triết học, luận văn đi sâu vào phân tích và khái quát hoá thực trạng bạo lực giới trong gia đình ở nước ta hiện nay; tìm hiểu nguyên nhân và phân tích hậu quả của những hành vi bạo lực giới trong gia

đình đối với nạn nhân bạo lực nói riêng và sự phát triển của xã hội nói chung. Trên cơ sở đó, kiến nghị một số giải pháp chủ yếu nhằm phòng, chống bạo lực giới trong gia đình ở nước ta hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ

- Hệ thống hoá và khái quát hoá quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề bất bình đẳng giới và bạo lực trong gia đình.

- Đánh giá thực trạng bạo lực giới trong gia đình ở nước ta hiện nay.

- Phân tích nguyên nhân và hậu quả của bạo lực giới trong gia đình.

- Đề xuất, kiến nghị một số giải pháp nhằm phòng, chống bạo lực giới và xây dựng quan hệ bình đẳng giới trong gia đình Việt Nam hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Bạo lực giới trong gia đình ở nước ta hiện nay biểu hiện dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng và giữa các hình thức bạo lực này luôn nằm trong mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau như: bạo lực của chồng và vợ, bạo lực của cha mẹ đối với con cái, bạo lực giữa anh chị em với nhau,... Luận văn tập trung nghiên cứu bạo lực giới giữa chồng và vợ, thể hiện ở hai dạng bạo lực: bạo lực của chồng đối với vợ và ngược lại bạo lực của vợ đối với chồng.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn thực hiện việc nghiên cứu vấn đề bạo lực giới trong gia đình ở Việt Nam những năm gần đây. Đặc biệt, là từ khoảng thời gian 1986 cho đến nay, khi sự nghiệp đổi mới đất nước của Đảng đã tác động toàn diện đến đời sống gia đình, đến sự thay đổi nhận thức về cách ứng xử giữa các thành

viên trong gia đình. Luận văn sử dụng các công trình nghiên cứu khoa học về bạo lực gia đình đã được công bố trong những năm gần đây.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề bình đẳng giới và bạo lực giới.

Luận văn sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu: logic và lịch sử, phân tích và tổng hợp,...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay được rất nhiều ngành khoa học xã hội, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Việc nghiên cứu vấn đề này trong giai đoạn hiện nay sẽ góp phần làm phong phú thêm lý luận của các ngành khoa học xã hội nói chung và nâng cao nhận thức của mỗi con người trong xã hội nói riêng để tự phòng tránh các hành vi bạo lực giới nhằm xây dựng gia đình và xã hội bền vững tiến vào thế kỷ XXI.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Sau khi hoàn thành, luận văn có thể sử dụng làm tài liệu học tập và tham khảo cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp chuyên ngành khoa học xã hội - nhân văn.

Luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tuyên truyền của các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước về bạo lực gia đình; đồng thời cho những ai quan tâm nghiên cứu về vấn đề này.

7. Kết cấu của luận văn.

Luận văn gồm: Mở đầu; 2 chương (7 tiết); kết luận và danh mục tài liệu tham khảo.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ NGHIÊN CỨU BẠO LỰC GIỚI TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM

Tự nhiên vốn có sự cân đối hài hòa, sự tồn tại của giống đực và giống cái luôn bổ sung cho nhau để tạo ra một thế giới hoàn chỉnh. Trong quá trình tiến hóa của sinh vật đã xuất hiện con người (động vật cấp cao). Khác với muôn loài, con người sống có tổ chức, có gia đình. Theo từng giai đoạn lịch sử thì tổ chức gia đình, hệ giá trị gia đình và mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình có sự khác nhau. Xã hội càng phát triển thì gia đình cũng ngày càng phát triển. Tuy nhiên, bên cạnh sự phát triển mang tính tích cực của gia đình thì vẫn còn tồn tại những yếu tố tiêu cực, một trong những biểu hiện của nó là

bạo lực gia đình, mà cội nguồn của nó là từ quan niệm bất bình đẳng giới từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội.

Bạo lực giới trong gia đình có thể được đánh giá hết sức khác nhau tùy theo góc độ của các nhà nghiên cứu. Để có cái nhìn toàn diện về bạo lực gia đình ở nước ta hiện nay, chúng tôi căn cứ vào các cơ sở lý luận và thực tiễn được trình bày dưới đây.

1.1. Một số khái niệm.

1.1.1. Khái niệm gia đình

Gia đình với vai trò là "tế bào" của xã hội, là nơi gìn giữ và phát huy những giá trị cao quý nhất của văn hoá dân tộc. Nên việc nghiên cứu gia đình được coi là "chìa khoá" quan trọng để nghiên cứu các vấn đề xã hội khác. Vì vậy mà, vấn đề gia đình luôn là đề tài được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Cùng với sự đa dạng và phong phú trong nghiên cứu về gia đình, khái niệm gia đình cũng được hiểu theo nhiều chiều cạnh khác nhau. Chúng ta có thể thấy điều này qua sự khảo sát một số định nghĩa về gia đình điển hình của các nhà nghiên cứu tiêu biểu:

Gia đình theo quan điểm của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin: *hàng ngày tái tạo ra đời sống bản thân mình, con người còn tạo ra người khác, sinh sôi, nảy nở. Đó là quan hệ giữa chồng và vợ, cha mẹ và con cái, đó là gia đình.* Trong định nghĩa này, gia đình được hiểu theo đặc trưng rất quan trọng và chức năng đặc biệt nhất của gia đình đó là *tái sản xuất ra con người.* Bên cạnh đó, các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin cũng đề cập đến những mối quan hệ chính trong gia đình đó là quan hệ chồng - vợ và quan hệ cha mẹ - con cái.

Tổ chức thế giới UNESCO cho rằng: *gia đình là một nhóm người có quan hệ họ hàng cùng chung sống, có ngân sách chung.*

Theo quan điểm của Nguyễn Khắc Viện dưới góc độ tâm lý học, gia đình được hiểu: *gia đình gồm bố mẹ, con và có hay không còn một số người*

khác chung sống ở chung một nhà. Phương thức sản xuất và các thể chế kỷ cương xã hội chi phối mạnh mẽ tâm lý của những thành viên trong gia đình... Đồng thời gia đình gắn liền vào cấu trúc xã hội chặt chẽ, sự vững bền của gia đình ít tùy thuộc vào tính tình hay ý muốn chủ quan của từng cá nhân. Bố mẹ quan hệ với nhau và nuôi dạy con cái với những phong tục, lễ nghi, tập quán được quy định rõ ràng.

Như vậy, có rất nhiều định nghĩa về gia đình. Tuy nhiên, theo chúng tôi định nghĩa về gia đình trong *Luật hôn nhân và gia đình* năm 2000 là khái quát hơn cả: *Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng làm phát sinh quyền lợi và nghĩa vụ giữa họ với nhau theo luật định.*

Hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi đã kết hôn, tức là quan hệ vợ chồng đã được xác lập theo quy định của luật pháp, về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn. Hiện nay, quan niệm phổ biến trong xã hội ta là quan hệ vợ chồng phải dựa trên cơ sở hôn nhân, đó không chỉ là một giá trị pháp lý mà còn là lối sống, giá trị đạo đức của mỗi con người, là sự ghi nhận ban đầu hết sức thiêng liêng của cộng đồng, xã hội đối với sự tồn tại của một gia đình. Đã có những gia đình không cần đến hôn nhân chính thức, song đó chỉ là các hiện tượng cá biệt, không được đa số người Việt Nam chấp nhận. Bởi vì, quan hệ vợ chồng dựa trên cơ sở hôn nhân không những đảm bảo về mặt pháp lý mà còn là biểu hiện của giá trị đạo đức xã hội tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Nếu xét theo chiều dài của lịch sử thì quan hệ vợ chồng có các hình thức sau:

Hình thức thứ nhất: quan hệ gia trưởng, độc đoán - lệ thuộc, cam chịu. Hình thức quan hệ vợ chồng này chủ yếu tồn tại trong các gia đình truyền thống. Thông thường là người chồng dùng mệnh lệnh buộc người vợ phải phục tùng mình, ý kiến của người chồng thể hiện uy quyền tuyệt đối cả về kinh tế, giáo dục con cái, quan hệ tình cảm vợ chồng lẫn quan hệ ngoại giao ngoài xã hội... Hình thức quan hệ này sẽ tạo ra bầu không khí căng thẳng,

nặng nề trong gia đình. Điều này, không chỉ gây bất hoà trong quan hệ vợ chồng mà còn tác động tiêu cực đến con cái trong gia đình, đặc biệt là về tâm sinh lý của trẻ. Đây là điều mà cả xã hội và gia đình đều không mong muốn xảy ra nên việc xoá bỏ những yếu tố mang tính tiêu cực trong hình thức quan hệ vợ chồng này là điều cần thiết và có ý nghĩa thiết thực đối với sự phát triển của gia đình. Tuy nhiên, ở hình thức quan hệ vợ chồng này, chúng ta cần nhận thấy rằng: có những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc vẫn được lưu giữ trong hình thức quan hệ này cần phải phát huy như: kính trên nhường dưới, gia đình có nề nếp, có trật tự, quy củ không có sự lẫn lộn về ngôi thứ, tạo cho gia đình sự gia giáo, tôn nghiêm, con trẻ được giáo dục một cách nghiêm khắc, ít bị cám dỗ xấu từ bên ngoài xã hội, vợ chồng có sự phân biệt rõ ràng về vai trò và vị trí trong gia đình, không có chuyện vợ lấn át chồng. Đây là điều vô cùng cần thiết mà chúng ta phải giữ gìn và phát huy trong gia đình hiện nay trước sự tác động của những yếu tố văn hoá ngoại lai có thể làm băng hoại những giá trị gia đình.

Hình thức thứ hai: quan hệ dân chủ, bình đẳng. Đây là quan hệ vợ chồng chiếm ưu thế trong xã hội hiện nay. Cả vợ và chồng đều có sự bình đẳng trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Quan hệ bình đẳng giữa vợ và chồng đánh dấu sự tiến bộ xã hội trong việc giải phóng phụ nữ. Nói như thế, không có nghĩa là trong hình thức quan hệ vợ chồng này, không nảy sinh những yếu tố tiêu cực hoặc có sự bình đẳng thực sự. Không ít gia đình do dân chủ quá chớn hay không hiểu dân chủ trong các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình là như thế nào đã dẫn đến bố mẹ không bảo được con cái, khiến con cái rơi vào tệ nạn xã hội. Đây lại cũng chính là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chồng và vợ xuất phát từ việc giáo dục con cái. Hay có những người vợ không hiểu đúng về sự bình đẳng, dân chủ trong quan hệ vợ chồng nên đã không làm tròn trách nhiệm của một người vợ, người mẹ khiến nhiều người chồng buộc phải dùng vũ lực để "dạy vợ". Nhưng chúng ta cần khẳng định rằng: những biểu hiện tiêu cực trong hình thức quan hệ vợ chồng này chỉ là

như "con sâu bỏ rầu nồi canh" mà ưu thế nổi trội trong kiểu quan hệ vợ chồng này vẫn là dân chủ, bình đẳng và tiến bộ so với hình thức quan hệ vợ chồng gia trưởng, độc đoán.

Như vậy, quan hệ vợ chồng bao giờ cũng mang tính lịch sử, tùy vào từng giai đoạn lịch sử mà trong quan hệ vợ chồng có những biểu hiện khác nhau. Tuy nhiên, ở bất kỳ thời đại nào thì quan hệ vợ chồng cũng chứa đựng những đặc trưng sau:

Thứ nhất: giữa vợ và chồng có sự chia sẻ cùng nhau gánh vác kinh tế trong gia đình. Bởi kinh tế gia đình là nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của gia đình. Vì thế, khi quan hệ vợ chồng được xác lập, điều đầu tiên cả vợ và chồng đều quan tâm đến đó là cùng chung sức để phát triển kinh tế gia đình. Mặc dù ngày nay, có thể có những cặp vợ chồng không sống chung dưới một mái nhà, vợ chồng sống cùng nhau nhưng lại không có trách nhiệm với nhau cả về mặt kinh tế lẫn tình cảm. Song phần lớn vẫn là những cặp vợ chồng sống chung cùng nhau, cùng sinh con và chăm sóc con cái để duy trì nòi giống, cùng chăm sóc bố mẹ hai bên (nếu còn) để làm tròn chữ hiếu, họ phải cùng nhau gánh vác kinh tế, kiếm kế sinh nhai và khẳng định vị trí xã hội của gia đình mình. Cho nên, vợ chồng thực sự bình đẳng không chỉ về quyền lợi mà còn cả nghĩa vụ và trách nhiệm trong gia đình. Cả vợ và chồng đều phải có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho gia đình bằng chính lao động xã hội của mình.

Thứ hai: quan hệ vợ chồng được đặc trưng bởi quan hệ tâm sinh lý. Trước hết, đó là mối quan hệ giữa hai người khác giới (quan hệ tình dục). Việc thỏa mãn trong quan hệ tình dục được coi là một trong những yếu tố tâm sinh lý không thể thiếu của cả vợ và chồng, là nhân tố quan trọng để đảm bảo hạnh phúc trong gia đình. Vì thế, tình yêu vợ chồng sẽ không nguội lạnh vì một lần nào đó mất đi sự đồng cảm, nhưng với thời gian nó sẽ dần héo tàn nếu như hai bên không biết ứng xử để làm vừa lòng nhau, nhất là trong quan hệ mà chỉ vợ chồng mới có. Một cặp vợ chồng bất hoà chỉ gắn bó về mặt tình

dục của cả hai cơ thể cũng không bằng hơn cặp vợ chồng mà vì sự tế nhị của trái tim không thể che giấu hoàn toàn việc không thoả mãn nhu cầu của cơ thể. Vậy là, quan hệ tình dục là điều tối quan trọng trong quan hệ vợ chồng. Nó có thể là nguyên nhân dẫn đến đổ vỡ của gia đình. Nhu cầu về quan hệ tình dục của vợ chồng không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh lý của hai người mà nó còn góp phần quy trì nòi giống - tái sản xuất ra con người - chức năng xã hội duy nhất chỉ có ở gia đình mà không có ở một thiết chế xã hội nào khác.

Thứ ba: việc sinh con và nuôi dưỡng con cái trưởng thành là trách nhiệm của cả hai vợ chồng. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa vợ và chồng sẽ dần trở nên phức tạp hơn, phong phú hơn theo sự tăng lên của các thành viên trong gia đình. Con cái chính là sợi dây tình cảm tự nhiên gắn kết quan hệ của vợ chồng nhưng đồng thời nó cũng có thể là nhân tố lớn gây nên xung đột mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng.

Mặc dù vậy, sức mạnh để duy trì quan hệ vợ chồng luôn tốt đẹp lại chính là bắt nguồn từ tình yêu thương, từ sự cảm thông sâu sắc, sự quan tâm giúp đỡ nhau ngày càng tận tình, chu đáo hơn.

Như vậy, thế giới trong quan hệ vợ chồng là vô cùng phong phú và rộng lớn, chẳng ai giống ai, chẳng có cặp vợ chồng nào là giống nhau, vì hôn nhân chỉ thuộc về hai người, chỉ có hai người chia sẻ với nhau những chuyện thầm kín. Tuy nhiên, ở đa số các cặp vợ chồng đều tồn tại những trạng thái tinh thần sau:

Thân mật là trạng thái thú vị nhất của hôn nhân, cả hai đều đang yêu nên họ muốn dâng hiến, nghĩa là sẵn sàng làm bất cứ điều gì có thể để chồng hay vợ hạnh phúc và tránh bất cứ cái gì là xúc phạm đến người kia. Họ có thể chia sẻ với nhau những tình cảm sâu lắng nhất, không ai muốn làm ai bị tổn thương. Họ cảm thấy làm đau người kia cũng là làm đau chính mình. Cuộc nói chuyện trong trạng thái thân mật bao giờ cũng là cảm thông và tôn trọng. Người chồng hay vợ luôn biểu thị tình yêu đậm thắm của mình và tỏ ra biết

on sự quan tâm chăm sóc mà mình được nhận. Bởi thế họ tạo ra sự ràng buộc gắn bó với nhau. Đó là lúc quan hệ vợ chồng đang tiến triển tốt đẹp.

Xung đột là trạng thái mà sự dâng hiến không còn nữa, là trạng thái luôn muốn làm cái gì đó theo ý thích của mình, cho dù điều đó người chồng hay vợ có thích hay không. Lúc này, họ không quan tâm đến cái mà đối phương muốn. Thay vào đó, họ đòi hỏi đối phương phải đáp ứng nhu cầu của mình trước. Họ đe dọa, hăm hè cho đến khi được đáp ứng. Trong trạng thái xung đột, càng tranh cãi càng coi thường nhau thậm chí khinh bỉ và căm thù nhau, không ai quan tâm đến ai và chỉ càng nghĩ xấu về nhau. Ở trạng thái này, quan hệ vợ chồng đang "xuống dốc không phanh" và nó sẽ trở nên cực kỳ tồi tệ nếu trạng thái tinh thần này kéo dài và âm ỉ, không có cách giải hoà.

Mọi sự vật hiện tượng trong thế giới đều có mối liên hệ với nhau, không có gì là tự nhiên sinh ra cũng không cái gì là tự nhiên mất đi. Cả trong đời sống gia đình cũng vậy, những hành vi bạo lực của chồng đối với vợ hay ngược lại, không phải là tự nhiên mà có. Nên việc phân tích mối quan hệ vợ chồng là sự cần thiết để đi sâu vào tìm hiểu tận gốc rễ bạo lực giới trong gia đình góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc, là nơi yên ấm thực sự của cuộc đời con người và xây dựng nền dân chủ nhỏ nhất của xã hội.

Quan hệ huyết thống, đó là quan hệ dòng máu nảy sinh từ quan hệ tính giao giữa đôi vợ chồng sau khi đã kết hôn. Quan hệ huyết thống làm cho gia đình trở thành nhóm tâm lý đặc thù không giống bất cứ thiết chế nào của xã hội. Các thành viên trong gia đình gắn kết với nhau về quyền lợi và nghĩa vụ, tình cảm và trách nhiệm, tình nghĩa vợ chồng và đạo lý của cha mẹ, ông bà với con cháu và ngược lại. Quan hệ hôn nhân và huyết thống làm cho mỗi thành viên trong gia đình có thể sẵn sàng hy sinh, nhường nhịn các quyền lợi cho nhau không so tính thiệt hơn, thậm chí người phụ nữ xem sự hy sinh cho chồng con như trách nhiệm, niềm hạnh phúc của mình, đây là một giá trị cao quý riêng có của gia đình. Nhưng nếu các thành viên, đặc biệt là người chủ gia đình không chú ý giải quyết hài hoà các mối quan hệ giữa họ với nhau thì

các yếu tố dẫn đến sự bất hoà trong mối quan hệ giữa các thành viên gia đình sẽ nảy sinh và phát triển, đe dọa tới sự ổn định bền vững của gia đình.

Trong mối quan hệ với từng thành viên của mình, gia đình được xem như cái toàn thể nhưng trong mối quan hệ với xã hội nó lại là cái bộ phận. Chính vì lẽ đó, sự tồn tại của gia đình luôn luôn phải giải quyết tốt các mối liên hệ bên trong (giữa các thành viên) cũng như mối liên hệ bên ngoài (giữa gia đình với cộng đồng, xã hội). Sự tồn tại của gia đình không chỉ đem lại ý nghĩa lớn lao đối với mỗi cá nhân mà có ý nghĩa lớn đối với xã hội. Vì vậy, việc xây dựng gia đình hạnh phúc, bình đẳng, tiến bộ không chỉ có ý nghĩa nhân văn sâu sắc mà còn là một trong những vấn đề quan trọng của phát triển xã hội và là biểu hiện của tiến bộ xã hội.

Từ xưa đến nay, gia đình có một vị trí vô cùng quan trọng đối với mỗi người, đặc biệt đối với phụ nữ. Gia đình là tổ ấm đem lại hạnh phúc cho mỗi cá nhân, là hệ thống hỗ trợ tốt nhất cho con người (từ khi sinh ra, lớn lên, cho đến khi mất đi) cả về vật chất và tinh thần. Với phụ nữ, từ truyền thống đến hiện đại, hơn ai hết, phụ nữ rất coi trọng gia đình, điều này có nguyên nhân tự nhiên và truyền thống văn hoá. Với chức năng tự nhiên, phụ nữ mang thai, sinh con, sự gắn kết phụ nữ với con cái dường như lớn hơn nam giới, bởi đây là sự gắn kết từ trong bào thai đũa trẻ, rồi sinh ra, nuôi nấng và dõi theo suốt cuộc đời đũa con. Theo truyền thống văn hóa, phụ nữ là người đảm nhiệm chính công việc trong gia đình, dù ngọt bùi cay đắng, nhưng bao giờ ý thức trách nhiệm gia đình cũng thường trực trong họ. Ngày nay, phụ nữ đang tham gia vào mọi mặt hoạt động của xã hội, nhưng không vì thế mà tình cảm, trách nhiệm của họ đối với gia đình giảm đi. Trong các mối quan hệ giữa các thành viên của gia đình thì quan hệ giữa vợ và chồng được xem là mối quan hệ nền tảng, từ đó hình thành và chi phối các mối quan hệ khác.

Gia đình không tồn tại một cách cô lập mà luôn có mối liên hệ với xã hội, gia đình tốt thì xã hội tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Trong mối quan hệ với xã hội, gia đình là nhân tố tích cực thúc đẩy sự phát triển xã hội thông

qua việc thực hiện các chức năng trọng đại như: tái sản xuất ra con người, là đơn vị sản xuất và tiêu dùng của xã hội, nơi trực tiếp thực hiện mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; gia đình còn là nơi bảo lưu, truyền thụ nền văn hoá của dân tộc. Mặt khác sự phát triển của xã hội cũng trực tiếp tác động đến sự phát triển của gia đình cả về kết cấu, chức năng, đời sống vật chất và đời sống tinh thần,... đặc biệt quan hệ giới và bạo lực giới trong gia đình.

Gia đình - nhóm xã hội đặc biệt vốn có vị trí quan trọng như vậy, nhưng điều làm chúng ta không khỏi băn khoăn là bạo lực giới vẫn đang tồn tại phổ biến trong gia đình.

1.1.2. Khái niệm bạo lực, bạo lực gia đình và bạo lực giới trong gia đình.

**Khái niệm bạo lực.*

Bạo lực thường được hiểu theo góc độ chính trị học. Theo quan điểm đó, bạo lực được hiểu là tính chất của một phương thức vận động chính trị: "Bạo lực là sức mạnh dùng để cưỡng bức, trấn áp hoặc lật đổ" [46;41].

Cùng với cách hiểu trên, Từ điển triết học năm 1986, tr.29 cũng giải thích: "Bạo lực là một lý thuyết duy tâm cho rằng sự bất bình đẳng xã hội là do chỗ một số người dùng bạo lực đối với những người khác gây nên".

Tuy nhiên, không phải mọi hình thức bạo lực trong xã hội đều mang tính chất chính trị. Người ta có thể dùng bạo lực để hành xử với nhau trong các mối quan hệ của cuộc sống như đánh ghen, va quyết ngoài đường phố, hàng xóm bất hoà,...

Như vậy, bạo lực không chỉ được hiểu bó hẹp theo chuyên ngành chính trị học mà được định nghĩa như sau: "*Bạo lực là việc đe dọa hay dùng sức mạnh thể chất, quyền lực đối với người khác hoặc một nhóm người, một cộng đồng gây ra hoặc làm tăng khả năng tổn thương, tử vong, tổn hại về tâm lý, ảnh hưởng đến sự phát triển, gây ra sự mất mát*" [39;23].

Tùy theo mức độ và tính chất của bạo lực mà người ta chia ra thành nhiều dạng bạo lực khác nhau: bạo lực chính trị, bạo lực vũ trang, bạo lực gia đình,...

Với bản chất là việc sử dụng sức mạnh với nhau trong các mối quan hệ xã hội, bạo lực cũng có thể là hình thức chém giết, đánh đập, triệt hạ nhau về mặt thể xác nhưng cũng có thể là trấn áp, đe dọa gây sức ép về mặt tinh thần, tâm lý. Chính vì vậy, mà nhân loại tiến bộ từ lâu đã coi bạo lực là một hành vi vô nhân đạo, cần phải lên án và loại bỏ, đặc biệt là bạo lực trong gia đình.

**Khái niệm bạo lực gia đình.*

Bạo lực gia đình là một trong những biểu hiện của bạo lực xã hội. Nó là việc các thành viên trong gia đình sử dụng sức mạnh để xử lý các vấn đề trong gia đình. Một khái niệm bạo lực gia đình được hầu hết các cuộc nghiên cứu và các dự án can thiệp sử dụng cho việc triển khai hoạt động của mình, đó là: *"Bạo lực gia đình là những hành vi bạo lực xảy ra trong phạm vi gia đình, đó là sự xâm phạm và ngược đãi về thân thể hay tinh thần, tình cảm hay tình dục, kinh tế hay xã hội giữa các thành viên trong gia đình. Bạo lực gia đình là sự lạm dụng quyền lực, một hành động sử dụng vũ lực nhằm hăm dọa hoặc đánh đập một người thân trong gia đình để điều khiển hay kiểm soát người đó"* [43;35].

Tuy nhiên, luận văn sử dụng khái niệm bạo lực gia đình được quy định trong *Luật phòng, chống bạo lực gia đình* được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua và ban hành năm 2007 làm khái niệm chuẩn. Theo Luật này thì bạo lực gia đình được hiểu là: *"Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình"*[37;1].

Gia đình là một thiết chế xã hội đặc biệt, là hình ảnh thu nhỏ của xã hội vì vậy, bạo lực gia đình cũng chính là một dạng đặc biệt của bạo lực xã hội.

Điều đặc biệt của bạo lực gia đình so với các dạng bạo lực xã hội khác chính là ở chỗ bạo lực giữa những người thân trong gia đình, những người có cùng huyết thống, dưới cùng một mái nhà - nơi mà dường như được cho là an toàn và bình yên nhất. Nhưng khi bạo lực xảy ra thì đó lại là nơi gây nhiều đau khổ và bất hạnh nhất.

Điều đặc biệt nữa là nó liên quan đến việc can thiệp khi bạo lực gia đình xảy ra. Nếu bạo lực xảy ra giữa những cá nhân trong xã hội thì luôn luôn có sự can thiệp kịp thời và cũng dễ dàng xử lý từ các cơ quan chức năng. Ngược lại, khi bạo lực gia đình xảy ra thì sự can thiệp từ các cơ quan chức năng dường như chỉ diễn ra ở những vụ bạo lực gia đình nghiêm trọng hay sự công khai từ phía nạn nhân, từ các tổ chức xã hội phi chính phủ. Chính điều này đã đẩy không ít nạn nhân bạo lực hoặc bị chết hoặc bị tàn tật hoặc trở thành nạn nhân suốt đời của nhà tù gia đình.

**Khái niệm bạo lực giới trong gia đình.*

Quan hệ giới trong gia đình là một trong những quan hệ cơ bản trong các mối quan hệ khác của gia đình. Về bản chất đó là mối quan hệ giữa nam giới và nữ giới trong gia đình: quan hệ vợ chồng, quan hệ giữa cha và con gái, quan hệ giữa mẹ và con trai, quan hệ giữa anh chị em với nhau. Tương ứng với các mối quan hệ trên thì có nhiều dạng bạo lực giới trong gia đình: bạo lực của anh chị em khác giới trong gia đình với nhau, bạo lực của cha đối với con gái, bạo lực của mẹ đối với con trai và bạo lực giữa vợ chồng với nhau,...

Theo quan điểm của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc thông qua năm 1993, bạo lực giới trong gia đình được hiểu là: *"Bất kỳ một hành động bạo lực dựa trên cơ sở giới nào dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến, những tổn thất về thân thể, về tình dục, về tâm lý hay những đau khổ của phụ nữ, bao gồm cả sự đe dọa có những hành động tương tự như vậy, sự cưỡng bức hay tước đoạt một cách tùy tiện sự tự do, dù nó xảy ra ở nơi công cộng hay trong đời sống riêng tư đều được gọi là bạo lực trên cơ sở giới"* [32;21].

Bạo lực giới trong gia đình là một sự sai lệch về giá trị xét ở góc độ tiến bộ và tích cực. Ở trong gia đình có bạo lực thì tình yêu thương và trách nhiệm dường như bị phai nhạt và xói mòn dần. Trong một môi trường mà ở đó có sự đè nén, đánh đập, chửi mắng, áp lực về tâm lý thì cá nhân rất khó tồn tại và phát triển, đặc biệt nếu điều đó xảy ra trong gia đình thì cá nhân càng bị ảnh hưởng sâu sắc hơn. Bởi vì, con người tồn tại và phát triển theo quy luật của tự nhiên và xã hội. Quy luật xã hội được quy định bởi những chuẩn mực đạo đức cùng với hệ thống Luật pháp đảm bảo quyền bình đẳng giữa con người với nhau. Hành vi bạo lực là vi phạm quyền cơ bản của con người đồng thời còn là lực cản đối với sự phát triển và phát huy nguồn lực con người.

Việc phân tích các hình thức của bạo lực giới trong gia đình sẽ là một cơ sở lý luận quan trọng góp phần tìm hiểu bản chất của bạo lực giới.

Thứ nhất, bạo lực thân thể (bạo lực thể chất) là những hành vi bạo lực mà người gây ra bạo lực thường sử dụng sức mạnh của cơ bắp như tay, chân hoặc sử dụng công cụ (thậm chí cả vũ khí) gây nên những tổn thương về sức khỏe, nhân phẩm và nguy hiểm hơn nữa là đe dọa đến tính mạng của nạn nhân bạo lực. Những hình thức phổ biến của bạo lực thân thể gồm cào cấu, cắn xé, đá, đấm, tát,...

Vết tích của hành vi này để lại thường là sự đau đớn về mặt thể xác (kéo theo đó là những tổn thương về mặt tinh thần), nó thường để lại những dấu vết trên thân thể. Đó là những bằng chứng vi phạm pháp luật dễ bị phát hiện và người gây ra hành vi đó sẽ bị xử lý theo pháp luật tùy theo mức độ nguy hiểm của hành vi cũng như tổn thương gây ra đối với người bị bạo lực nếu bị tố cáo và phát hiện.

Theo một số nghiên cứu của Trung tâm nghiên cứu giới, gia đình và môi trường trong phát triển (CGFED) và các kết quả thu thập được từ các bài viết về vấn đề này, chúng tôi xin điểm qua một số biểu hiện của hành vi bạo lực thân thể thường thấy.

Đối xử tồi tệ về mặt thân thể: Bất cứ hành vi nào sử dụng sức mạnh thể lực cho dù nó có thể để lại thương tích hay không, thì bao giờ cũng chứa đựng những hành động: cấm đoán, kiểm soát, xô đẩy thô bạo, đánh đập,...

Đối xử tồi tệ về mặt thân thể còn bao gồm việc ngăn cấm vợ hoặc chồng tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cũng như ngăn không cho họ tiếp cận được với các nhu cầu vật chất của mình như ăn, uống, ngủ, nghỉ ngơi. Đây là sự vi phạm nghiêm trọng những quyền cơ bản của con người, xâm phạm đến tự do tối thiểu mà bất kỳ ai cũng phải được hưởng, đặc biệt nó làm cản trở đến sự phát triển và tiến bộ của phụ nữ. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin: Con người trước hết là cần phải ăn, uống, chỗ ở và mặc đã rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo... được.

Gây hư hại các đồ đạc trong gia đình: Các hành động như ném đĩa, bát; đập phá đồ dùng, các dụng cụ gia đình; đánh đập vật nuôi trong gia đình và gây hư hại các tài sản khác trong gia đình.

Thứ hai, bạo lực tinh thần có thể là những lời nói, thái độ, hành vi ngược đãi hoặc sỉ nhục, làm tổn hại đến nhân phẩm, danh dự của vợ hoặc chồng; là sự cô lập, bỏ rơi, khống chế, kiểm soát mọi hành vi của nạn nhân hay là buộc người vợ chấp nhận cho mình lấy vợ hai hoặc có con ngoài giá thú. Bạo lực tinh thần cũng còn là sự áp đặt, chỉ đạo hoặc xâm phạm của người chồng hoặc vợ tới nguyện vọng, ý thích, thị hiếu riêng của nhau. Biểu hiện của bạo lực tinh thần trong gia đình còn là hành vi cưỡng ép tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ.

Khác với những hành vi bạo lực về thân thể thường để lại những dấu vết, thương tích trên thân thể thì những hành vi bạo lực tinh thần lại gây nên những tổn thương về mặt tâm lý, tình cảm rất khó chữa lành. Đó là những hành vi như lăng mạ, chửi rủa, mắng mỏ, đe dọa hoặc những hành vi khác như xúc phạm, làm nhục vợ hoặc chồng trước mặt người khác làm cho họ đau khổ, xấu hổ, ê chề. Bạo lực về tinh thần tồn tại tinh vi và phức tạp, hậu quả

của nó rất khó lường và thường tiềm ẩn, kéo dài dai dẳng với nỗi đau tinh thần dằng xé.

Theo nhiều nhà nghiên cứu thì bạo lực về tinh thần được nhận thấy qua một số biểu hiện sau:

Dùng lời nói hăm dọa: Bằng việc sử dụng những lời nói như mắng chửi, hạ nhục, lăng mạ cùng với ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ... mang tính chất đe dọa, áp đảo và gây sự sợ hãi khiến cho người bạn đời của mình luôn phải sống trong cảnh hoang mang, lo sợ. Ví dụ: dọa lấy vợ khác, dọa đi tự tử, dọa bỏ đi...

Lạm dụng về kinh tế và quyền lực của người đàn ông: Là biểu hiện sự buộc vợ phải phụ thuộc vào mình về tài chính hoặc để vợ lo toan về kinh tế một cách thái quá, luôn cố gắng tìm mọi cách để vợ lao động quá sức, kiểm soát sự tiếp cận của họ với nguồn lực gia đình như: thời gian, đi lại, ăn uống, tài chính... Mọi quyết định lớn trong gia đình người vợ hầu như không được tham gia mà chỉ có phục tùng làm theo, bắt vợ làm những việc không mang tính hiện thực trong khi chỉ có một khoản tiền ít ỏi. Thậm chí người đàn ông còn không chịu đóng góp thu nhập vào sinh hoạt chung của gia đình trong khi đó lại còn lấy tiền bạc của gia đình vào các thú vui khác của bản thân. Đôi khi người chồng còn đẩy vợ vào tình trạng "xin phép" cho mọi khoản chi tiêu cơ bản trong gia đình.

Trong gia đình, người đàn ông luôn tự cho mình có quyền hạn cao nhất, là người chỉ huy tối cao mà mọi thành viên trong gia đình đều phải tuân theo. Chính tư tưởng này, đã tồn tại trong xã hội theo chế độ phụ hệ và đến ngày nay thật khó có thể xoá bỏ hết, khiến cho người đàn ông lạm dụng quyền lực của mình một cách thái quá trong ứng xử với vợ: tự mình quyết định những việc quan trọng trong gia đình mà không bàn bạc với vợ, hành động như thể ta là người chủ duy nhất của gia đình, cư xử với vợ như người hầu, bắt vợ làm theo ý kiến của mình không đếm xỉa gì đến quyền của vợ, đến cảm xúc, suy nghĩ của vợ.

Chồng không chung thủy: Đây là nỗi đau tinh thần lớn nhất của người phụ nữ. Ai lấy chồng mà chẳng mong vợ chồng "quạt nồng ấp lạnh", mấy ai muốn "kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng". Thế mà nhiều người phụ nữ hiện nay, có chồng mà như không, luôn bị chồng bỏ rơi để đi cặp bồ, lấy vợ bé, khiến người phụ nữ phải sống trong cảnh chua xót, tủi nhục. Đã vậy, khi về nhà người đàn ông còn hay đánh đập, chửi bới vợ con. Nhiều phụ nữ vì chịu quá nhiều uất ức đã quyết định đi đến ly hôn, thậm chí có người tự tử.

Cô lập: Kiểm soát mọi hành động, việc làm của nhau. Không cho tiếp xúc, giao lưu với bạn bè, người thân, cảm thấy khó chịu khi bạn bè của vợ hay chồng đến nhà chơi, đặc biệt nếu là nam giới còn tỏ ra nghi ngờ vợ ngoại tình, buộc vợ phải bỏ việc chỉ ở nhà; luôn giám sát, theo dõi xem đi đâu, nói chuyện với ai, hạn chế hoặc không để cho có thời gian riêng; khiến người vợ hoặc chồng cảm thấy mình mất tự do, bị cô lập, họ cảm thấy cô đơn lạnh lẽo, không được chia sẻ những vướng mắc trong cuộc sống.

Làm nhục: Hành vi này chủ yếu là của chồng đối với vợ. Như chế nhạo thân thể người phụ nữ, cách ăn mặc, khả năng làm mẹ và chăm sóc gia đình, bảo vợ là ngu đần, dở hơi, không có ích, vô tác dụng, có những lời nhận xét không hay về vợ tại nơi làm việc của mình với đồng nghiệp, người thân và bạn bè hay có những lời khó chịu ở những nơi công cộng... Những điều này, làm cho người phụ nữ cảm thấy mình bị mất lòng tự trọng, mình chỉ là con người thừa đối với chồng, cảm thấy tự ti khi giao lưu, tiếp xúc với mọi người.

Thứ ba, bạo lực tình dục là sự cưỡng ép người phụ nữ phải làm những việc liên quan đến tình dục trái với mong muốn của họ. Bàn luận về những bộ phận trên thân thể người phụ nữ, đòi hỏi tình dục, cưỡng hiếp, giam cầm và sử dụng các công cụ tình dục, xem phụ nữ như một đối tượng tình dục.

Bạo lực tình dục xảy ra ở cả cuộc sống hôn nhân ép buộc và cuộc sống hôn nhân tự nguyện. Tình dục chỉ như một sự trung gian khác cho sự kiểm soát của nam giới. Hậu quả của bạo lực tình dục để lại rất nghiêm trọng cả về thể chất lẫn tinh thần. Đó là những bệnh lây nhiễm, mang thai ngoài ý muốn,

là sự đau đớn về mặt thể chất, thậm chí là mắc căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS; gây hoang mang, lo sợ cho người phụ nữ, nhiều trường hợp dẫn đến tử vong. Nếu trong quan hệ tình dục, cả hai vợ chồng là những đối tác ăn ý, hoà hợp thì đó chính là chiếc chìa khoá quý báu cho lâu dài hạnh phúc gia đình. Song sẽ là địa ngục trần gian đối với cả hai, đặc biệt là với phụ nữ khi tình dục lại trở thành một hình thức của bạo lực.

Thứ tư, bạo lực về kinh tế chính là những hành vi chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của chồng hoặc vợ hay tài sản chung của cả hai vợ chồng. Bạo lực kinh tế còn thể hiện ở hành vi cưỡng ép lao động quá sức, bắt phải đóng góp tài chính quá khả năng, kiểm soát tài chính và tạo ra sự phụ thuộc người này vào người kia.

Ngoài cách phân chia trên, trong công trình nghiên cứu "*Bạo lực gia đình - một sự sai lệch hệ giá trị*" của Lê Thị Quý và Đặng Vũ Cảnh Linh (2007) thì những hành vi bạo lực gia đình đối với phụ nữ còn có thể được phân chia như sau: Bạo lực có thể nhìn thấy được (bạo lực thân thể, bạo lực tình dục) và bạo lực không nhìn thấy được (bạo lực tâm lý, bạo lực kinh tế).

Tuy nhiên, không có một ranh giới rõ ràng nào giữa các dạng bạo lực giới trong gia đình, vì khi bạo lực giới trong gia đình xảy ra có thể đó là sự đan xen giữa các dạng bạo lực với nhau hay có những bạo lực vừa nhìn thấy được thể hiện qua các tác động về cơ thể, sức khoẻ, vừa không nhìn thấy được thể hiện qua những tổn thương về tinh thần, tình cảm.

Tóm lại, việc phân chia các hình thức bạo lực giới trong gia đình chỉ mang tính chất tương đối. Thực chất các hình thức ấy nằm trong mối quan hệ biện chứng với nhau, tương tác lẫn nhau. Bởi, các hành vi bạo lực gia đình luôn có sự đan xen, tác động giữa các hình thức bạo lực. Đôi khi chủ thể gây ra bạo lực vừa sử dụng chiến thuật tâm lý kết hợp với tấn công thân thể, ngược lại vừa tấn công thân thể, tình dục vừa lăng mạ, sỉ nhục. Bạo lực giới trong gia đình không tiến triển đơn giản theo kiểu tăng tiến từ chửi bới đến xô xát nhỏ. Thực tế là người gây ra hành vi bạo lực luôn muốn thay đổi các chiến

thuật và dùng các chiến thuật hữu hiệu nhất để kiểm soát vợ hoặc chồng. Việc sử dụng vũ lực và bạo lực tình dục hoặc đe dọa làm tổn thương về người hay tài sản, nhằm tạo thêm sức mạnh cho các hành động bạo lực về tâm lý. Đôi khi còn sử dụng sự sợ hãi của nạn nhân để kiểm soát mà không cần tấn công thân thể, vì biết người bạn đời của mình đã sử dụng bạo lực trong quá khứ nên họ luôn cảm thấy ngần ngại, lo sợ khi theo đuổi một công việc trái với ý muốn người kia. Cho nên trên thực tế, nạn nhân bạo lực phải chịu hầu hết các dạng bạo lực trên.

1.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giới và bạo lực gia đình.

1.2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về bình đẳng giới.

Chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời vào những năm 40 của thế kỷ XIX, sau đó được Lênin bảo vệ và phát triển trong bối cảnh cuộc đấu tranh giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản diễn ra mạnh mẽ. Chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là hệ thống lý thuyết về gia đình và bình đẳng giới mà đó là hệ thống lý luận triết học, là học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học và kinh tế chính trị khoa học. Tuy nhiên, dưới cách nhìn toàn diện về các vấn đề xã hội cùng tư tưởng nhân văn sâu sắc với những người bị áp bức, bóc lột, bị đối xử bất công trong xã hội, đặc biệt là những người phụ nữ, nhất là tâm huyết luôn mong muốn đem lại sự công bằng, bình đẳng cho mọi tầng lớp trong xã hội. Vì vậy, khi nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, chúng ta thấy trong tư tưởng chính trị vĩ đại của nhà kinh điển vẫn thể hiện sự cảm thông sâu sắc với những tầng lớp không được đối xử bình đẳng và công bằng trong xã hội, trong đó có sự phê phán quan niệm bất bình đẳng giới. Điều này, được thể hiện rõ qua tác phẩm "*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*".

Để bác bỏ quan niệm cho rằng: từ khi có xã hội loài người, phụ nữ đã là nô lệ của đàn ông, phủ nhận vai trò quan trọng của người phụ nữ trong gia đình, cũng như đối với sự phát triển của xã hội loài người. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã trở lại với lịch sử xã hội loài người để phân tích các cơ sở kinh tế -

xã hội dẫn tới sự áp bức của đàn ông đối với phụ nữ. Căn cứ vào các cứ liệu lịch sử, đặc biệt là những nghiên cứu về hôn nhân và gia đình của Moógan, Ph.Ăngghen đã khái quát sự biến đổi địa vị và vai trò của người phụ nữ qua hai thời kỳ hôn nhân và gia đình lớn trong lịch sử loài người, qua tác phẩm "*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*".

**Thời kỳ chế độ mẫu quyền (mẫu hệ).*

Trong thời kỳ chế độ mẫu quyền hay còn gọi là thời kỳ mẫu hệ thì hầu hết các quốc gia trên thế giới đều trải qua các hình thức hôn nhân và gia đình sau: Gia đình huyết tộc, gia đình Punaluan, gia đình đối ngẫu. Tuy là khác nhau về hình thức nhưng các mô hình gia đình trên đều có chung đặc điểm là: người phụ nữ đóng vai trò vô cùng quan trọng trong xã hội và gia đình, họ là những người tổ chức, quản lý xã hội và gia đình, họ đóng vai trò phân phối nguồn thức ăn cho các thành viên trong cộng đồng, con cái sinh ra chỉ biết có mẹ, mang huyết tộc mẹ, thừa kế tài sản của mẹ, cho nên gọi là thời kỳ mẫu hệ. Chính từ vai trò và địa vị thống trị ấy của người phụ nữ trong xã hội cũng như trong gia đình, nên thời kỳ hôn nhân và gia đình này được gọi là thời kỳ chế độ mẫu quyền (mẫu hệ).

Ở trong xã hội tồn tại chế độ mẫu quyền thì người phụ nữ có quyền lực cao nhất trong gia đình nhưng không mâu thuẫn với các thành viên theo kiểu thống trị gia đình như sau này mà ở đó có sự bình đẳng trong quan hệ giữa nam giới và nữ giới: "Đàn ông đánh giặc, đi săn bắn và đánh cá, tìm nguyên liệu làm thức ăn và kiếm những công cụ cần thiết cho việc đó. Đàn bà chăm sóc việc nhà, chuẩn bị cái ăn, cái mặc: họ làm bếp, dệt vải, may vá. Mỗi bên làm chủ trong lĩnh vực hoạt động của mình: đàn ông làm chủ trong rừng, đàn bà làm chủ ở nhà. Mỗi bên đều là người sở hữu những công cụ do mình chế tạo và sử dụng: đàn ông làm chủ vũ khí, dụng cụ săn bắn và đánh cá; đàn bà làm chủ những công cụ gia đình" [22; 224]. Trong thời kỳ này, lực lượng sản xuất còn hết sức thấp kém, trong gia đình chưa có của cải dư thừa, mọi người

đều phải lao động để kiếm sống, vấn đề tài sản riêng cũng như thừa kế tài sản của gia đình chưa được đặt ra mà mọi của cải đều là của chung. Song nếu như, người chồng nào mà "quá lười biếng" hay "vụng về" không góp được sức của mình vào việc làm ra của cải chung thì anh ta có thể bị đuổi ra khỏi nhà hoặc là anh ta phải đi tìm nơi kết hôn ở một thị tộc khác. Điều đó cho thấy, trong gia đình người phụ nữ giữ vai trò thống trị, có địa vị cao nhất và trong thị tộc họ cũng là người có quyền lực rất lớn, thể hiện ở chỗ: "khi cần họ cũng không ngần ngại cách chức một tù trưởng và hạ người đó xuống hàng chiến sĩ thường" [22; 83]. Theo Ăngghen, sở dĩ trong thời kỳ cộng sản nguyên thủy các hình thức gia đình huyết tộc, gia đình Phunaluan và gia đình đối ngẫu người phụ nữ có vai trò và địa vị thống trị trong gia đình bởi những lý do sau:

Thứ nhất, do đặc điểm của nền kinh tế cộng sản nguyên thủy đã đưa lại vị thế thống trị của người phụ nữ trong gia đình cũng như trong xã hội. Trong thời kỳ này, trình độ sản xuất còn thấp kém, lực lượng sản xuất chưa phát triển, con người chủ yếu sống dựa vào tự nhiên nên nền kinh tế thời kỳ này mang đậm tính tự phát. Đồng nghĩa với nó, là của cải làm ra trong xã hội chỉ đủ để phục vụ chung cho cả cộng đồng thị tộc, thuộc về cả thị tộc mà chưa có sự dư thừa để tích lũy cá nhân, đó chính là sở hữu công cộng. Do vậy, trong nền kinh tế gia đình cộng sản nguyên thủy mặc dù người phụ nữ làm công việc nội trợ là chủ yếu nhưng công việc đó của họ vẫn được coi là công việc quan trọng trong xã hội, ngang bằng như nam giới cung cấp lương thực: "một nền kinh tế bao gồm nhiều cặp vợ chồng với con cái họ, việc tề gia nội trợ, được giao cho phụ nữ là một ngành doanh nghiệp cần thiết, cũng ngang như nam giới cung cấp lương thực" [22; 118].

Như vậy, bằng sự phân tích sâu sắc của mình, Ph. Ăngghen đã cho thấy địa vị thống trị của người phụ nữ đối với người đàn ông trong gia đình và ngoài xã hội được xác lập là có cơ sở sâu xa từ điều kiện kinh tế. Cơ sở kinh

tế của các hình thức gia đình đầu tiên trong thời kỳ mẫu quyền là sự sản xuất và phương thức phân phối theo lối công xã. Quan hệ sản xuất lúc đó dựa trên cơ sở sử dụng tập thể các tư liệu sản xuất trong quá trình tìm kiếm của cải vật chất và phân phối của cải ấy mang tính chất tập thể. Vì vậy, trong nền kinh tế này công việc nội trợ trong gia đình của người phụ nữ cũng đóng vai trò quan trọng như công việc trực tiếp sản xuất vật chất của người đàn ông.

Thứ hai, trong thời kỳ chế độ mẫu quyền, con cái được xác lập theo dòng họ mẹ. Đây chính là nguyên nhân thứ hai đưa đến địa vị cao hơn so với nam giới của người phụ nữ. Với chế độ quần hôn nên người ta không biết chắc chắn ai là cha đích thực của đứa trẻ nhưng người ta lại biết rất rõ ai là mẹ của nó nên con cái hoàn toàn theo họ mẹ mà không biết cha mình là ai. Chính vì vậy, người phụ nữ có một lực lượng sản xuất quan trọng nhất trong xã hội, đó là sức lao động dồi dào từ con cái họ, như Ph. Ăngghen khẳng định: "phần đông phụ nữ, nếu không phải là tất cả phụ nữ, đều cùng thuộc một thị tộc duy nhất, còn đàn ông thuộc nhiều thị tộc khác nhau, là cơ sở hiện thực của quyền thống trị của người đàn bà, cái quyền thống trị phổ biến khắp mọi nơi trong thời nguyên thủy" [22; 83]. Do vậy, "rõ ràng là chừng nào chế độ quần hôn còn tồn tại thì dòng dõi chỉ có thể xác định được về bên mẹ mà thôi và vì vậy chỉ có nữ hệ là được thừa nhận" [22; 73] thì quyền lực trong gia đình và xã hội sẽ luôn thuộc về người phụ nữ. Trong đó, người phụ nữ có nhiều quyền hành và địa vị vinh dự hơn người đàn ông - những cái mà họ vĩnh viễn mất đi khi chế độ mẫu quyền bị chế độ phụ quyền thay thế.

**Thời kỳ chế độ phụ quyền.*

Đặc trưng của thời kỳ hôn nhân và gia đình này là hình thức gia đình một vợ một chồng (gia đình cá thể). Trong hình thức gia đình này, quyền thống trị thuộc về người đàn ông. Vai trò và vị trí thống trị của người vợ trong gia đình bị lật đổ, lúc này người vợ ngoài việc sinh con đẻ cái ra thì "chỉ là

một đầy tớ chính". Sự thay đổi vai trò của người phụ nữ trong gia đình có tính chất bước ngoặt lịch sử này là do những nguyên nhân kinh tế - xã hội của nó.

Theo Ph. Ăngghen, cùng với sự phát triển của phương thức sản xuất thì của cải làm ra cũng ngày càng tăng lên nhanh chóng dẫn đến sự dư thừa của cải trong cộng đồng thị tộc, từ đó xuất hiện tâm lý chiếm hữu tài sản dư thừa ấy làm tài sản riêng của cá nhân mình, chế độ tư hữu xuất hiện. Điều này xảy ra trong thời kỳ xuất hiện ngành chăn nuôi, khi mà người đàn ông bắt đầu đóng vai trò quyết định trong sản xuất, còn công việc của người phụ nữ chỉ là phần phụ thêm không đáng kể. Một sự thay đổi làm đảo ngược trật tự so với trước đó, chỉ vì sự phân công lao động trong gia đình và ngoài xã hội đã thay đổi, dẫn đến sự thay đổi giá trị về địa vị của người phụ nữ và nam giới. Chính nguyên nhân trước đây đảm bảo cho người phụ nữ nắm quyền thống trị trong gia đình thì giờ đây cũng nguyên nhân ấy lại làm cho sự thống trị của người đàn ông ở trong nhà trở nên tất yếu; bây giờ những công việc nội trợ của người đàn bà mất hết ý nghĩa của nó so với lao động sản xuất của người đàn ông bởi công việc đó của người đàn bà chỉ là sự đóng góp không đáng kể. Vì "ngày nay trong phần lớn các trường hợp, người chồng phải kiếm ra tiền, phải là người nuôi dưỡng gia đình, ít ra cũng là trong các giai cấp có của; và điều đó mang lại cho người đàn ông một địa vị thống trị mà không cần phải có một đặc quyền pháp luật nào cả. Trong gia đình người chồng là nhà tư sản, người vợ đại diện cho giai cấp vô sản" [22; 118]. Như vậy, từ lĩnh vực kinh tế và gia đình, đến đây vấn đề quyền thống trị của người đàn ông chuyển sang lĩnh vực xã hội. Người đàn ông làm chủ gia đình, thị tộc cũng giữ luôn quyền phân phối tài sản của tập thể, nắm lấy những quyền hành xã hội. Chính điều này, đã đánh một đòn mạnh vào hôn nhân đối ngẫu, tạo cơ sở cho sự hình thành gia đình một vợ một chồng - hình thức gia đình đầu tiên không dựa trên những điều kiện tự nhiên, mà dựa trên những điều kiện kinh tế, tức là trên những thắng lợi của sở hữu tư nhân đối với sở hữu cộng sản nguyên thủy. Từ đó, Ph.Ăngghen khẳng định: bước chuyển từ chế độ quần hôn sang chế độ hôn

nhân một vợ một chồng là một tất yếu lịch sử, dựa trên cơ sở sự ra đời của chế độ tư hữu và do đó, xét về toàn bộ tiến trình phát triển của xã hội loài người thì đó là một hiện tượng tiến bộ, song hình thức gia đình ấy cũng bao hàm cả tình trạng người phụ nữ bị nô dịch. Bởi trước đây, vấn đề thừa kế tài sản trong gia đình không được quan tâm lắm vì gia đình không có tài sản dư thừa. Ngày nay, khi người đàn ông làm ra nhiều của cải dư thừa họ mong muốn con cái họ sẽ được thừa hưởng tài sản ấy mà điều này chỉ được thực hiện khi người cha biết đích xác con của mình nghĩa là con cái phải được xác lập theo dòng họ cha, như Ph. Ăngghen đã chỉ ra rằng chính việc: "dòng họ tính theo đảng mẹ và quyền thừa kế mẹ bị xoá bỏ, dòng dõi tính theo đảng cha và quyền thừa kế cha được xác lập" [22;94] là sự chuyển giao quyền lực giữa hai giới nam và nữ trong xã hội và gia đình. Điều này, tạo nên mốc lịch sử đánh dấu sự thất bại của người phụ nữ trong cuộc "giao tranh" quyền lực không có tiếng súng: "Chế độ mẫu quyền bị lật đổ là sự thất bại có tính chất toàn thế giới của giới nữ. Ngay cả ở trong nhà, người đàn ông cũng nắm lấy quyền cai quản, còn người đàn bà thì bị hạ cấp, bị nô dịch, bị biến thành nô lệ dâm dăng của đàn ông, thành một công cụ sinh đẻ đơn thuần" [22;95]. Sự "thay bậc đổi ngôi" này giữa nữ giới và nam giới cũng đánh dấu một kỷ nguyên bất bình đẳng giới trong lịch sử nhân loại, điều mà hiện nay vẫn đang tồn tại khắp mọi nơi trên thế giới, với mức độ ít nhiều khác nhau, "ngay cả trong điều kiện hoàn toàn bình đẳng, thì sự thật phụ nữ vẫn bị trói buộc vì toàn bộ công việc gia đình đều trút lên vai phụ nữ" [22;321].

Bước chuyển sang hôn nhân một vợ một chồng, ngoài nguyên nhân do kinh tế phát triển còn có công lao to lớn của người phụ nữ về phương diện đạo đức. Như Ph. Ăngghen đánh giá Bắc-hô-phen là hoàn toàn có lý khi cho rằng: "những quan hệ tình dục cổ truyền mất đi tính ngây thơ nguyên thủy của nó và càng tỏ ra là nhục nhã và nặng nề đối với người đàn bà, nên họ muốn ngày càng nồng nhiệt, đạt được quyền được giữ trinh tiết, kết hôn nhất thời hay lâu dài với chỉ một người đàn ông, coi đó là được giải phóng. Bước tiến

đó không thể nào do người đàn ông mà có cả, chỉ vì cho đến tận ngày nay, đàn ông không bao giờ có ý muốn từ bỏ cái thú của chế độ quân hôn thực sự cả" [23;87-88].

Như vậy, người phụ nữ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra bước chuyển từ chế độ hôn nhân quân hôn sang chế độ hôn nhân một vợ một chồng - chế độ hôn nhân khẳng định quyền lực thuộc về người đàn ông. Nhưng người phụ nữ đã không được đền đáp lại một cách xứng đáng với công lao ấy. Ngược lại, địa vị mà họ có được trong thời kỳ mẫu quyền vĩnh viễn bị mất đi khi chuyển sang chế độ phụ quyền. Thậm chí tồi tệ hơn, người phụ nữ còn bị đẩy xuống loại người thấp hèn, bị lệ thuộc, bị trói buộc, bị đối xử bất công. Họ hoàn toàn bị mất quyền, mọi thói thô bạo của người đàn ông đối với người phụ nữ đều được coi là bình thường. Như Ph.Ăngghen từng nhận định "thói thô bạo đối với vợ là thói đã thành tập quán từ khi có chế độ một vợ một chồng" [23; 115] và cái tập quán ấy không chỉ bó hẹp trong gia đình mà nó còn tồn tại trong cả xã hội: "cái gì là tội lỗi đối với người phụ nữ và đưa lại những hậu quả pháp luật và xã hội nghiêm trọng thì ở người đàn ông, lại được coi là một điều rất vinh dự, hoặc tệ lắm cũng chỉ là một vết nhơ còn con về đạo đức mà người ta vui thích nhận lấy" [23; 119]. Vậy là, cùng với sự tiến bộ về hôn nhân và gia đình thì sự nhìn nhận của gia đình, xã hội về vai trò và địa vị của người phụ nữ lại có bước thụt lùi. Khi coi người phụ nữ không khác hơn là kẻ nô lệ, phục dịch cho người chồng của mình, thậm chí người chồng có quyền đối xử thô bạo với họ. Chính điều này, không chỉ tạo ra sự bất bình đẳng giới mà còn gây ra xung đột mâu thuẫn rất khó giải quyết giữa vợ và chồng trong gia đình. Ph.Ăngghen đã từng khẳng định: "Chế độ hôn nhân cá thể, quyết không phải đã xuất hiện trong lịch sử như là sự hoà giải giữa đàn ông và đàn bà... trái lại nó thể hiện ra là sự nô dịch của giới này đối với giới kia, là sự tuyên bố xung đột giữa hai giới, sự xung đột mà người ta chưa từng thấy trong suốt thời kỳ tiền sử" [23; 106].

C.Mác và Ph.Ăngghen đã đặt nền móng căn bản cho việc thực hiện bình đẳng giữa nam và nữ trong gia đình nói riêng, về sau, các quan điểm cơ bản của C.Mác và Ph. Ăngghen đã được Lênin cụ thể hóa ở nước Nga.

Là học trò xuất sắc của C.Mác, Ph.Ăngghen; V.I.Lênin đã phát triển quan hệ bình đẳng giới trong gia đình ở thời đại mới, khi CNTB đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, đặc biệt là sự ra đời của chế độ XHCN ở nước Nga. Bằng lý luận và bằng chính thực tiễn của nước Nga, V.I.Lênin đã đấu tranh kiên quyết chống lại luận điệu xuyên tạc chủ nghĩa Mác về vấn đề tình yêu - hôn nhân và gia đình của giai cấp tư sản, đồng thời vạch trần bộ mặt thật của chế độ tư bản và Hiến pháp tư sản. Trên báo Sự thật ngày 6-11-1919, V.I.Lênin viết: "Trên lời nói, chế độ dân chủ tư sản hứa hẹn bình đẳng và tự do. Trong thực tế, không một nước cộng hòa tư sản nào, dù là nước tiên tiến nhất, đã để cho một nửa loài người là nữ giới được hoàn toàn bình đẳng với nam giới trước pháp luật và giải phóng phụ nữ khỏi sự bảo trợ và sự áp bức của nam giới" [21, tr. 325].

Không ảo tưởng ở giai cấp tư sản, V.I.Lênin đã kêu gọi phụ nữ vùng lên làm cách mạng, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng cho chính mình. Sau khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công, V.I. Lênin đã hiện thực hóa lý tưởng giải phóng phụ nữ tại nước Nga bằng các chính sách cụ thể và thiết thực.

Thứ nhất: Luật pháp hóa quyền bình đẳng nam nữ. Cùng với thủ tiêu pháp luật tư sản là việc ban hành pháp luật mới, theo Người, trong pháp luật mới, người ta không còn thấy một chút dấu vết gì về việc phụ nữ bị đối đãi bất bình đẳng.

Thứ hai: Không chỉ giải phóng phụ nữ bằng luật pháp, để phụ nữ thực sự được bình đẳng, có quyền tham gia quyết định vận mệnh của đất nước mình, Nhà nước Xô viết đã đưa phụ nữ trực tiếp tham gia quản lý nhà nước, xây dựng củng cố chính quyền.

Thứ ba: Không chỉ giải phóng phụ nữ ở ngoài xã hội mà phải giải phóng họ ngay trong gia đình, chính nơi đây gánh nặng công việc đang đè lên vai họ, làm cho họ không thể phát triển như nam giới: "Mặc dù có mọi luật lệ giải phóng, nhưng phụ nữ vẫn còn là nô lệ trong gia đình, vì những công việc nội trợ linh tinh còn đè nặng lên lưng họ, làm cho họ nghẹt thở, mù mẫm, nhục nhằn, ràng buộc họ vào bếp núc, vào buồng con cái, lãng phí sức lực của họ vào một công việc cực kỳ kém năng suất, tụn mუნ, làm cho họ nhọc nhằn, đần độn, bị gò bó" [49;27-28].

V.I. Lênin còn cho rằng, bình đẳng nam nữ không đồng nghĩa với sự ngang bằng theo kiểu phụ nữ tham gia lao động với năng suất, khối lượng, thời gian và điều kiện lao động như nam giới, bởi "ngay trong điều kiện hoàn toàn bình đẳng, thì sự thật phụ nữ vẫn bị trói buộc vì toàn bộ công việc gia đình đều trút lên vai phụ nữ" [21;321]. Làm sao cho phụ nữ giảm bớt được gánh nặng công việc gia đình, có thêm nhiều thời gian để học tập, lao động ngoài xã hội, để phụ nữ vừa làm tròn trách nhiệm gia đình và trách nhiệm với xã hội. Chính sách của Nhà nước trong việc "xây dựng nhà ăn công cộng, nhà gửi trẻ, vườn trẻ...", tuy là những phương tiện giản đơn, không một chút khoa trương nhưng thực tế lại *giảm bớt và từ bỏ được tình trạng không bình đẳng* của phụ nữ với nam giới.

Trong thời gian không dài từ sau Cách mạng tháng Mười, V.I. Lênin đã dành sự quan tâm lớn đến việc thực hiện các biện pháp để xóa bỏ bất bình đẳng nam nữ do chế độ cũ để lại, từng bước tạo lập quan hệ bình đẳng nam nữ trong chế độ mới. Người quan niệm phụ nữ phải được bình đẳng với nam giới về mọi phương diện luật pháp, kinh tế, xã hội... trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Người đặc biệt quan tâm tới gia đình, nơi phát sinh, duy trì sự bất bình đẳng nam nữ hàng ngàn năm, cho nên cần có một chính sách thật cụ thể, thiết thực giúp phụ nữ vươn lên bình đẳng với nam giới. Cách mạng tháng Mười mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc cho các dân tộc bị áp bức, đồng thời cũng

mở đầu cho cuộc đấu tranh giải phóng phụ nữ trên toàn thế giới. Tiếp theo nước Nga, một loạt nước XHCN ra đời và đã từng bước biến điều "*không thể*" (bình đẳng nam nữ) như giai cấp thống trị đã tuyên bố thành điều "*có thể*" và thành *hiện thực*.

Tóm lại, chủ nghĩa Mác - Lênin đã đặt cơ sở lý luận quan trọng cho việc thực hiện bình đẳng giới và cũng khẳng định bình đẳng giới là chìa khoá quan trọng mở ra sự phát triển toàn diện của một đất nước, bởi chỉ có bình đẳng giới được thực hiện thì mới là điều kiện, là động lực thúc đẩy một nửa lực lượng sản xuất - nữ giới phát triển đúng với tiềm năng, thế mạnh của nó. Vì bình đẳng giới là cơ sở quan trọng cho sự phát triển của con người một cách đầy đủ nhất.

1.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giới gắn với chống bạo lực gia đình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 - 1969) là vị anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam và là danh nhân văn hoá thế giới, suốt đời đấu tranh cho tiến bộ, hoà bình, tự do và hạnh phúc của nhân loại.

Trong di sản của Người, tư tưởng về giải phóng phụ nữ, đặc biệt là nội dung về vai trò của người phụ nữ chiếm một vị trí quan trọng. Tư tưởng ấy, được thể hiện trong các bài viết về phụ nữ, hay trong những cuộc nói chuyện với phụ nữ cả nước... Qua tư tưởng ấy, Người vừa thể hiện sự cảm thông sâu sắc với thân phận người phụ nữ vừa mong muốn người phụ nữ được đối xử bình đẳng trong gia đình cũng như ngoài xã hội.

Phụ nữ Việt Nam có quyền hãnh diện trước phụ nữ năm châu về vị lãnh tụ kính yêu của mình. Một nữ giáo sư sử học người Mỹ đã giành những lời trân trọng nhất nói về Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người. Bà viết: "Hai thế kỷ qua đã sản sinh ra những lãnh tụ chính trị nổi tiếng trên thế giới nhiều hơn tất cả các giai đoạn khác trong lịch sử. Trong số những lãnh tụ là nam giới như: T.Giécphecxen, M.Găngđi, Mao Trạch Đông,

M.Lútthokinh... chỉ có Hồ Chí Minh đã luôn luôn nói về quyền bình đẳng của phụ nữ được hưởng các quyền khác nhau như nam giới. Chỉ có Hồ Chí Minh là thấy được rằng phụ nữ đã phải chịu đựng gánh nặng như nam giới và còn hơn thế nữa. Tất cả các lãnh tụ nói trên đều quan tâm sâu sắc đến công lý xã hội, cho toàn thể xã hội, nhưng chỉ có Hồ Chí Minh đã thẳng thắn nói về chủ đề phụ nữ" [13; 142]. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của phụ nữ có cội nguồn sâu xa từ truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc Việt Nam mà một trong những nét tiêu biểu nhất chính là phụ nữ Việt Nam luôn thể hiện vai trò quan trọng của mình đối với gia đình và xã hội. Sự đóng góp to lớn của người phụ nữ vào công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước đã tạo nên hình tượng người phụ nữ, người mẹ Việt Nam - hình tượng đẹp nhất trong tâm hồn, ý thức con người mọi thế hệ Việt Nam.

Với truyền thống của người phụ nữ Việt Nam cùng sự ảnh hưởng từ gia đình đã tạo nên những yếu tố có tác động sâu sắc đến việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của phụ nữ. Đó là, truyền thống đáng tự hào của phụ nữ Việt Nam với hình ảnh những người phụ nữ "giỏi việc nước, đảm việc nhà", "giặc đến nhà đàn bà cũng đánh". Đó là, tấm lòng hiền dịu, đức hy sinh cho mọi người của Mẹ Người - Cụ Hoàng Thị Loan - một mình chịu đựng vất vả nuôi con và gánh nặng gia đình để Cha Người - Cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc đi dạy học và chữa bệnh ở xa; đó là người chị của Người - Bà Nguyễn Thị Thanh, một người phụ nữ cần cù lao động, giàu lòng yêu nước. Mẹ và chị của Người là hình ảnh thu nhỏ của phụ nữ Việt Nam. Chính điều này, đã cho Hồ Chí Minh thấy được vai trò và khả năng to lớn của phụ nữ Việt Nam, khẳng định sự tham gia của phụ nữ là nhân tố góp phần quyết định thắng lợi trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Người viết: "Từ đầu thế kỷ thứ nhất, Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa, đánh giặc, cứu dân cho đến ngày nay mỗi khi nước nhà gặp nguy nan, thì phụ nữ ta đều hăng hái đứng lên góp phần xứng đáng của mình vào sự nghiệp giải phóng dân tộc" [25; 148]. Xuất phát từ sự đánh giá đúng đắn vai trò của người phụ nữ nên

trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền, lúc ở nước ngoài cũng như khi trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đến sức mạnh to lớn của phụ nữ Việt Nam: An Nam cách mệnh cũng phải có nữ giới tham gia mới thành công.

Người đã kêu gọi phụ nữ tham gia phong trào cách mạng, tham gia Mặt trận Việt Minh. Trước giờ phút quyết định của công cuộc giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã kêu gọi toàn dân tộc, không phân biệt già trẻ, trai gái, giàu nghèo, tôn giáo chung sức, đồng lòng đứng lên làm Cách mạng Tháng Tám năm 1945, giải phóng khỏi ách gông xiềng, giành tự do, độc lập.

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của dân tộc ta, phụ nữ có mặt trên khắp các mặt trận ở tiền tuyến cũng như hậu phương, phục vụ chiến đấu và trực tiếp chiến đấu. Hồ Chí Minh cũng thường xuyên quan tâm, theo dõi hành động cách mạng của chị em. Người rất cảm động trước những việc làm cao đẹp của các bà mẹ, người chị đối với các chiến sỹ: các bà mẹ chiến sỹ và các chị em giúp thương binh đã hoà lẫn lòng yêu nước, yêu con, yêu chiến sỹ thành một mối thương yêu không bờ bến mà giúp đỡ chiến sỹ và săn sóc thương binh như em ruột của mình. Từ tấm lòng cao đẹp đó của người phụ nữ Việt Nam, Hồ Chí Minh đã nhìn nhận và đánh giá họ không chỉ là anh hùng trong chiến đấu mà còn đóng vai trò rất quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước và gia đình, đặc biệt vai trò của họ đối với sự phát triển của thế hệ trẻ - tương lai của dân tộc, của đất nước.

Nhưng điều khiến cho Hồ Chí Minh phải trăn trở và dành nhiều sự cảm thông với phụ nữ nhất chính là ở chỗ: Người thấy rằng phụ nữ vừa chịu nhiều vất vả, gian khổ trong cuộc sống xã hội vừa chịu nhiều ngược đãi, đối xử bất công trong gia đình, nhất là nỗi khổ nhục của người phụ nữ ở các nước thuộc địa, Người viết: "dưới chế độ phong kiến và thực dân, người phụ nữ bị áp bức tàn tệ. Ngoài xã hội thì người phụ nữ bị xem khinh như nô lệ. Ở gia đình thì họ bị kìm hãm trong xiềng xích tam tòng" [27; 661]. Người xót xa trước cảnh

"không một chỗ nào người phụ nữ thoát khỏi những hành động bạo ngược" [25; 435]. Ở ngoài xã hội thì là những cảnh phụ nữ bị bọn thực dân phong kiến bắt đội đá đứng suốt cả ngày... để trừng phạt họ. Tàn ác hơn, ngay cả cụ già, trẻ nhỏ và phụ nữ có thai chúng cũng không tha. Hồ Chí Minh đau lòng biết bao khi thấy cảnh "cụ già ngã xuống ngất đi vì đói lả", những "em gái vì bị khủng bố bằng những hành vi tàn ác đó nên đã bật hành kinh tuy chưa đến tuổi" và những "người đàn bà truy thai con chết ngay khi sinh". Hay "một tên lính muốn bắt một phụ nữ An Nam hiến thân cho chó của nó. Người phụ nữ ấy không chịu liền bị đâm chết bằng một nhát dao lưỡi lê vào bụng" [25; 54]. Tất cả những nỗi khổ nhục, tàn ác mà người phụ nữ phải chịu ở ngoài xã hội là do chế độ thực dân, phong kiến gây ra. Từ thực tiễn ấy, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: chế độ thực dân là chế độ hãm hiếp đàn bà và giết người. Người kết án: Những tội ác này toàn bộ chế độ thực dân phải chịu trách nhiệm trước lịch sử.

Ngoài xã hội thì như vậy, ở ngay trong gia đình của mình người phụ nữ cũng không thoát khỏi cảnh bị đối xử tàn bạo, được coi là như "con ong, cái kiến trong gia đình". Dường như trước mắt của Người là một nghịch lý vô cùng đau đớn, trong khi người phụ nữ với tư cách là vợ, là mẹ trong gia đình đóng một vai trò rất quan trọng: là người thầy đầu tiên của con cái, là sợi dây tình cảm kết nối giữa các thành viên trong gia đình, họ phải lo toan mọi công việc nội trợ gia đình... với vai trò đó, lẽ ra người phụ nữ phải được hưởng tình yêu thương và cuộc sống gia đình hạnh phúc. Vậy mà, trên thực tế, họ lại bị đối xử bất công, bị khinh rẻ, bị hủ tục lạc hậu và lễ giáo phong kiến trói buộc, không được học hành, phải chịu cảnh tảo hôn, bị gia đình nhà chồng đối xử tàn tệ. Thậm chí ngay cả người chồng là gần gũi nhất, cũng đối xử với họ theo kiểu "chồng chúa vợ tôi". Hiểu và thông cảm sâu sắc trước nỗi khổ ấy của người phụ nữ nên trong nhiều bài viết và các cuộc gặp gỡ nói chuyện với nhân dân, cán bộ địa phương, Hồ Chủ tịch cũng luôn nhắc nhở mọi người phải tôn trọng phụ nữ và thực hiện bình quyền giữa nam giới và nữ giới. Nhân dịp về thăm nhân dân và cán bộ tỉnh Thái Bình, Hồ chủ tịch căn dặn: "Phải

kính trọng phụ nữ. Chúng ta làm cách mạng để giành lấy bình quyền, bình đẳng, trai gái đều ngang quyền nhau. Lênin dạy chúng ta: Phụ nữ là một nửa xã hội. Nếu phụ nữ chưa được giải phóng thì cả xã hội chưa được giải phóng cả. Phụ nữ thì phải tự mình phấn đấu giữ gìn bình đẳng với đàn ông. Đàn ông phải kính trọng phụ nữ. Nhưng Bác nghe nói vẫn có người đánh chửi vợ! Đó là điều đáng xấu hổ. Như thế còn gì là tình nghĩa vợ chồng? Như thế là phạm pháp, là cực kỳ dã man. Chi bộ Đảng phải giáo dục đảng viên và nhân dân về quyền bình đẳng giữa vợ chồng. Đoàn thể phụ nữ và thanh niên phải bảo ban nhau cách cư xử hoà thuận trong gia đình..." [28; 195].

Khi gặp gỡ với cán bộ tỉnh Hà Tây, Người cũng thẳng thắn nhắc nhở cán bộ địa phương: "Đánh vợ là rất xấu hổ! Sao khi thì anh em em, mà khi thì lại thúi người ta? Nếu có đánh vợ thì phải sửa và như vậy là dã man, là phạm pháp luật. Đàn ông là công dân, đàn bà cũng là công dân, dù là vợ chồng, người công dân này đánh người công dân khác là phạm pháp. Muốn ngăn chặn được tệ nạn đánh vợ thì các cô, phụ nữ và thanh niên phải phụ trách việc này. Mình phải tôn trọng quyền của mình. Bác biết được có nơi chồng đánh vợ, cũng bè cánh che giấu cho nhau. Bí thư đánh vợ thì ủy viên giấu đi" [28;225].

Cùng với việc nhận rõ vai trò và vị trí quan trọng của người phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội, Hồ Chí Minh cũng thấu hiểu sâu sắc những bất công mà người phụ nữ phải chịu đựng. Do đó, với Hồ Chí Minh cuộc cách mạng giải phóng dân tộc chỉ thực sự thành công khi nó gắn liền với công cuộc giải phóng phụ nữ. Đó là việc phải xoá bỏ tận gốc rễ tư tưởng trọng nam khinh nữ đã ăn sâu vào tiềm thức của mỗi người dân, mỗi gia đình và toàn thể xã hội.

1.3. Khung pháp lý về phòng, chống bạo lực giới trong gia đình.

Việc chống lại mọi hình thức bạo lực gia đình vì mục tiêu bình đẳng, phát triển và hoà bình đã trở thành chương trình hoạt động của nhiều tổ chức

quốc tế, của các quốc gia và khu vực trên thế giới. Từ đó, hình thành nhiều văn bản pháp luật quan trọng tạo hành lang pháp lý đem lại sự công bằng cho mọi thành viên trong gia đình, là cơ sở vững chắc để gia đình phát triển.

**Văn bản pháp luật quốc tế về phòng, chống bạo lực giới*

Trước thực trạng bạo lực đang diễn ra ở hầu hết các quốc gia; nhiều diễn đàn quốc tế đã được tổ chức với nội dung chủ yếu là đi sâu vào vấn đề bạo lực trong gia đình. Từ đó, chính phủ các nước cũng có cách nhìn nhận sâu sắc hơn về bạo lực gia đình, không còn coi nó là vấn đề riêng tư của mỗi gia đình nữa, không còn là vấn đề đạo đức xã hội nữa mà là sự vi phạm không thể chấp nhận được đối với nhân phẩm của con người, cần phải có sự điều chỉnh của pháp luật. Cụ thể:

Trong kế hoạch hành động tại Hội nghị phụ nữ quốc tế lần thứ nhất (1975): nhấn mạnh đến nhu cầu về chương trình giáo dục và cung cấp kỹ năng giải quyết các xung đột nội bộ nhằm bảo vệ nhân phẩm, bình đẳng, an ninh cho các thành viên gia đình.

Trong số các Công ước quốc tế về nhân quyền, thì Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) chiếm một vị trí quan trọng trong việc đưa một nửa nhân loại là phụ nữ đến mục tiêu đấu tranh vì quyền con người. Công ước CEDAW được Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc phê chuẩn vào ngày 18/12/1979. Công ước này đã bắt đầu có hiệu lực như một Hiệp ước quốc tế vào ngày 03/9/1981. Chính phủ Việt Nam ký Công ước ngày 29/7/1980 và Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phê chuẩn ngày 19/3/1982. Nội dung của Công ước đề cập đến thực trạng cấp bách của nạn phân biệt đối xử đối với phụ nữ đang diễn ra ở khắp mọi nơi. Công ước cũng nêu lên sự phân biệt đối xử đó là: "vi phạm các nguyên tắc về quyền bình đẳng, xúc phạm đến phẩm giá con người".

Điều 1 của Công ước đã nói đến: Thuật ngữ phân biệt đối xử với phụ nữ sẽ bao gồm mọi phân biệt, ngăn cản hoặc hạn chế được đặt trên cơ sở giới tính...

Điều 2 của Công ước yêu cầu: Các nước tham gia Công ước lên án sự phân biệt đối xử với phụ nữ dưới mọi hình thức...

Điều 7 của Công ước đã đề cập đến việc bình quyền của phụ nữ trong mọi hoạt động, mọi khía cạnh của đời sống xã hội như văn hoá, kinh tế, chính trị, giáo dục, y tế... Phụ nữ được đảm bảo quyền bầu cử, tham gia lãnh đạo cơ quan nhà nước và quyền thực thi trách nhiệm xã hội của mình.

Nhìn chung, mọi điều khoản của Công ước đều nhằm xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, để đảm bảo sự công bằng, bình đẳng cho phụ nữ, góp phần vào việc xây dựng một thế giới hoà bình không có bạo lực cả trong xã hội và gia đình.

Hội nghị quốc tế phụ nữ lần thứ ba (1985) đã đưa ra chiến lược hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ. Bằng việc thừa nhận sự tồn tại phổ biến của bạo lực đối với phụ nữ, với nhiều hình thức trong đời sống thường ngày, diễn ra ở mọi xã hội với các biểu hiện đa dạng như: phụ nữ bị ngược đãi ở gia đình, là đối tượng của nạn buôn bán người, mại dâm cưỡng bức; phụ nữ phạm tội bị giam giữ trong nhà tù và phụ nữ sống trong hoàn cảnh có xung đột vũ trang. Hội nghị kêu gọi xây dựng các chính sách phòng ngừa, các biện pháp, công cụ pháp lý, bộ máy quốc gia và chương trình hỗ trợ toàn diện đối với các đối tượng đã nêu. Đồng thời, nâng cao nhận thức của công chúng về bạo lực đối với phụ nữ như một vấn đề xã hội.

Tại Hội nghị thế giới về Quyền con người, được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua tháng 12/1993 tại Viên (thủ đô nước Áo), khái niệm về bạo lực gia đình đối với phụ nữ đã được đưa ra, đó là: Bất kỳ một hành động bạo lực nào dựa trên cơ sở giới, trực tiếp chống lại phụ nữ (với lý do đơn giản đó là phụ nữ, ở mọi lứa tuổi, kể cả trẻ em gái dưới 18 tuổi) hoặc bạo lực gây hậu

quả bất lợi đối với phụ nữ. Cụ thể các hành động gây tổn hại hoặc sự chịu đựng về thể xác, tinh thần, các đe dọa ép buộc hoặc tước đoạt tự do của phụ nữ xảy ra nơi công cộng hay trong đời sống riêng tư.

Tuyên bố Jakarta vì sự tiến bộ của phụ nữ Châu Á và Thái Bình Dương tháng 6/1994 cũng khẳng định rõ: Phải xoá bỏ bạo lực chống phụ nữ trong gia đình, xã hội và tình hình có xung đột để phụ nữ được hưởng quyền lợi như các cá nhân và thành viên khác của gia đình, xã hội, nhà nước và cộng đồng quốc tế.

Tuyên bố và chương trình hành động thông qua Hội nghị phụ nữ thế giới tại Bắc Kinh (1995) tiếp tục khẳng định: Bạo lực chống lại phụ nữ là biểu hiện của các quan hệ quyền lực không bình đẳng về mặt lịch sử giữa nam giới và nữ giới, điều đó dẫn đến sự thống trị và phân biệt đối xử của nam giới đối với phụ nữ và ngăn cản sự tiến bộ về mọi mặt của phụ nữ. Vì vậy, chúng ta cần phải ngăn chặn và xoá bỏ mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình.

Nhìn chung mọi điều khoản, văn bản của các tổ chức quốc tế trên đã khẳng định bạo lực gia đình là một hiện tượng mang tính chất toàn cầu, tất cả các quốc gia hãy luôn dang cao khẩu hiệu "nói không với bạo lực gia đình", phải xoá bỏ mọi hình thức phân biệt giữa nam giới và nữ giới, đảm bảo cho phụ nữ được hưởng quyền lợi của mình như nam giới, phát huy tối đa năng lực của phụ nữ trong xã hội, tiến tới một xã hội công bằng, bình đẳng, văn minh.

** Văn bản pháp luật Việt Nam về phòng, chống bạo lực giới*

Ở Việt Nam, các quyền của nam và nữ là bình đẳng được pháp luật quy định và được tôn trọng. Trên thực tế, ngay từ Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà năm 1946, quyền bình đẳng nam nữ đã được xác lập. Trong điều 9 quy định: Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện. Tuy nhiên, phải đến Hiến pháp 1980, 1992 quyền này mới được đề cập

một cách cụ thể hơn. Hiến pháp 1992, điều 63 quy định: Công dân nam và nữ có quyền ngang bằng nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, xã hội và gia đình...

Bộ luật Lao động hiện hành của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có riêng một chương X nói về lao động nữ. Kèm theo Bộ luật còn có Nghị định, Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về những quy định riêng đối với lao động nữ.

Bộ luật Hình sự quy định một số biện pháp chế tài áp dụng đối với những kẻ có hành vi xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm và thân thể của người khác. Điều 121 quy định: Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm. Điều 100 quy định: Người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.

Trong Bộ luật Hình sự, các quyền của con người được thể hiện rõ ràng, đầy đủ. Trong đó, có quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân. Điều 32 có ghi: Quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khoẻ, thân thể.

Luật Hôn nhân và gia đình được coi là văn bản có quy định rõ ràng nhất về quyền của các thành viên trong gia đình, trong đó nhấn mạnh đến quyền bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình, đặc biệt là trong quan hệ vợ chồng. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được xây dựng trên cơ sở kế thừa các nguyên tắc cơ bản của luật trước đó và thể chế hoá Công ước CEDAW. Luật có nhiều điều quy định liên quan đến hôn nhân và gia đình trên cơ sở bình đẳng nam nữ. Khoản 2 Điều 4 quy định: Cấm ngược đãi, hành hạ ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em và các thành viên khác trong gia đình. Điều 21 quy định: Vợ, chồng tôn trọng và giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Cấm vợ, chồng có hành vi ngược đãi, hành hạ, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau.

Ngày 21/12/2002, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 19/2002/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2010 nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ Việt Nam; tạo mọi điều kiện để thực hiện có hiệu quả các quyền cơ bản và phát huy vai trò của phụ nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội.

Ngày 21/11/2007, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua *Luật phòng, chống bạo lực trong gia đình* và Luật này có hiệu lực từ ngày 01/7/2008. Đây là văn bản pháp luật đầu tiên ở nước ta về phòng, chống bạo lực trong gia đình. Việc đưa ra văn bản pháp luật này đã tạo cơ sở pháp lý cho các tổ chức xã hội hoạt động hỗ trợ nạn nhân bạo lực có hiệu quả hơn. Luật đã đưa ra nhiều quy định về phòng ngừa bạo lực gia đình, bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; trách nhiệm của các cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống bạo lực gia đình và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình. Như khoản 1 Điều 8 quy định: nghiêm cấm các hành vi bạo lực trong gia đình: hành vi ngược đãi, hành hạ, đánh đập hoặc hành vi cố ý xâm phạm đến sức khoẻ, tính mạng; lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng... Điều 42 quy định: Người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Qua đó, Luật cũng đã đưa ra những nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình được quy định trong Điều 3, một trong những nguyên tắc trọng tâm là: Kết hợp và thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống bạo lực gia đình, lấy phòng ngừa là chính, chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục về gia đình, tư vấn, hoà giải phù hợp với truyền thống văn hoá, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Như vậy, có thể thấy *Luật phòng, chống bạo lực trong gia đình* ở Việt Nam đã có những quy định rất cụ thể, vừa phù hợp với điều kiện thực hiện trong nước vừa thể hiện được tinh thần của Công ước CEDAW về xoá bỏ nạn phân biệt, đối xử với phụ nữ. Điểm mới của văn bản pháp luật này chính là ở chỗ những hành vi bạo lực được nghiêm cấm tại Điều 8 cũng áp dụng đối với thành viên gia đình của vợ, chồng đã ly hôn, hoặc nam nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng và công tác phòng, chống bạo lực trong gia đình không chỉ giới hạn ở trong nước mà có sự hợp tác, liên kết quốc tế trong công tác này.

Luật phòng, chống bạo lực trong gia đình là văn bản pháp luật đầu tiên về bạo lực gia đình ở Việt Nam. Nó có ý nghĩa quan trọng trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình nhằm xây dựng một môi trường gia đình hạnh phúc để gia đình thực sự là "tế bào" của xã hội.

Tóm lại, các văn bản pháp luật quốc tế nói chung và văn bản pháp luật của Việt Nam nói riêng chúng tôi đề cập ở trên tuy không phải tất cả các văn bản đều về phòng, chống bạo lực giới trong gia đình nhưng đều cùng chung mục đích là nói không với bạo lực gia đình mà bạo lực giới trong gia đình là một dạng của bạo lực gia đình, do vậy, phần nào nó cũng là cơ sở pháp lý để điều chỉnh những hành vi bạo lực giới trong gia đình.

1.4. Bạo lực giới trong gia đình ở một số nước trên thế giới.

Bạo lực giới trong gia đình là một vấn đề không còn mới nhưng hiện nay lại đang là mối quan tâm lớn của cộng đồng quốc tế. Trước năm 1993, phần lớn các chính phủ coi bạo lực giới trong gia đình là vấn đề riêng tư giữa các cá nhân, không thuộc phạm vi điều chỉnh của luật pháp quốc tế. Ngày nay, thông qua nhiều diễn đàn quốc tế khác nhau với mục đích vì sự tiến bộ của phụ nữ, vì bình đẳng giới; bạo lực dựa trên cơ sở giới ngày càng được nhìn nhận như: "một trở ngại đối với sự bình đẳng, là sự vi phạm không thể chấp nhận được đối với nhân phẩm con người". Vì vậy, bạo lực trên cơ sở

giới trong gia đình đã được nhìn nhận như là một hiện tượng xã hội mang tính chất toàn cầu. Mọi hình thức bạo lực giới đều được coi là sự vi phạm nghiêm trọng các quyền cơ bản của con người mà các văn bản pháp luật quốc tế ở trên đã khẳng định.

Thực tế đã cho thấy, bạo lực trên cơ sở giới là một vấn đề mang tính lịch sử. Nó xuất hiện cùng với sự ra đời của chế độ phụ quyền, cùng với sự phân chia giai cấp, nhất là sự áp bức giai cấp và cho đến ngày nay, bạo lực trên cơ sở giới vẫn còn tồn tại dưới nhiều hình thức, không những vậy, nó còn có mặt ở mọi cộng đồng, mọi quốc gia trên thế giới không phân biệt về kinh tế, văn hóa, tôn giáo - tín ngưỡng hay chủng tộc, giai cấp khác nhau.

Theo những nghiên cứu trên thế giới thì hàng năm người ta ước tính cứ 15 giây lại có một phụ nữ bị chồng ngược đãi. Theo thống kê cho thấy: "có khoảng 1/4 đến 1/3 số phụ nữ và trẻ em gái trên thế giới là nạn nhân của hình thức bạo lực, trong đó mỗi năm có khoảng 4 triệu người, chủ yếu là phụ nữ và trẻ em gái bị mang bán ra nước ngoài, khoảng 120 triệu đến 135 triệu phụ nữ bị cắt bỏ cơ quan sinh dục và đều chỉ ra rằng dạng bạo lực phổ biến nhất là bạo lực của chồng hoặc bạn trai đối với vợ hoặc người bạn tình. Trong một tài liệu do nhà nghiên cứu Radika công bố năm 2000, có tới 40% - 70% các nạn nhân nữ bị giết trong tổng số là do chồng và người tình, khoảng 95% số trường hợp bạo lực gia đình mà nạn nhân là nữ giới, chỉ có 5% phụ nữ dùng bạo lực với nam giới với mục đích là tự vệ chính đáng [33;3].

Ngay cả ở các nước phát triển như Anh, Pháp, Mỹ, Canada... được coi là những nước tiên bộ về quan điểm và việc thực hiện bình đẳng giới giữa nam và nữ thì bạo lực gia đình cũng không phải là trường hợp ngoại lệ.

Trong cuộc khảo sát tại Hoa Kỳ của TS. Robin Har (2004), Khoa luật hình sự và tội phạm học - trường Đại học miền Tây - bang Arizona (Mỹ) cho thấy: Trong 8.000 phụ nữ được hỏi thì có: "20% số phụ nữ cho biết bị nam

giới hành hung. Tại Canada khảo sát 12.300 phụ nữ có: 29% cho biết đã bị nam giới hành hung" [39;24].

Còn ở Nga, kết quả điều tra trong ba năm trở lại đây cũng cho kết quả đáng kinh ngạc về thực trạng bạo lực gia đình đang diễn ra ở đất nước này: "1,2% số người được hỏi cho rằng các thành viên trong gia đình liên tục sử dụng vũ lực, 2,8% cho rằng thường xuyên sử dụng vũ lực, 23,3% thỉnh thoảng. Trong số những người gây ra bạo lực thì các cặp vợ chồng chiếm 58,8%, bố mẹ 22,5%, con cái 16%, bố mẹ chồng (vợ) 11,8%" [2;26].

Tại Pháp, hè năm 2007 AFP đưa tin 29 phụ nữ bị đánh đập bởi người bạn đời. Những phụ nữ Pháp bị chồng hành hung, có thể không bao giờ mờ nhạt trong trí nhớ công chúng Pháp là "việc bà Chantal, vợ của Marc Cerdillon - cựu kiện tướng bóng bầu dục bị chồng bắn chết ngày 7/4/2004. Bốn tháng sau, ngày 24/12 trong một làng nhỏ ở Moselle, Mariam - một phụ nữ đã bị chồng tra tấn, đầu và cửa mình bị cạo trọc, tai bị đứt, trước khi bị chết dưới những cú đập bằng búa của chồng. Các tổ chức nghiên cứu ở Pháp đã đưa ra con số 400 phụ nữ bị giết mỗi năm do sự đánh đập của người bạn đời. Song thực tế là không phải chỉ có đối xử tàn tệ về mặt thân thể mà nhiều phụ nữ Pháp cho biết họ đã bị mắng nhiếc, xỉ nhục thậm tệ bởi người bạn đời (16% trong đó 11% bị nhiều lần" [8;60].

Ở một số nước châu Á gần gũi với Việt Nam thì tình trạng bạo lực giới đối với phụ nữ trong gia đình cũng trở thành mối quan tâm lớn của cả cộng đồng xã hội. Điển hình như:

Ở Thái Lan, kết quả điều tra ở khu nhà ổ chuột và khu nhà tạm cho thấy 50% phụ nữ ở khu vực này thường xuyên bị chồng đánh đập.

Kết quả nghiên cứu ở Bangladesh cũng khiến chúng ta phải suy nghĩ: tội giết vợ chiếm 50% trong số vụ giết người.

Tại Ấn Độ, ngoài những vụ tự tử của phụ nữ liên quan đến của hồi môn ra thì 22% phụ nữ cũng thường xuyên bị chồng ngược đãi về mặt thể chất. Người ta ước tính trên 5.000 phụ nữ Ấn Độ bị giết hàng năm vì nhà chồng cho rằng của hồi môn không đủ.

Nghiên cứu ở Cộng hòa nhân dân Triều Tiên cũng cho thấy: 35,5% phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình. Ở Sri Lanka con số còn nhiều hơn: 60% phụ nữ bị chồng đánh đập.

Tại Nhật Bản với cuộc khảo sát 796 phụ nữ: có 58% cho biết đã bị nam giới bạo lực về thân thể, 66% bị bạo lực về tinh thần và 60% bị bạo lực về tình dục. Tại Hàn Quốc trong 707 phụ nữ được khảo sát thì có: 37% bị chồng hành hung. Tại Trung Quốc kết quả cho biết tình trạng bạo lực tồn tại trong 30% số hộ gia đình và 80% trường hợp là do chồng hành hung vợ" [44; 41-42].

Như vậy, từ kết quả nghiên cứu trên cho thấy hiện tượng bạo lực giới trong gia đình đang diễn ra ở nhiều nước trên thế giới, ngay cả ở những nước phát triển như Mỹ, Canada... được đánh giá là có sự bình đẳng, tiến bộ hơn trong quan hệ giữa chồng và vợ thì cũng không ít mái ấm gia đình bị phá vỡ do hành vi bạo lực giới gây ra.

1.5. Những ảnh hưởng của nền văn hoá bản địa và tư tưởng Nho giáo đến quan hệ giới trong gia đình Việt Nam trong lịch sử.

1.5.1. Ảnh hưởng của nền văn hoá bản địa.

Nền văn hoá bản địa theo các nhà sử học, đó là nền văn hoá lúa nước, nền văn hoá mà người phụ nữ đóng vai trò quan trọng.

Theo GS. Lê Thị Nhâm Tuyết, có nhiều căn cứ khẳng định người phụ nữ còn chính là người phát minh nghề đánh cá, nghề mộc, nghề gốm, trồng bông, dệt vải. Với bàn tay khéo léo và khối óc thông minh, người phụ nữ đã đặt nền móng cho nền kinh tế nông nghiệp làm ruộng kết hợp với nghề thủ

công. Các xét nghiệm của các nhà khảo cổ học trên các đồ gốm nguyên thủy xuất hiện ở di chỉ Hoà Bình, Quỳnh Văn, Bắc Sơn cách đây khoảng trên 6.000 năm cho thấy những vân tay trên đồ gốm đều là của phụ nữ. Điều này chứng tỏ, người phụ nữ chính là người phát minh nghề gốm nguyên thủy.

Người phụ nữ còn được đề cao trong việc sinh thành ra lớp lớp cháu con. Trong buổi bình minh của lịch sử, khi mật độ dân cư thưa thớt, với yêu cầu về nhân lực để sản xuất, chống thú dữ, chống thiên tai, thì việc tái tạo ra nòi giống cực kỳ quan trọng. Người Việt thời kỳ ấy luôn ước mơ con đàn cháu đống để có đủ khả năng chinh phục các miền đất lạ, và Mẹ Âu Cơ với bọc con trăm trứng đã trở thành một huyền thoại. Người phụ nữ còn rất anh hùng trong cuộc chiến chống giặc ngoại xâm: Hai Bà Trưng đã từng đánh đuổi quân xâm lược rồi xưng vương, Bà Triệu tài trí hơn cả nam giới, rồi một loạt các tướng lĩnh là nữ giới mà hiện nay vẫn còn đền thờ ở nhiều nơi. Hình ảnh người anh hùng Việt Nam thường đi liền với các bà mẹ: Mẹ Gióng, Mẹ của

Hai Bà Trưng, rồi “mẹ Việt Nam”, một biểu tượng cao quý mà cả dân tộc ta tôn vinh. Từ vai trò quan trọng trong cuộc sống, hình tượng người phụ nữ đã trở thành những vị thần đầu tiên trong sinh hoạt tín ngưỡng của người Việt. Họ không chỉ là những thần tổ nghề mà còn là các vị thần của tự nhiên: Mẫu Thoải, Mẫu Địa, Mẫu Thiên, Mẫu Thượng Ngàn,... Tín ngưỡng thờ nữ thần là nét độc đáo của cư dân nông nghiệp lúa nước.

Cuối thời đá mới (cách đây khoảng 5.000 - 4.000 năm), chế độ mẫu quyền ở Việt Nam đã phát triển đến giai đoạn cực thịnh, cho nên khi chuyển sang chế độ phụ quyền những giá trị của nền văn hoá buổi nguyên sơ vẫn được người Việt bảo lưu, gìn giữ. Quá trình chuyển giao từ chế độ mẫu quyền sang chế độ phụ quyền ở Việt Nam theo đánh giá của GS. Lê Thị Nhâm Tuyết, nó không giống với các quốc gia khác trên thế giới, bởi vì:

Thứ nhất, sự chuyển giao từ chế độ mẫu quyền sang chế độ phụ quyền ở Việt Nam chưa hoàn thành thì đã xuất hiện nhà nước, một nhà nước ra đời với sự phân hoá giai cấp chưa sâu sắc. Nhà nước thời đại các vua Hùng không phải là nhà nước chiếm hữu nô lệ điển hình, mà nó pha trộn đậm đà, rộng rãi những tàn dư của chế độ mẫu quyền từ xã hội đến hôn nhân gia đình. Về sau, người phụ nữ vẫn duy trì được địa vị khá quan trọng của mình trong gia đình và xã hội.

Thứ hai, quá độ từ mẫu quyền sang phụ quyền ở Việt Nam kéo dài về mặt thời gian, với tính chất thiếu triệt để. Những vết tích của thời kỳ mẫu quyền, cùng địa vị, truyền thống của phụ nữ không hoàn toàn bị thủ tiêu.

Thứ ba, quá trình chuyển từ mẫu quyền sang phụ quyền là quá trình chuyển giao từ từ, êm dịu. Trong điều kiện thường xuyên phải chống ngoại xâm, cùng với những yêu cầu của nền sản xuất nông, những giá trị truyền thống của người phụ nữ vẫn tiếp tục được duy trì.

Chính vì những lý do trên, mà ở Việt Nam khi chuyển giao từ chế độ mẫu quyền sang chế độ phụ quyền những giá trị truyền thống của nền văn hoá buổi nguyên sơ đã không bị bào mòn, không bị đứt đoạn mà hoà vào dòng văn hoá dân tộc. Có thể khẳng định, ở Việt Nam, người phụ nữ đã phần nào tránh được “*sự thất bại lịch sử của giới phụ nữ*” như nhiều dân tộc khác trên thế giới đã trải qua, điều này có ảnh hưởng rất tích cực đến quan hệ giới trong gia đình ở Việt Nam.

Nói như vậy không có nghĩa là, vấn đề bình đẳng giới ở Việt Nam không đặt ra. Kể từ thời Hùng Vương dựng nước cho đến nay, lịch sử dân tộc ta đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh chống xâm lược. Bao nhiêu cuộc chiến tranh ấy là bấy nhiêu lần nền văn hoá người Việt đứng trước thử thách, bởi kẻ ngoại xâm luôn tìm cách thủ tiêu toàn bộ nền văn hoá người Việt thay bằng văn hoá của chúng. Kể từ thế kỷ thứ I cho đến mãi sau này, nền văn hoá

Trung Hoa mà đỉnh cao là hệ tư tưởng Nho giáo có ảnh hưởng khá sâu sắc ở Việt Nam.

1.5.2. Ảnh hưởng của Nho giáo đến quan hệ giới trong gia đình người Việt Nam.

Nho giáo là hệ thống giáo lý của nhà Nho nhằm mục đích tổ chức xã hội có hiệu quả. Nho giáo ra đời ở Trung Quốc vào thế kỷ VI - V trước công nghiệp và được truyền bá vào Việt Nam đầu công nguyên. Nho giáo có những ưu điểm nhất định, góp phần quan trọng vào việc tổ chức cuộc sống xã hội có nền nếp, kỷ cương. Trong giáo dục con người, Nho giáo hướng vào lòng yêu thương đồng loại, có tinh thần tích cực đi vào cuộc sống: gánh vác việc dân, việc nước, đề cao sự hiểu biết, khuyến khích sự say sưa học tập, tinh thần phấn đấu vươn lên. Bên cạnh mặt tích cực, Nho giáo cũng bộc lộ những hạn chế tiêu cực ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống xã hội và tinh thần của nhiều dân tộc phương Đông, trong đó có Việt Nam. Một trong những hạn chế cơ bản của Nho giáo là tư tưởng trọng nam khinh nữ, đề cao phụ quyền, đề cao gia trưởng, đề cao người đàn ông trong gia đình và ngoài xã hội. Với xã hội, đề cao quân tử, đề cao vua, vua là thiên tử, thay trời hành đạo, xã hội có hai hạng người, quân tử và tiểu nhân, người phụ nữ bị đẩy xuống hàng thấp hèn, ngang với bọn tiểu nhân, phụ nữ ngu si, khó dạy, sinh ra chỉ đáng để phục vụ cho đàn ông. Trong gia đình, mọi quyền hành tập trung vào người đàn ông đứng đầu gia đình (gia trưởng). Sách "*Việt Nam văn hoá sử cương*" viết:

Theo nguyên lý thì trong chế độ phụ quyền, người gia trưởng có uy quyền tuyệt đối trong nhà. Họ có những quyền như sau:

Gia trưởng có quyền sở hữu và quản lý tài sản gia đình, vợ con phải làm lụng cho gia trưởng chứ không ai được dinh lợi phần riêng.

Gia trưởng có quyền sở hữu đối với vợ con và có thể bắt đi làm thuê hoặc bán đi cũng được.

Gia trưởng có quyền độc đoán về mặt hôn nhân của con cái và quyền sinh quyền sát nữa.

Tóm lại, ở trong gia đình, gia trưởng là một vị chủ nhân chuyên chế cũng như một vị quân chủ chuyên chế của quốc gia. Thân phận người phụ nữ hoàn toàn lệ thuộc người gia trưởng.

Chế độ tôn pháp và tư tưởng Nho giáo vốn được thử thách ở Trung Quốc, giai cấp phong kiến Việt Nam đã từng bước tiếp thu, đến thế kỷ XV, nhà Lê đưa Nho giáo trở thành quốc giáo, cũng từ đây Nho giáo đồng nghĩa với chế độ phong kiến. Khi chế độ phong kiến suy tàn thì tính chất phản động, cực đoan càng bộc lộ rõ, những điều mà chính quyền phong kiến Việt Nam đem ra giáo huấn là sự sao chép tất cả những điều cực đoan của nhà Minh, nhà Thanh (Trung Quốc), không còn nguyên nghĩa “*Chữ thánh hiền*”. Với những luật lệ, nguyên tắc khắc nghiệt ấy đã trói buộc biết bao thế hệ phụ nữ.

Tuy nhiên, chúng ta không thể buộc tội hoàn toàn cho chế độ tôn pháp và lễ giáo Khổng Mạnh vì đó những gì thuộc về nền văn hoá ngoại lai. Chế độ phong kiến là chế độ xen thường phụ nữ, ở Việt Nam, buổi ban đầu mới xây dựng, chế độ phong kiến còn mang nhiều ảnh hưởng của xã hội trước đó nhưng vẫn là xã hội áp bức, coi thường phụ nữ. Sự kết hợp giữa chính thể phong kiến với tư tưởng Nho giáo đã làm cho bao thế hệ phụ nữ Việt Nam bị đẩy xuống tận cùng của sự áp bức bóc lột và đối xử tàn bạo. Lịch sử không ghi chép nhiều về số phận những người phụ nữ, nhưng luật pháp phong kiến và nền văn học dân gian đã phản ánh khá sâu sắc cuộc đời họ.

Trong gia đình, đời người con gái có thể chia làm hai giai đoạn lớn: Còn nhỏ ở nhà với cha mẹ, lớn lên đi lấy chồng, làm nghĩa vụ với nhà chồng, đạo tam tòng đã trói buộc hoàn toàn cuộc đời họ.

Tại gia tòng phụ (ở nhà thì theo cha). Từ khi sinh ra, con gái đã bị phân biệt đối xử, không được học hành mở mang trí óc mà phải làm việc phục vụ cho cha mẹ để sau này biết phục vụ nhà chồng.

Chế độ hôn nhân phong kiến thật bất công với phụ nữ. Tục gả bán sớm theo sự sắp đặt của cha mẹ, họ hàng vì mục đích kinh tế, chính trị, quyền lợi của gia tộc “*Môn đăng hộ đối*”, vì mục đích có con để báo hiếu với tổ tiên,...đã cản trở tình yêu đôi lứa. Các vua nhà Lý thường gả công chúa và phong chức tước cho các tù trưởng miền núi để xây dựng phen dậu vững chắc vùng biên cương. Năm 1306, vua Trần đã gả công chúa Huyền Trân cho vua Chăm Pa để đổi lấy hai Châu Ô và Lý (Quảng Trị và Thừa Thiên Huế ngày nay). Trong dân chúng cũng không chuyện ép gả con gái, hôn nhân do cha mẹ định liệu, nhân duyên do bà mối bày đặt, thu xếp. Năm 1470, vua Lê Thánh Tông hạ lệnh: “*Phàm việc cưới gả, trước hết do người mối định liệu*”. Người con gái không thể làm chủ được cuộc đời của mình vì bao sự ràng buộc của tập tục, lễ giáo, cho nên cuối cùng phải phó mặc cho số phận.

Xuất giá tòng phu (lấy chồng thì theo chồng). Bước chân về đến nhà chồng trước hết để làm một lao động thực thụ, để lo toan gánh vác công việc nhà chồng. Nghĩa vụ tiếp theo và cũng là nghĩa vụ quan trọng nhất của người con gái về nhà chồng là phải sinh con, phải sinh ra con trai để nối dõi tông đường, không sinh được con trai là phạm vào “*thất xuất*” bị chồng bỏ và còn bị giễu là “*cây độc không trái, gái độc không con*”. Luật Gia Long còn quy định: nếu người vợ phạm vào “*thất xuất*” mà người chồng không đuổi vợ đi thì anh ta cũng bị phạt đánh 80 trượng.

Đâu chỉ có thế, có lẽ chế độ phong kiến thành công nhất khi buộc người phụ nữ phải chịu số kiếp lấy chồng chung. Với chế độ đa thê đã đẩy biế bao người phụ nữ trở thành nạn nhân của cuộc sống vợ chồng.

Phu tử tòng tử (chồng chết thì theo con trai). Người phụ nữ khi chồng chết thì phải thủ tiết thờ chồng, nuôi con. Hoàng Việt luật lệ quy định, phụ nữ đang có tang chồng mà lấy chồng khác, phạt 80 trượng, tương đương tội bất hiếu với cha mẹ. Trong khi đó, nam giới vợ chết có thể lấy vợ khác bất kỳ lúc nào, không có quy định về nghĩa vụ của người chồng khi vợ chết.

Xét trong quá trình lịch sử, những thế kỷ đầu của chế độ phong kiến dân tộc, khi những truyền thống dân chủ, tập thể, bình đẳng, tự do của các thế chế xã hội cũ còn tồn tại ít nhiều; khi chế độ tôn pháp, lễ giáo Khổng Mạnh mới chỉ dần dần du nhập, mới chỉ ảnh hưởng ở tầng lớp trên của xã hội thì người phụ nữ còn giữ được một địa vị đáng kể trong gia đình và xã hội. Mặc dù chế độ phong kiến, chế độ phụ quyền vốn áp bức, coi thường phụ nữ nhưng do vị trí, vai trò thực tế của người phụ nữ nên vẫn phải thừa nhận ít nhiều quyền lợi của họ.

Trong hôn nhân và gia đình, người phụ nữ vẫn giữ được một số quyền rất cơ bản. Sách An Nam chí lược của Lê Trắc đời Trần viết: trai gái nhà nghèo kết hôn vẫn không có môi lái gì. Họ tự do kén chọn nhau mà lấy. Các tập tục cưới gả của chế độ phong kiến chưa ảnh hưởng lắm trong dân chúng.

Pháp luật còn có các quy định để bảo vệ quyền của phụ nữ trước hôn nhân. Trong Quốc triều hình luật có ghi: những nhà quyền thế mà ức hiếp để lấy con gái kẻ lương dân thì xử tội phát, biếm hay đồ,....Con gái hứa gả chồng mà chưa thành hôn, nếu người con trai bị ác tật hay phạm tội hoặc phá tán gia sản thì cho phép người con gái được kêu quan mà trả đồ lễ. Nếu người con gái bị ác tật hay phạm tội thì không phải trả đồ lễ.

Trái với nguyên lý phong kiến quy định, người phụ nữ phải phụ thuộc vào chồng và người đàn ông gia trưởng. Quốc triều hình luật còn quy định người phụ nữ (20 tuổi trở lên) có quyền sở hữu, thừa kế, mua bán, cúng thí ruộng đất của mình, họ cũng có quyền hưởng phân chia tài sản khi xảy ra ly hôn.

Như vậy, bên cạnh sự gò bó, áp bức, coi thường, khinh miệt phụ nữ, kể từ thế kỷ XV trở về trước, chế độ phong kiến Việt Nam vẫn duy trì ở mức độ việc bảo vệ quyền lợi, địa vị cho họ. Sự pha trộn này phản ánh tính tất yếu lịch sử, khi mà trường cột lý luận, tinh thần của giai cấp phong kiến còn dựa vào đạo phật thì nó còn phải cần đến cả “thiện nam” và “tín nữ”. Chỉ khi nào

Nho giáo thay thế Phật giáo thì tư tưởng “trọng nam” mà “khinh nữ” mới trở thành phổ biến trong xã hội phong kiến.

Vậy địa vị thực sự của người phụ nữ trong gia đình được đánh giá như thế nào? Từ cách khai thác, đánh giá khác nhau, hiện nay ở nước ta tồn tại hai quan điểm trái ngược nhau về địa vị người phụ nữ dưới chế độ phong kiến. Quan điểm thứ nhất cho rằng, nhân dân ta có một truyền thống đề cao, tôn trọng phụ nữ; quan điểm thứ hai khẳng định: trọng nam khinh nữ đã trở thành tập quán, phong tục của xã hội Việt Nam. Cả hai quan điểm đưa ra đều có lý lẽ và căn cứ xác đáng, tuy nhiên chúng ta cần có cái nhìn biện chứng, toàn diện để đánh giá thật khách quan. Suốt mấy nghìn năm lịch sử dưới nhiều tác động khác nhau cả tích cực và tiêu cực, sự va chạm giữa các nền văn hoá khác nhau tạo ra sắc thái riêng về bất bình đẳng giới nam nữ trong gia đình người Việt. Theo chúng tôi, có thể nhận diện địa vị người phụ nữ trong gia đình như sau:

Thực tế, trong gia đình Việt Nam tồn tại truyền thống, phong tục trọng nam khinh nữ. Điều có tính nguyên tắc và phổ biến với toàn nhân loại là chuyển giao quyền lực của người đàn bà sang người đàn ông khi xã hội loài người chuyển từ chế độ mẫu quyền sang chế độ phụ quyền. Chế độ phụ quyền ở Việt Nam không nằm ngoài quy luật đó.

Tư tưởng Nho giáo, đỉnh cao của sự áp bức coi thường phụ nữ dưới thời Lý, Trần mới chỉ được tiếp nhận một cách dè dặt, đến thời Lê (thế kỷ XV) Nho giáo trở thành quốc giáo. Với chiều dài lịch sử tồn tại chế độ phong kiến, tư tưởng trọng nam khinh nữ đã dần ăn sâu trong tiềm thức mỗi con người, trở thành một phong tục xấu trong xã hội Việt Nam. Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, khi cơ sở hạ tầng thay đổi thì kiến trúc thượng tầng cũng thay đổi, nhưng cơ sở hạ tầng luôn cách mạng còn kiến trúc thượng tầng thường bảo thủ, do đó khi cơ sở hạ tầng mất đi, một bộ phận của kiến trúc thượng tầng (tư tưởng) vẫn có thể còn tồn tại. Ngày nay, mặc dù chế độ

phong kiến đã lùi xa nhưng tàn dư tư tưởng trọng nam khinh nữ vẫn còn tồn tại dai dẳng trong xã hội, trong mỗi con người nam cũng như nữ, đấu tranh để loại bỏ nó không đơn giản.

Những giá trị truyền thống văn hoá dân tộc, buổi bình minh đề cao, tôn trọng phụ nữ đã góp phần “thấm bớt”, “pha loãng” sự bất bình đẳng nam nữ ở Việt Nam. Chế độ phụ quyền thay thế chế độ mẫu quyền ở Việt Nam không dữ dội mà từ từ, êm dịu, người phụ nữ Việt Nam không phải chấp nhận sự thất bại đớng đau như phụ nữ các nước khác trên thế giới. Trong điều kiện một nước thường xuyên phải chống giặc ngoại xâm, vai trò của người phụ nữ trong sản xuất và đánh giặc không hề mất đi, điều đó đã làm cho những truyền thống tốt đẹp của người phụ nữ vẫn được lưu truyền. Nếu như tư tưởng Nho giáo có cơ sở ở tầng lớp trên của xã hội, thì truyền thống văn hoá người Việt lại có cơ sở trong quảng đại quần chúng. Là những người bị áp bức bóc lột, khát vọng về tự do, bình đẳng đâu chỉ có phụ nữ, cho nên khát vọng của người lao động nói chung, của người phụ nữ nói riêng chung một dòng chảy, được nuôi dưỡng, trường tồn trong lòng dân tộc.

Chính vì những lý do trên, khiến người phụ nữ Việt Nam đã không bị nhấn chìm trong lễ giáo phong kiến. Người phụ nữ vẫn góp phần tích cực cho sự phát triển gia đình, dân tộc và được các thế hệ con cháu tôn vinh.

Kết luận chương 1

Kế thừa những giá trị nhân văn về giải phóng phụ nữ và ước muốn về sự bình đẳng giới của nhân loại, quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về giải phóng phụ nữ, thực hiện nam nữ bình đẳng - một bộ phận của lý luận về giải phóng con người đã đặt nền tảng cơ bản cho cuộc cách mạng thực hiện bình đẳng giới. Chủ nghĩa Mác - Lênin đặt vấn đề nghiên cứu sự ra đời của các quan hệ bất bình đẳng nam nữ từ sự phát triển của các yếu tố kinh tế trong nền văn minh nhân loại, của quá trình phát triển và biến đổi gia đình, của sự phân công lao động xã hội, của sự ra đời chế độ tư hữu và giai

cấp. Bất bình đẳng nam nữ được xem như một phạm trù lịch sử, nó ra đời, tồn tại, phát triển cùng với xã hội có giai cấp, và sẽ mất đi khi xã hội không còn giai cấp. Con đường giải phóng phụ nữ, thiết lập bình đẳng nam nữ phải gắn với cuộc cách mạng xã hội, với sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng của xã hội. Theo đó, cuộc đấu tranh cho bình đẳng nam nữ cũng diễn ra trong từng gia đình, trong mỗi con người nam cũng như nữ.

Nhận thức là một quá trình, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện hơn, điều này luôn đặt ra nhiệm vụ cho các thế hệ đi sau phải tìm cách phát triển nhận thức của mình và cụ thể hoá, thực tiễn hoá qua các văn bản pháp luật. Bạo lực giới trong gia đình - biểu hiện cao nhất của bất bình đẳng giới không còn là chuyện riêng tư của mỗi gia đình nữa, nó đã trở thành vấn đề xã hội mang tính toàn cầu và con người hoàn toàn có khả năng thủ tiêu, xoá bỏ nó. Cần lên án mạnh mẽ và có biện pháp ngăn chặn tích cực bạo lực gia đình, vì nó vừa gây tổn thương đến tình cảm, mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình vừa làm hạn chế đến sự phát triển xã hội. Vì lẽ đó, cuộc đấu tranh chống bạo lực giới trong gia đình hiện nay đang thu hút sự quan tâm của toàn bộ nhân loại tiến bộ trên thế giới, điều này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu giải phóng con người của chủ nghĩa Mác: sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người. Việc nghiên cứu quá trình ra đời, diễn biến của tình trạng bất bình đẳng nam nữ ở Việt Nam theo lịch đại, với sự tác động, đấu tranh và thâm nhập lẫn nhau của hai nền văn hóa Việt Nam và Trung Hoa đã phác họa được diện mạo riêng của sự bất bình đẳng về giới ở Việt Nam. Có thể khẳng định, sự bất bình đẳng về giới ở Việt Nam không quá nặng nề như ở các nước phương Đông cùng thời nhưng cũng không nằm ngoài quy luật chung của bất bình đẳng về giới. Sự bất bình đẳng về giới ở Việt Nam trong lịch sử vừa được xem như là nhân tố ảnh hưởng tới quan hệ giữa vợ chồng trong xã hội hiện đại, vừa được xem như là lực cản lớn nhất cho những nỗ lực của Chính phủ đối với công tác phòng chống bạo lực giới trong gia đình ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 2
BẠO LỰC GIỚI TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM
VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG

Bạo lực giới trong gia đình không phải là một đề tài mới, mà nó là mối quan tâm lớn của cộng đồng quốc tế trong suốt thời gian dài. Trước năm 1993, phần lớn các Chính phủ coi bạo lực giới trong gia đình là vấn đề riêng tư giữa các thành viên không thuộc phạm vi điều chỉnh của luật pháp. Ngày nay, thông qua nhiều diễn đàn gia đình khác nhau với mục đích vì sự tiến bộ của nhân loại, bạo lực giới ngày càng được nhìn nhận như một trở ngại đối với sự bình đẳng, là sự vi phạm không thể chấp nhận được đối với nhân phẩm con người, là một hiện tượng xã hội mang tính toàn cầu và cần có sự hợp tác đa chiều từ các thành viên trong gia đình đến các tổ chức ngoài xã hội.

2.1. Thực trạng, hậu quả và nguyên nhân của bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay.

2.1.1. Thực trạng bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay.

Cũng như nhiều nước trên thế giới và trong khu vực, Việt Nam đang phải đối mặt với nạn bạo lực giới trong gia đình. Theo Hiến pháp năm 1992 nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: nam giới và phụ nữ có quyền bình đẳng trên mọi lĩnh vực của đời sống, nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử xúc phạm, nhân phẩm phụ nữ. Như vậy, bạo lực trên cơ sở giới là vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc bình đẳng giới. Điều đáng nói ở đây

là, trong cuộc sống văn minh, tiến bộ như hiện nay khi mà nhận thức của nhân loại về bình đẳng giới ngày càng phát triển hơn, ngày càng tạo được khoảng cách xa hơn với quá khứ trọng nam khinh nữ thì toàn cảnh về bạo lực giới trong gia đình, hiện nay vẫn là nỗi đau chung của nhân loại không chỉ riêng Việt Nam.

Câu ca dao xưa phản ánh:

*"Xưa kia ở với mẹ cha
Mẹ cha yêu dấu như hoa trên cành
Từ ngày tôi ở với anh
Anh đánh, anh đấm, anh tình phụ tôi".*

Hiện nay, ở nước ta chưa có một cuộc khảo sát nào trên quy mô toàn quốc về tình trạng bạo lực gia đình. Tuy nhiên, qua những nghiên cứu cùng với các số liệu thống kê của một số ban ngành liên quan cũng cho phép chúng ta phác hoạ một bức tranh chung về bạo lực giới trong gia đình ở Việt Nam.

Theo báo cáo của Viện khoa học xét xử (Toà án nhân dân tối cao) tại 42 tỉnh trong 5 năm (2000 - 2005), các tỉnh đã xét xử 10.608 vụ hôn nhân và gia đình, trong đó 42% vụ án ly hôn có nguyên nhân từ bạo lực giới trong gia đình. Tình trạng bạo lực giới trong gia đình hiện nay đang diễn ra với tính chất ngày càng nghiêm trọng, phạm vi cùng số lượng nạn nhân gia tăng ở trên khắp vùng miền đất nước.

Cũng theo báo cáo của Toà án nhân dân tối cao từ 1/1/2000 đến ngày 31/12/2005 các toà án địa phương trong cả nước đã thụ lý và giải quyết sơ thẩm 352.047 vụ việc về lĩnh vực hôn nhân gia đình. Trong đó, có tới 39.730 vụ ly hôn do bạo lực gia đình chiếm tới 53.1% tổng số vụ ly hôn.

Theo điều tra Gia đình ở Việt Nam năm 2006 (*do Bộ Văn hoá - Thể thao và du lịch; tổng cục Thống kê; Viện gia đình và giới; quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc thực hiện*) cứ 5 gia đình thì có 1 gia đình có một trong các hành vi bạo lực như: đánh, đe dọa tinh thần hoặc ép quan hệ tình dục. Cũng theo khảo sát của Vụ gia đình, Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch năm 2009 có 21,1% các

cặp vợ chồng có trải qua bạo lực chửi mắng, buộc quan hệ tình dục ngoài ý muốn; 1/5 cặp vợ chồng xảy ra bạo lực dưới mọi hình thức. Theo kết quả trưng cầu ý kiến 300 hộ dân trên địa bàn Hà Nội, Thái Bình và Phú Thọ của Trung tâm nghiên cứu giới và phát triển - Đại học Khoa học xã hội và nhân văn cho thấy tỷ lệ gia đình sống trong không khí hoà thuận rất thấp: 44,1% hoà thuận; 55,6% có xảy ra mâu thuẫn; 11,8% có bạo lực gia đình. Điều đáng nói là, những con số này cũng chỉ căn cứ vào báo cáo và nghiên cứu tại một số tỉnh, thành phố trong cả nước và vẫn tồn tại tâm lý bạo lực giữa vợ và chồng chỉ là vấn đề thuộc về lãnh địa gia đình mang tính chất riêng tư, sâu kín của gia đình nên việc công khai những vụ việc liên quan đến bạo lực giới trong gia đình là rất khiêm tốn, hầu như không có. Đó chính là nguyên nhân khiến cho việc nghiên cứu cũng như can thiệp nhằm phòng, chống bạo lực giới trong gia đình gặp nhiều khó khăn. Nhưng hiện nay, với sự thay đổi trong nhận thức của nhiều phụ nữ bị bạo lực là phải đấu tranh để tự bảo vệ chính mình trước những ông chồng vũ phu, nên bạo lực trong gia đình đã không còn chìm sâu trong đời sống của mỗi gia đình mà nó bắt đầu đã có sự công khai. Đây là điều kiện để các nhà khoa học tìm hiểu, phân tích và đưa ra những kết luận khoa học quan trọng cũng như các cơ quan chức năng có cơ sở vào cuộc nhằm phòng, chống có hiệu quả bạo lực giới trong gia đình.

Bạo lực giữa vợ và chồng trong gia đình xảy ra ở khắp mọi nơi, cả vùng đồng bằng hay miền núi, thành thị cũng như nông thôn và ở mọi tầng lớp nhân dân không phân biệt lứa tuổi và trình độ. Điều này, được thể hiện qua các số liệu khảo sát của các công trình nghiên cứu, số liệu thống kê của cơ quan chức năng và tổ chức xã hội. Qua đó, luận văn khái quát hoá thực trạng bạo lực giới trong gia đình ở Việt Nam trong những năm gần đây qua các dạng bạo lực sau:

****Bạo lực của chồng đối với vợ.***

Bạo lực giới đối với vợ trong gia đình Việt Nam hiện nay là phổ biến hơn cả; xảy ra ở cả miền núi và đồng bằng, ở cả thành thị và nông thôn.

Trong những năm gần đây, trên báo chí hàng ngày đã đăng tải nhiều vụ bạo lực giới trong gia đình rất dã man như: Bài “không chề, đổ thuốc diệt cỏ vào miệng vợ” - Báo Thanh niên - số 186 ngày 5/7/2003; bài “Kẻ giết vợ dã man”, “Hình phạt chung thân vì hành xử vợ bằng búa” - Báo Phụ nữ Việt Nam ra ngày 8/9/2003; bài “Đồ xăng đốt vợ” - Báo Công an nhân dân ra ngày 7/12/2002. Những bài báo trên đã mô tả hành động tội ác dã man, vô nhân tính của người chồng đối với vợ mình. Đó là tội ác cần phải trừng trị bằng những hành phạt nghiêm khắc nhất.

Bên cạnh những hành động bạo lực dã man và thô bạo, một loại bạo lực khá phổ biến đang phát triển ở Việt Nam hiện nay là sự ép buộc vợ quan hệ tình dục. Theo số liệu của nhóm nghiên cứu về bạo lực gia đình của Vụ các vấn đề xã hội thuộc Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội thì có gần 30% số gia đình được hỏi cho biết có tình trạng bạo lực tình dục. Dạng bạo lực này ngày càng gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với phụ nữ. Tuy nhiên, đây là dạng bạo lực không mấy ai biết và chú ý đến bởi nó được ngụy trang một cách kín đáo dưới vỏ bọc là “quan hệ tình cảm” giữa hai vợ chồng. Mặt khác, nó là vấn đề tế nhị cho nên chị em thường giấu giếm vì sợ xấu hổ và thường đan xen với các dạng bạo lực khác.

Tác giả Lê Thi trong công trình nghiên cứu *Bạo lực đối với phụ nữ là nguyên nhân hạn chế sự tiến bộ và phát triển*, khảo sát ở một huyện của tỉnh miền núi đó là huyện Phổ Yên - Thái Nguyên đã dẫn câu chuyện về một người phụ nữ bị chồng ngược đãi, đối xử tàn tệ: "Chị liên tục bị đánh đập, hàng xóm không dám can thiệp vì hấn rất hung hãn, chỉ sau khi hấn bỏ đi mới dám đến hỏi thăm. Một mình chị làm 5 xào ruộng, sinh 6 đứa con, 3 trai 3 gái. Con gái thương mẹ giúp chị cùng làm. Năm 1997, con trai 18 tuổi, con gái 21 tuổi, mấy mẹ con cùng nhau đóng gạch và đi vay xây nhà. Xây xong chồng chị chiếm lấy, mấy mẹ con vẫn ở nhà đất vì sợ hấn đánh. Cuối năm 1998, hấn đánh chị gãy xiu, bà con hàng xóm cùng con chị vực chị đi bệnh viện. Chồng chị và gia đình nhà chồng cho rằng chị ăn vạ. Sau 10 ngày điều trị, khi về nhà

chị phải đi vay tiền để trả viện phí. Còn chồng, nhà chồng không ai hỏi han gì cả" [42;23].

Trong công trình nghiên cứu *Bạo lực của chồng đối với vợ ở Việt Nam trong những năm gần đây (Tổng quan phân tích)* của Nguyễn Hữu Minh và cộng sự đã dẫn số liệu của các Ủy ban nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh báo cáo tổng kết 8 năm thực hiện Luật hôn nhân và gia đình (1987 - 1994) thì: "Tại 18/35 tỉnh, thành phố có 11.630 vụ đánh đập hành hạ vợ (đây chưa phải là số liệu toàn diện cho 18 tỉnh vì có tỉnh chỉ điều tra 6 xã hoặc 1 huyện). Trong năm 1996 và 4 tháng đầu năm 1997, các ban ngành của 99 xã, phường ở Hà Nội nhận được 1.894 vụ việc yêu cầu giải quyết thì có 512 vụ việc về bạo lực gia đình mà nạn nhân là phụ nữ (chiếm 27%). Cũng trong thời gian đó, tại 111 xã, phường có 1.748 đương sự tìm đến Hội phụ nữ thì có 633 vụ bạo lực gia đình mà nạn nhân là phụ nữ (chiếm 36%)" [33;4].

Nghiên cứu *Bạo lực trên cơ sở giới* của Vũ Mạnh Lợi và cộng sự năm 1999 đã tìm hiểu mức độ phổ biến, tần suất và tính chất nghiêm trọng của bạo giới đối với vợ trong gia đình tại một số tỉnh ở thành thị và nông thôn ở nước ta. Kết quả cho thấy: "ngược đãi về lời nói xảy ra trong khoảng 20% gia đình và bạo lực thân thể xảy ra trong khoảng 10% các gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh. Ở khu vực nông thôn miền Trung, có 50% các ông chồng có hành động ngược đãi về lời nói đối với vợ. Còn ở Hà Nội, tỷ lệ này thấp hơn là 10%" [dẫn theo 3;53].

Nghiên cứu tại một số xã nông thôn đồng bằng Bắc bộ năm 2002 của Hoàng Bá Thịnh cho kết quả sau: "có 87% số người được hỏi rằng ở xóm thôn có hiện tượng bạo lực gia đình. Về bạo lực tinh thần có 99,4% chồng chửi mắng vợ, có 16,5% bỏ mặc vợ. Về bạo lực thể chất có 54,5% số người được hỏi cho rằng có hiện tượng chồng đánh vợ" [dẫn theo 3;54].

Kết quả nghiên cứu của Lê Thị Quý và Đặng Vũ Cảnh Linh (2007) tại một tỉnh thuộc Đồng bằng Bắc Bộ cho thấy: 90% người chồng được hỏi thừa nhận có đánh vợ, 86% có mắng chửi vợ.

Một số công trình nghiên cứu cũng đã khảo sát tình trạng bạo lực giới đối với vợ trong gia đình Việt Nam hiện nay qua các hình thức bạo lực.

Tháng 3 năm 1999, nhóm nghiên cứu của Viện xã hội học ở Hà Nội tiến hành nghiên cứu "*Bạo lực trên cơ sở giới*" cho biết: nếu tính tất cả các loại ngược đãi, từ ngược đãi về thân thể và lời nói, ngược đãi về tình cảm và các ngược đãi liên quan đến tình dục thì "có đến khoảng 80% phụ nữ đã từng bị ngược đãi bởi người chồng, từ 10% đến 25% (từ loại gia đình khá giả đến gia đình nghèo) phụ nữ đã từng bị đánh và từ 16% đến 25% (theo phân loại mức sống của gia đình) phụ nữ đã từng bị cưỡng ép làm tình" [dẫn theo 33;5].

Nghiên cứu của Trung tâm nghiên cứu giới, gia đình và môi trường trong phát triển thống kê được: riêng năm 1999 có khoảng 3.000 bài báo đề cập đến chủ đề bạo lực trong gia đình. Trong đó, bạo lực trong gia đình được đăng tải nhiều nhất là trên báo An ninh thủ đô, Phụ nữ, Hạnh phúc gia đình, Tiền phong, Công an nhân dân... Ví dụ như báo Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/1/2003 đã dẫn kết quả một số nghiên cứu nêu rõ: trong 1.665 ca bạo lực trong gia đình, trong đó: 43,6% phụ nữ bị bạo lực về thể xác; 55,3% bị bạo lực về tinh thần và 1,6% bạo lực về tình dục.

Năm 2001, kết quả khảo sát của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tại 6 điểm của tỉnh Lạng Sơn, Thái Bình, Tiền Giang cho thấy: "tỉ lệ người vợ đã từng bị chồng đánh là 7%, bị chồng mắng chửi là 38,7% và bị chồng bỏ lửng là 1,6%" [17;31].

Từ ngày 01/01/2000 đến ngày 30/9/2002, trung tâm Cảnh sát 113 đã nhận được 517 tin liên quan đến bạo hành phụ nữ, chủ yếu là bạo hành trong gia đình, trong đó họ phải giải quyết tới 367 vụ, bắt giữ xử lý 516 đối tượng.

Kết quả nghiên cứu thử nghiệm "*Biến đổi gia đình*" của Viện xã hội học năm 2001 cho biết: "44,6% nam giới thừa nhận từng có hành vi im lặng từ chối nói chuyện với vợ; 26,8% từng lăng mạ hoặc chửi bới vợ; 4% đã nhạo báng hoặc làm bẽ mặt vợ; 7,5% từng đe dọa đánh hoặc ném một cái gì đó đối với vợ và 8,5% từng đánh vợ, tát hoặc xô ngã vợ" [33;5].

Qua số liệu thống kê trên cho thấy, nhiều phụ nữ trong gia đình đã, đang phải chịu đựng nhiều dạng bạo lực từ người chồng vũ phu. Tuy nhiên, hiện nay, dường như các ông chồng ít sử dụng những quả đấm, cú tát để lại vết thương trên cơ thể vợ sẽ dễ phát hiện mà chủ yếu sử dụng bạo lực tinh thần và bạo lực về mặt tình dục, thậm chí là có thể cùng một lúc đan xen nhiều hình thức bạo lực khác nhau.

Không ít đức lang quân tỏ vẻ “mát tính” có học hơn thì hành xử kín tiếng nhưng lại vô cùng thâm thúy. Đó là bạo lực về tinh thần, nó không để lại vết thương trên cơ thể nhưng làm cho người phụ nữ khủng hoảng về tâm lý, tổn hại nghiêm trọng đến thần kinh, sức khỏe, người ta gọi đó là “sát thủ giấu mặt”. Trường hợp của chị N.T.V (Tiên Du – Bắc Ninh) là một ví dụ: Vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn từ khi chị phát hiện người chồng đi công tác trong thành phố Hồ Chí Minh, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và có con riêng. Cũng từ lúc đó, tình cảm của chồng đối với chị lạnh nhạt dần. Không những thế, chồng chị còn để cho mẹ mình cũng như chị em nhà chồng thường xuyên về gây sự, lăng mạ chị trước hàng xóm... gây áp lực đòi ly dị, để lại cho chị nuôi 2 con trong tình cảnh không nhà, chỉ có một chút ít tài sản sau nhiều năm chị một mình gây dựng.

Thực trạng sử dụng các hình thức bạo lực đối với vợ trong gia đình của các ông chồng vũ phu cũng có sự khác nhau tùy thuộc vào lứa tuổi.

Một kết quả nghiên cứu quốc tế cho thấy, khi có từ 20 - 50% số phụ nữ Việt Nam đang là nạn nhân của bạo lực gia đình dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau; phụ nữ trong độ tuổi từ 15 - 44 tuổi có nguy cơ là nạn nhân của bạo lực gia đình và hiếp dâm cao hơn so với tai nạn xe máy, ung thư và bệnh sốt rét.

Theo cuộc điều tra của SAVY (Bộ Y tế và cơ quan khác, năm 2005) thì có "21% nữ thanh niên đã lập gia đình (14 đến 25 tuổi) cho biết họ đã từng bị

chồng chửi mắng; 12,8% nữ thanh niên đã từng bị chồng cấm đoán làm một việc gì đó; 5,8% đã từng bị chồng đánh đập" [32;23].

Kết quả nghiên cứu *Bạo lực của chồng đối với vợ ở Việt Nam trong những năm gần đây* của Nguyễn Hữu Minh và cộng sự năm 2006 cho thấy: "Những phụ nữ có chồng ở nhóm tuổi >40 có tỷ lệ bị đánh đập cao hơn (4,8%); 2,9% ở nhóm tuổi <33 tuổi và 2,1% ở nhóm tuổi 33 - 40 tuổi" [33;7].

Nếu chúng ta quan tâm đến khoảng thời gian rất ngắn ngủi của cuộc sống vợ chồng thì chúng ta có thể hình dung mức độ nghiêm trọng của hành vi bạo lực đối với phụ nữ ở nước ta hiện nay. Những kết quả này dường như không phản ánh được những nỗ lực của các cơ quan chức năng, đặc biệt là chính quyền cơ sở và hội phụ nữ cấp cơ sở, cũng như sự nỗ lực của các phương tiện truyền thông trong việc can thiệp, xử lý và tuyên truyền phòng, chống bạo lực gia đình nhưng lại cho thấy một sự tương tự về mức độ phổ biến bạo lực của chồng đối với vợ ở Việt Nam hiện nay. Như vậy, nếu tính đến tất cả các loại hình bạo lực gia đình ở các cấp độ khác nhau thì bạo lực của chồng đối với vợ là tương đối phổ biến và mức độ, tần suất cũng như phạm vi xảy ra là khá rộng cả ở thành thị lẫn nông thôn, ở đồng bằng và miền núi. Tuy nhiên, bạo lực của chồng đối với vợ ở Việt Nam hiện nay vẫn còn mang tính chất riêng tư, ngấm ẩn đằng sau cánh cửa mỗi gia đình. Vì vậy mà, các số liệu thống kê ở trên chỉ giống như phần nổi của một tảng băng chìm, trên thực tế số vụ bạo lực trong gia đình của chồng đối với vợ còn lớn hơn rất nhiều.

****Bạo lực của vợ đối với chồng trong gia đình Việt Nam hiện nay.***

Bạo lực của vợ đối với chồng là vấn đề ít tính phổ biến so với bạo lực của chồng đối với vợ. Theo số liệu khảo sát của Tổ chức y tế thế giới (WHO) thì chỉ có 5% là phụ nữ sử dụng những hành vi bạo lực đối với chồng mình vì mục đích tự vệ chính đáng. Bên cạnh đó, theo quan niệm, nam giới thường là đại diện cho phái mạnh nên dù phải im lặng chịu đựng bạo lực từ người vợ

chứ không dám thừa nhận mình bị vợ bạo lực. Tuy nhiên, hiện nay vượt lên tính xấu hổ của bản thân cùng với giới hạn chịu đựng nên nhiều ông chồng đã dũng cảm thừa nhận tình trạng bị bạo lực của mình. Hơn nữa trong những năm gần đây, đã có nhiều vụ bạo lực của vợ với chồng xảy ra rất nghiêm trọng buộc các cơ quan chức năng phải vào cuộc. Đó là, cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc nghiên cứu bạo lực của vợ với chồng góp phần hoàn thiện nghiên cứu bạo lực giới trong gia đình ở nước ta hiện nay; đồng thời, giúp cho việc hoạch định chính sách phòng, chống bạo lực giới trong gia đình được toàn diện và sâu sắc hơn.

Theo thống kê, vợ bạo lực với chồng chủ yếu là do yếu tố từ bên ngoài tác động mà ít khi là do tự bản thân của người phụ nữ muốn thế. Bởi dù sao, xét về mọi phương diện phụ nữ bị hạn chế bởi thể lực, bởi yếu tố dư luận xã hội, bởi bản tính nhu mì, phụ thuộc vốn có của mình. Nhưng như ông cha ta có câu: "Tức nước vỡ bờ" hay "Con giun xéo lắm cũng oằn". Do vậy, trong một chừng mực chịu đựng có giới hạn, sức kiên nhẫn của một số chị em phụ nữ trước người chồng thiếu quan tâm, thô bạo hay lăng nhăng đã không còn và nó bùng phát thể hiện bằng thái độ phản ứng dữ dội như là để bảo vệ mình.

Trên thực tế, không ít những người vợ thường ngày rất hiền dịu, nhu mì, hết lòng yêu thương chăm sóc chồng con nhưng chỉ một phút nóng giận, ghen tuông quá mức hay những phút yếu lòng sa ngã vào vòng tay người đàn ông khác mà biến họ thành những kẻ giết người vô nhân tính.

Theo nguồn tin từ cơ quan Công an thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, vào ngày 22/7/2011 phát hiện một người đàn ông bị đâm chết dã man bên cạnh xe hơi. Sau khi vào cuộc điều tra toàn bộ vụ án đã được sáng tỏ là do người vợ mâu thuẫn với chồng và nghi ngờ chồng bồ bịch nên trong cơn quẫn tức đã thuê côn đồ giết chồng.

Cái chết của nhà báo Hoàng Hùng tại nơi được coi là tổ ấm của nạn nhân do chính người vợ gây ra như một hồi chuông báo động cho tình trạng bạo lực

giới trong gia đình Việt Nam hiện nay ngày càng nghiêm trọng về tính chất. Nó đã không chỉ dừng lại ở những mâu thuẫn, xô xát hay lời qua tiếng lại do bất đồng quan điểm mà đẩy cao hơn là tính mạng của con người bị đe dọa nghiêm trọng.

Một người vợ tâm sự: Đã là vợ chồng thì chắc chắn sẽ phải có lúc cãi nhau, theo quan điểm của tôi thì tranh cãi là để hiểu nhau hơn, là mang tính chất xây dựng, thế nhưng không biết là do nóng tính hay là do điều gì, tôi không cần biết anh đã đánh đập tôi, đập tôi lăn từ trên giường xuống đất rồi túm tóc định đánh tiếp. Lúc ấy, giống như bao nhiêu người phụ nữ khác bị chồng đánh, kèm theo nỗi thất vọng là tâm hồn tôi dường như chết đi một nửa. Và trong khoảnh khắc ấy tôi đã nhận ra rằng trên đời này không gì là không thể và không có gì là mãi mãi. Tôi đã vùng dậy lấy hết sức mình chạy xuống bếp và lấy lên một con dao, ánh mắt tôi dường như chứa đựng điều gì đó khủng khiếp lắm khiến anh co người lại hoảng sợ. Tôi đã nói cho anh nghe cơ thể tôi là do cha mẹ sinh ra, nó thuộc về cha mẹ nên không ai được đụng đến, tôi lấy anh cũng không phải để nhận những điều này. Một lần nữa anh còn dám đánh tôi như ngày hôm nay, trong cuộc sống sau này anh dám phản bội tôi, lừa dối tôi thì anh đừng bao giờ nhắm mắt khi ngủ, bởi con dao này sẽ đâm đúng vào trái tim anh. Tôi nghĩ rằng mỗi người vợ cũng hãy nên để chồng mình vừa yêu thương vừa cảm nhận rằng ngoài những lúc dịu dàng nữ tính kia người vợ của mình cũng không dễ bị bắt nạt".

Thông qua câu chuyện trên, chúng ta thấy rằng tiềm tàng trong mỗi người phụ nữ đều có ý thức và sức mạnh bảo vệ mình. Có điều là, những người làm vợ trong hoàn cảnh éo le ấy có biết trân trọng giá trị bản thân mình không và những người chồng có biết để người phụ nữ là người vợ thật sự nhu mì, nữ tính như vốn có hay không?.

Trong một cuộc thảo luận nhóm nữ tại thị trấn Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ. Các chị em phụ nữ đã tâm sự: Cứ 3 trên 10 phụ nữ bị đánh. Chồng mắng

chửi vợ thường xuyên, vợ cãi, cần nhần. Chồng nói tục, vợ bực quá cũng có lúc nói tục, chồng cáu hơn vợ. Có trường hợp vợ bị đánh nhiều quá cũng đánh lại.

Tuy nhiên, không phải tất cả những người phụ nữ có hành vi cư xử thô bạo với chồng đều xuất phát từ sự tự vệ chính đáng hay theo kiểu tức nước vỡ bờ, mà cũng có trường hợp là do bản thân người phụ nữ đó quá ghê gớm còn anh chồng quá nhu nhược: "Một người vợ sẵn sàng chửi chồng, chửi gia đình chồng, cầm dao đuổi đánh, dọa giết chồng là không thể chấp nhận được. Nếu chỉ là một lần do không kìm chế được mà xử sự như vậy thì còn có thể xem xét, chứ thường xuyên xảy ra cảnh vợ đuổi đánh chồng, chửi chồng trong suốt 10 năm thì có nghĩa rằng đó đã là bản chất của cô ta rồi...tôi cho rằng Nam phải giải quyết thật nhanh mối quan hệ gia đình hiện nay, phải rời xa thật nhanh người vợ bạo lực, vô văn hoá và thu xếp ổn thoả cuộc sống cho những đứa con. Đành rằng các con bạn sẽ phải chịu thiệt thòi nhưng đằng nào cũng vậy, thà rằng bạn cố gắng sắp xếp lại cuộc sống tạo cho các con bạn một cuộc sống mới còn hơn là để con bạn sống với một người mẹ nhân cách không đầy đủ" - đó là lời khuyên cho một người chồng bị vợ bạo lực trong suốt 10 năm vẫn im lặng nhẫn nhịn chịu đựng vì các con.

Nếu như bạo lực của chồng đối với vợ thường đan xen nhiều hình thức cùng một lúc và chủ yếu là bạo lực thể chất và bạo lực tình dục thì bạo lực của vợ đối với chồng lại chủ yếu là bạo lực tinh thần như hay cần nhần về những thói quen sinh hoạt xấu của chồng, về chuyện con cái, về những sinh hoạt thường ngày trong gia đình hoặc những đòi hỏi, nũng nịu quá đáng của vợ cũng khiến những ông chồng mệt mỏi vì phải chiều chuộng quá mức vượt quá giới hạn chịu đựng của họ biến thành bạo lực về tinh thần.

Mới cưới vợ chưa lâu, Ninh phát hiện ra vợ mình có thói “nước mắt cá sấu”, chả kể việc to, việc bé, không ai đụng chạm trừng mắt hay nói móc chứ đừng nói đến việc lên tiếng quạ nạt là vợ Ninh đã nước mắt ngấn nước mắt

dài. Có khi hai vợ chồng đang nằm, vợ xem ti vi, chồng đọc sách báo thì Ninh nghe tiếng vợ thút thít bên cạnh, tưởng vợ khóc vì lại xem phim “chết vì ung thư” nhưng khi liếc nhìn màn hình ti vi thì rõ ràng là bản tin thời sự. Đỗ dành chán, bực mình Ninh quát vợ: “Ai làm gì mà em khóc?” thì Oanh vừa sụt sùi tay gạt nước mắt đáp: “Em thấy không vui thì khóc. Có ai làm gì đâu!”. Có ai ngờ cái thói mè nheo, uồn éo “mong manh dễ vỡ” của vợ từ hồi còn yêu nhau lại càng ngày càng trở nên quái đản đến thế, lắm lúc Ninh chỉ muốn đi biệt tích để không phải về nhà “ngắm khuôn mặt dài thuôn của vợ đang đầm đìa nước mắt. Chồng mệt, đi làm về nằm duỗi thẳng ra nhà không tìm xem vợ ở đâu, khóc. Chồng chăm chú dán mắt vào màn hình vi tính làm việc - vợ dỗi, khóc. Chồng ăn cơm, quên không mời vợ, khóc... Oanh dùng nước mắt hành chồng đến mức hể thấy mặt chỉ rầu rầu thôi là Ninh chạy mất dép.

Lắm hôm cái tính bồng dung muốn khóc của Oanh khiến Ninh bị bố mẹ mắng oan toi tả vì tội “ngược đãi vợ”. Nếu có cãi thì càng bị mắng nhiều hơn vì “không bồng dung nó khóc. Nó có bị điên đâu!. Vợ chồng không báo nhau mà sống. Tôi với bố anh sống sắp hết cả cuộc đời chưa một lần to tiếng. Còn anh mới lấy vợ chưa đầy ba tháng đã giở thói vũ phu...” Oan không để vào đâu được cho hết Ninh chỉ còn biết tìm cách nịnh vợ như nịnh trẻ lên ba.

Trong cuộc sống vợ chồng, người phụ nữ được ví là “người giữ tổ ấm”, là lửa ấm tình yêu hâm nóng cuộc sống gia đình khi nguội lạnh, là bờ bến bình yên cho chồng và con sau những lo toan, bộn bề cuộc sống, là bữa cơm đầm ấm trong gia đình thật vui vẻ, hạnh phúc khiến mỗi người chồng mỗi ngày hết giờ làm việc đều nhanh chân về với gia đình. Cuộc sống vợ chồng cũng sẽ trở nên tuyệt vời hơn khi có một người chồng tâm lý, yêu thương vợ con, sống hài hước. Nhưng đôi khi con người có được những điều tuyệt vời ấy lại không biết trân trọng, giữ gìn; những hành động vô ý của họ đã khiến họ phải hối tiếc.

Không giống như các cặp vợ chồng khác thi thoảng nổ ra vài trận tranh cãi nhưng vợ chồng anh Phúc, chị Liên lúc nào cũng hơn hớn, vui vẻ. Có lẽ cái gì nhiều quá cũng khiến người ta nhàm chán nên đôi khi chị Liên chứng kiến cảnh vợ chồng nhà hàng xóm cãi vã nhau rồi đuổi đánh nhau chạy khắp phố để rồi đêm đêm lại “má áp tay kê” chị lại thấy thèm.

Thấy không khí trong nhà mình lúc nào cũng hoà thuận, Liên dần dần chuyển từ trạng thái thoải mái, vui vẻ sang lầm lì, thích gây sự. Đôi lúc không cần có lý do gì Liên cũng “nặng mặt” tìm cách gây sự với chồng nhưng anh Phúc vốn là người xuề xòa dễ tính nên chẳng những không cáu mà còn trêu đùa vợ nhiều hơn. Vài lần như thế, biết kế hoạch của mình thất bại, chị Liên quay sang tìm cớ để quát chồng. Quát nạt vẫn không ăn thua vì mỗi lần như thế anh lại cười cợt: “Nhà hôm nay có bao nhiêu bánh bao chiều với thịt ế ngoài chợ”, chị Liên cố tìm tội của chồng, vạch cho bằng hết để...đòi ly hôn. Lần hai, lần ba, anh Phúc còn đùa cợt: “Bỏ anh thì em lấy ai” nhưng những lần sau đó thái độ của anh bắt đầu khó chịu, anh không dễ dàng, cũng chẳng đánh chị như hàng xóm để tới đến lại “má áp tay kê” mà anh bỏ đi “nạp rượu” cho tới khi không đứng nổi mới lê xác về nhà, đổ vật ra giường, ngủ một mạch đến sáng.

Như vậy, bạo lực của nó cũng biểu hiện rất đa dạng, phức tạp; bên cạnh những hành vi bạo lực thô bạo, dã man thì hình thức bạo lực tinh thần cũng là hình thức bạo lực chủ yếu để hành hạ chồng. Tuy nhiên, dù là dưới hình thức nào đi chăng nữa thì những hành vi bạo lực đối với chồng là không thể chấp nhận được trong gia đình và nó cần phải được dư luận xã hội lên án mạnh mẽ.

Qua tìm hiểu, phân tích các số liệu về bạo lực giữa chồng và vợ, chúng ta có thể thấy bạo lực giữa chồng và vợ là một hiện tượng xã hội tiêu cực mang tính phổ biến, ở các vùng miền núi hay đồng bằng, thành thị và nông thôn, trong các gia đình khá giả hay nghèo đói, ở các nhóm lứa tuổi khác nhau đều đã, đang xảy ra bạo lực với các hình thức bạo lực ngày càng phong phú,

đan xen vừa đánh đập vừa chửi bới, vừa bắt ép quan hệ vừa đánh đập vừa chửi....

Mặc dù vậy, ở mỗi giới lại có đặc trưng riêng trong các hình thức bạo lực chủ yếu của mình. Nếu chủ thể bạo lực là người chồng thì vợ sẽ luôn phải hứng chịu những trận đòn khủng khiếp, những đe dọa mang tính chất nghiêm trọng, những thái độ tình cảm lạnh lùng, những cảm đoán vô lý và cả sự ép buộc quan hệ tình dục mà vợ không muốn; nhưng nếu phụ nữ là chủ thể của bạo lực thì chủ yếu là sự hành hạ về tinh thần từ những lời nói không hay và tính nói nhiều của phụ nữ. Song xét chung về mức độ, tính chất và sự phổ biến thì bạo lực của chồng đối với vợ vẫn là phổ biến hơn bởi trong quan hệ gia đình người đàn ông giữ vai trò chủ thể, tính chủ động cao hơn và đặc trưng tính của đàn ông có thiên hướng sử dụng bạo lực; còn phụ nữ có hành vi bạo lực đối với chồng là do sự dồn nén quá mức từ người đàn ông mang lại cho họ dẫn đến việc tức nước vỡ bờ, phản kháng lại.

Bạo lực giữa chồng và vợ cũng có sự phân định rõ giữa các vùng miền, giữa độ tuổi và sự khác nhau về trình độ. Ở các vùng miền núi, khó khăn về kinh tế, trình độ văn hoá thấp thì tình trạng bạo lực xảy ra ở quy mô rộng hơn và chủ yếu là bạo lực thể chất; còn ở vùng đô thị với trình độ văn hoá cao hơn chủ yếu bạo lực tinh thần và tình dục. Bạo lực chủ yếu xảy ra ở những cặp vợ chồng trong độ tuổi khoảng từ 20 tuổi đến 55 tuổi.

Tuy vậy, dù thế nào đi nữa thì bạo lực giới trong gia đình cũng là hành vi xử xử không đáng để tồn tại trong gia đình, đi ngược lại với những giá trị nhân văn cao đẹp và làm mất đi tổ ấm thậm chí là mất đi cuộc đời của một con người. Vì vậy, ngay từ bây giờ chúng ta hãy “Nói không với bạo lực gia đình” để cuộc sống của chúng ta mỗi ngày là một niềm vui, một hạnh phúc chứ không phải là những nỗi niềm đau khổ nữa.

2.1.2. Hậu quả của hành vi bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay.

Bạo lực giới ở Việt Nam đã và đang xảy ra từng ngày, từng giờ trong cuộc sống của không ít gia đình hiện nay. Nhưng điều đáng nói là, những nạn nhân bạo lực lại chấp nhận cuộc sống bạo lực ấy và đôi khi còn coi đó chỉ là xung đột, mâu thuẫn hàng ngày. Bởi họ không ý thức được sự nghiêm trọng của vấn đề, những hậu quả mà nó để lại là khủng khiếp như thế nào.

Theo nghiên cứu của Trung tâm sức khỏe Phụ nữ và Gia đình thì nhiều phụ nữ bị đánh thâm tím cả người, gãy xương, tổn thương các cơ quan bộ phận của cơ thể dẫn đến có trường hợp bị tàn phế suốt đời, thậm chí bị chết do thương tật quá nặng; hoặc làm cho phụ nữ có thai ngoài ý muốn, phụ nữ đang mang thai có nguy cơ xảy thai, nhiễm các bệnh lây truyền qua đường tình dục như HIV/AIDS và các bệnh phụ khoa khác. Ngoài ra, bạo lực cũng gây tổn thương về tinh thần đối với phụ nữ. Cụ thể là tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, người vợ bị ức chế thần kinh, lo lắng, sợ hãi, tự ti, có cảm giác bị phụ thuộc,... khiến nhiều người đã tìm đến rượu, ma túy để quên cảm giác tủi hổ, căng thẳng sau chấn thương; nổi tuyệt vọng, bi quan dẫn đến tự tử, rối loạn về tình dục và các rối loạn khác.

Theo phân tích của nhiều nhà nghiên cứu trong lĩnh vực này cho thấy nạn bạo lực giới trong gia đình là nguyên nhân hạn chế sự tiến bộ và phát triển của gia đình và xã hội. Bởi nó cản trở người phụ nữ tham gia các hoạt động xã hội. Lao động kiếm sống và gánh nặng gia đình luôn đè nặng trên đôi vai người phụ nữ. Họ không còn thời gian học tập, nghỉ ngơi, giải trí nên họ không có cơ hội nâng cao trình độ để tìm kiếm một việc làm tốt hơn, góp sức mình cho sự phát triển của xã hội và mang lại thu nhập tốt hơn cho kinh tế gia đình.

Khái quát lại thì bạo lực giới trong gia đình sẽ để lại những hậu quả sau:

Về mặt thể chất: Những nạn nhân bạo lực khi bị đánh đập thường để lại những hậu quả dễ phát hiện trên thân thể như những vết thâm tím trên mặt, trên người hay những sang chấn nghiêm trọng về xương, về các bộ phận trên cơ thể khiến đau đớn về mặt thể xác trong một thời gian dài, có thể bị tàn tật

suốt đời hoặc nhiều trường hợp dẫn đến tử vong. Khảo sát của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam năm 2001 cho biết trong số những phụ nữ đã từng bị chồng đánh thì: "có khoảng 6% phụ nữ đã từng vào bệnh viện điều trị; có 51,8% người vợ đã từng bị đánh sưng tím mấy ngày" [17;35]. Do bị chồng đánh đập, nhiều phụ nữ đã muốn bỏ nhà ra đi, thậm chí không muốn sống: "trong số 198 trường hợp trả lời; có 16,9% phụ nữ bỏ đi khỏi nhà mấy ngày; 2,1% muốn tự tử" [17;36].

Nhiều hành vi bạo lực còn tạo ra những tổn hại thể chất nghiêm trọng cho người vợ: "từ năm 1994 đến tháng 6/1997, Khoa Bỏng Bệnh viện Chợ Rẫy đã tiếp nhận tới 114 ca bỏng do tạt axit. Theo ghi nhận của bệnh viện, 90% các vụ dùng axit để hãm hại nhau là do những mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân và gia đình như ghen tuông, ngoại tình... chẳng hạn, vụ Trần Văn N có hộ khẩu thường trú tại phường 7, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh. Khi phải giải thích trước tòa về hành vi tạt axit vào mặt vợ, y nói: tại vợ em đẹp quá, sợ người ta nhòm ngó" [38;18].

Về mặt tinh thần: Ngoài việc gây đau đớn về mặt thể xác, những hành vi bạo lực còn để lại vết thương tinh thần hằn lên cuộc sống gia đình. Bởi, không khí trong các gia đình xảy ra bạo lực thường căng thẳng, người vợ hoặc chồng luôn tỏ ra sợ sệt hoặc có thái độ chống đối, sẵn sàng tự vệ đối với nhau. Tình yêu trước kia giành cho nhau giờ đây trở thành sự khinh bỉ, ghê tởm. Những nạn nhân phải sống trong cảnh bạo lực luôn tỏ ra thiếu tự chủ, sợ hãi, tủi thân, suy nhược, trầm cảm và có xu hướng muốn tự vẫn.

Nếu những vết thương đau đớn về mặt thể xác theo thời gian nó sẽ lành lặn và đi vào quên lãng thì nỗi đau tinh thần nó mãi đeo đẳng đến hết cuộc đời họ khi phải sống trong một gia đình ít tình yêu thương mà nhiều bạo lực.

Về mặt kinh tế: Điều đáng báo động các phí tổn về kinh tế do nạn bạo lực gây ra là rất lớn, thể hiện qua tình trạng nghèo khổ, học vấn thấp trong những gia đình xảy ra bạo lực. Đó là sự hạn chế năng lực, tính năng động và phát huy tiềm năng tham gia sản xuất và hoạt động xã hội, các chi phí do dịch

vụ xã hội, y tế, hệ thống tòa án, cơ sở sử dụng lao động, thương tích về người và kể cả các đóng góp lao động tình nguyện cho các dịch vụ liên quan... Các phí tổn trực tiếp (dịch vụ hỗ trợ), gián tiếp (giảm hiệu quả làm việc).

Về mặt xã hội: Bạo lực trong gia đình ảnh hưởng sâu sắc đến xã hội, vì gia đình là hạt nhân của xã hội. Khi bạo lực xảy ra đồng nghĩa với việc là các giá trị tốt đẹp của dân tộc được giữ gìn và lưu truyền trong gia đình qua các thế hệ bị phá vỡ, chà đạp. Bởi bạo lực là nguyên nhân trực tiếp làm phá vỡ cuộc sống của nhiều gia đình. Theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao những năm gần đây về việc thụ lý và giải quyết các vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình cho thấy: "Năm 1998 thụ lý 55.419 vụ ly hôn, trong đó có 52% vụ ly hôn do nguyên nhân mâu thuẫn gia đình, bị đánh đập ngược đãi. Tỷ lệ vụ ly hôn do cùng nguyên nhân trên, năm 1999 là 56% (trong số 52.774 vụ), năm 2000 là 62,6% (trong số 51.361 vụ), năm 2001 chiếm 53,9% (trong số 54.226 vụ), năm 2002 chiếm 33,09% (trong số 56.487 vụ), từ ngày 01/01/2003 đến ngày 30/8/2003 chiếm 55,6% (trong số 41.326 vụ vợ chồng ly hôn" [32;22]. Những con số biết nói trên cho thấy tình trạng đáng báo động về số vụ ly hôn tăng nhanh chóng ở nước ta hiện nay mà một trong những nguyên nhân chính là do bạo lực gia đình gây ra.

Bạo lực gia đình không chỉ khiến nhiều mái ấm gia đình bị tan vỡ mà nó còn tác động đến một nhóm xã hội, đặc biệt là phụ nữ. Chúng ta đều biết, phụ nữ ngoài vai trò chính trong sản xuất nông nghiệp và lao động nội trợ, họ còn chịu trách nhiệm trong vấn đề sinh sản và nuôi dạy con cái. Trong những năm gần đây, tình hình chăm sóc sức khỏe sinh sản ở nước ta được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên công tác tuyên truyền và thực hiện quyền sức khỏe sinh sản của phụ nữ vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là ở các địa phương nơi bạo lực gia đình vẫn còn đang tồn tại một cách công khai, được coi là những chuẩn mực trong nhận thức, hành vi của một số nhóm người chồng.

Những hành vi bạo lực với phụ nữ trong thời gian sinh đẻ, nuôi con, mặc dù không phải là một hiện tượng phổ biến, song nó đặc biệt nghiêm trọng và

vô cùng nguy hiểm. Hậu quả của nó gây ra không chỉ ảnh hưởng đối với phụ nữ mà còn xâm hại trực tiếp đến con cái họ; hầu hết các trường hợp bạo lực đối với phụ nữ trong thời gian mang thai đều gây thương tật lâu dài cho người mẹ và dẫn đến kết quả không tốt cho thai nhi.

Trong nhiều trường hợp, vì còn nặng quan niệm trọng nam khinh nữ nên nhiều gia đình nhà chồng và chồng bắt ép vợ phải sinh bằng được con trai, thậm chí còn bắt vợ nạo hút thai khi phát hiện đó là con gái. Điều này, là lực cản lớn trong việc thực hiện công tác vận động nhân dân thực hiện mô hình gia đình ít con, nhằm nuôi dạy con cho tốt và giảm tốc độ tăng dân số góp phần xây dựng đất nước theo phương châm "dân giàu, nước mạnh" mà còn làm tổn hại đến sức khỏe sinh sản của người phụ nữ. Có đến "80% các bà mẹ đã có hai con gái tiếp tục đẻ con thứ ba; 60% các bà mẹ đã có ba con gái tiếp tục đẻ con thứ tư và thứ năm với hi vọng sinh được con trai" [3;54].

Trẻ em cũng là nạn nhân trực tiếp của bạo lực giới trong gia đình, là đối tượng xã hội chịu nhiều tác động và hậu quả lớn từ chính những hành vi bạo lực của cha mẹ chúng. Trong khi, cả xã hội đang nỗ lực rất nhiều để chăm sóc và mang đến cho thế hệ tương lai của đất nước những điều kiện chăm sóc tốt nhất và môi trường sống thật lành mạnh thì vô tình cha mẹ chúng chỉ vì những hành vi không kiểm soát đã cướp đi của chúng tất cả cuộc đời tuổi thơ tươi đẹp, mái ấm gia đình và tương lai phía trước. Khi trẻ em chứng kiến cảnh bạo lực gia đình của bố mẹ thì hơn 85% luôn có tâm trạng buồn phiền và lo sợ; 4,2% không tôn trọng bố mẹ, thậm chí có 5,5% có mong ước bỏ nhà để thoát khỏi tình trạng bạo lực hàng ngày. Theo các chuyên gia tâm lý xã hội, hành vi bạo lực trong cách cư xử của bố mẹ sẽ gây chấn thương tâm thần ở trẻ em, đôi khi kéo dài suốt cả cuộc đời, khiến nhiều đứa trẻ bị tê liệt bởi nỗi khiếp sợ. Chúng ta có thể không thấu hiểu hết sự đau khổ và nỗi khiếp sợ của những đứa trẻ phải chứng kiến tình trạng bạo hành gia đình. Hàng trăm đứa trẻ đã nói rằng, chúng chưa từng có cảm giác sợ hãi điều gì hơn là khi phải chứng kiến những hành vi bạo lực của cha mẹ. Một em gái 15 tuổi kể lại: "Từ

khi công việc làm ăn sa sút, bố cháu thường xuyên uống rượu say xỉn và quay ra đánh đập, hành hạ mẹ con cháu. Những lúc đó bố chẳng khác chi tên côn đồ hung hãn. Bố nhốt mẹ vào trong nhà mà đánh. Hàng xóm, tổ hoà giải đến cũng không làm cho bố thôi hành hạ mẹ. Chúng cháu chẳng thể làm gì được, chỉ biết khóc và kêu mọi người đến cứu. Hết trận này đến trận khác, biết bao lần mẹ con cháu phải vắt chân lên cổ mà chạy trốn khỏi cơn giận dữ của bố. Nhiều đêm bốn mẹ con phải ngủ ở cái nhà kho bé tí ngọt ngạt hoặc cất lá chuối nằm ngoài bờ ao. Nếu đêm nào may mắn được ngủ trong nhà thì giấc ngủ đó cũng không an, bởi nỗi ám ảnh của những trận đánh chửi om sòm. Chỉ cần một tiếng động nhỏ là mẹ con cháu tỉnh ngay, nỗi khiếp sợ len lỏi trong từng suy nghĩ, việc làm của chúng cháu. Có gì đáng buồn hơn khi con cái lại khiếp sợ chính người cha đã đẻ ra mình chứ không phải là ma hay trộm cướp". Một em trai khác tâm sự: "Cháu chán sống lắm rồi, nếu mẹ và em gái cháu không năn nỉ van xin thì cháu đã bắt tàu ngược lên Lạng Sơn sống lang thang rồi. Trong gia đình không phải chỉ có mình cháu bị đánh, cả mẹ và 2 em cháu, cứ trái ý bố là bị bố tát, đấm đá túi bụi. Có lần đưa em út cháu học lớp hai đi mua rượu cho bố, nó lơ đãng đánh rơi mất mấy nghìn tiền lẻ liền bị bố đá cho lộn cổ xuống vũng nước ven đường. Có lần bố còn đổ cả phích nước nóng vào lưng cháu, hoặc lấy đèn gi vào mặt cháu khiến mặt cháu bỏng tím bầm, cháu vẫn chịu đựng. Nhưng có lần bố đánh mẹ đau quá, cháu van xin mà bố vẫn không tha cho mẹ, cháu tức quá xông vào đánh lại bố để cứu mẹ. Cháu đã bị bố đánh thừa sống thiếu chết vì hành động vô lễ đó. Nếu tình trạng này cứ tiếp diễn thì cháu sợ rằng một lúc nào đó cháu sẽ giết bố cháu mất".

Di chứng tinh thần: Mặc dù khiếp sợ và căm ghét thói bạo hành của người cha, nhưng khi trưởng thành, những đứa con, đặc biệt là con trai, lại có xu hướng "lập lại" cách cư xử độc ác đó với người thân. Họ nói rằng, dường như họ không kiểm soát được hành vi của mình. Có lẽ đó là "di chứng" của tình trạng bạo lực gia đình đã in sâu vào tiềm thức và điều khiển hành vi của họ. Đây là câu chuyện của chị M, 28 tuổi, lấy chồng được 3 năm: "Cuộc sống

gia đình như địa ngục đối với tôi. Chồng tôi lúc nào cũng giận dữ. Từ ngày sống với anh ấy, tôi mất hết tự tin, lúc nào cũng nơm nớp lo sợ. Ngay từ lúc ngủ dậy, nếu anh ấy quờ chân xuống đất mà không thấy đôi dép đâu (có thể do tôi sơ ý đá vào gầm giường) là có chuyện ngay. Vào bồn rửa mặt, nếu thuốc đánh răng hết mà chưa kịp mua là tôi lại giật bắn cả người vì tiếng hỏi gay gắt của chồng. Có lúc anh ấy hét vào mặt tôi một cách đáng sợ: "Làm sao tôi có thể sống nổi với một người như cô?". Đáp lại bao nhiêu săn sóc tận tụy của tôi, anh ấy chỉ có một thái độ thường xuyên bực bội, cáu kỉnh. Trong nhà tôi như luôn có một "vị chúa tể" không bao giờ hài lòng và một "kẻ nô lệ" không bao giờ được giải phóng. Những lúc gần gũi nhất, anh đã tâm sự với tôi rằng, anh lớn lên trong gia đình có ông bố rất hung hãn, luôn đánh đập mẹ. Anh rất căm ghét bố, nhưng không hiểu tại sao anh lại cư xử cục cằn, thô lỗ giống y như ông ấy. Nhiều lúc anh thấy căm ghét chính cả bản thân mình...".

Qua những ví dụ trên chúng ta có thể thấy, con cái trong những gia đình bố mẹ cư xử với nhau bằng bạo lực thường không có cơ hội tìm thấy sự bình an trong tâm hồn, khó hoà nhập với cuộc sống cộng đồng trong tương lai, cũng như không sao khắc phục được tư tưởng trầm uất triền miên trong cuộc sống riêng tư. Đối với trẻ, bản thân bị ngược đãi lại không ảnh hưởng quan trọng bằng việc chứng kiến bố mẹ ngược đãi lẫn nhau. Chính điều này khiến trẻ nảy sinh tư tưởng tự tử, học kém, dễ có hành động bạo lực, hoặc tâm tính thụ động, mắc bệnh đau đầu, đau dạ dày v.v... Theo các nhà nghiên cứu, trẻ từ 5 đến 10 tuổi dễ bị tổn thương tinh thần nhất; ở lứa tuổi này, trẻ hiểu tất cả mọi việc, nhưng do còn quá nhỏ và yếu đuối nên trẻ không thể làm được gì ngoài việc bắt buộc phải chứng kiến cảnh ầu đả của cha mẹ xảy ra trước mắt mình. Hệ quả là sự suy sụp tinh thần và sự suy kiệt thể chất của trẻ, bởi những hình ảnh ấy tạo ra một ấn tượng kinh hoàng khó phai mờ trong tâm trí trẻ. Khi trưởng thành, chúng dễ trở thành người bị căng thẳng thần kinh, tính tình cục súc hoặc dễ mắc bệnh tật hơn những người lớn lên trong một gia đình yên ổn.

Rõ ràng là bạo lực giới trong gia đình đã không chỉ gây hậu quả trực tiếp đến người phụ nữ mà còn làm tổn thương những đứa con của họ. Đây là hậu quả khiến chúng ta cần phải suy nghĩ vì "trẻ em hôm nay thế giới ngày mai".

Có thể nói, những hậu quả mà bạo lực giới trong gia đình để lại đối với bản thân gia đình và cộng đồng là hết sức nghiêm trọng và đáng phải suy ngẫm. Chẳng biết đến bao giờ xã hội ta mới không còn những cảnh vợ chồng nói chuyện với nhau bằng bạo lực; người thân trong cùng một gia đình hằng ngày phải chịu đựng những tổn thương nặng nề về thể chất và tinh thần mà những người gây ra nó không ai khác là chồng mình, là vợ mình. Chẳng biết khi nào xã hội ta mới có những mầm non không phải chứng kiến cảnh cha đánh đập, chửi bới mẹ, để chúng có thể yên ổn lớn lên, trưởng thành trong một môi trường lành mạnh mà "bạo lực" không phải là câu trả lời cho mọi vấn đề.

2.1.3. Nguyên nhân bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay.

Một trong những khó khăn lớn nhất và cũng là chìa khoá khó tìm để giải quyết vấn đề bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay là tìm ra nguyên nhân, cội rễ của vấn đề này. Bởi, bạo lực giới trong gia đình là hệ quả của sự tác động nhiều chiều: từ điều kiện kinh tế - xã hội khách quan đến nhận thức chủ quan của người trong cuộc cũng như của người ngoài cuộc; là tổng hợp của nhiều yếu tố: từ yếu tố văn hóa gia đình đến những yếu tố về chuẩn mực xã hội... Nên nguyên nhân bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay là một trong những nội dung được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, đầu tư tìm hiểu nhất. Tùy thuộc vào mức độ và phạm vi nghiên cứu; các nhà nghiên cứu rút ra được nhiều nguyên nhân khác nhau. Cụ thể:

Một công trình nghiên cứu được thực hiện tại thành phố Hồ Chí Minh của tác giả Nguyễn Thu Hà cho thấy các nguyên nhân dẫn đến bạo lực của chồng đối với vợ trong gia đình thường là: nguyên nhân kinh tế; nguyên nhân do rượu chè, cờ bạc; do tác động của gia đình nhà chồng; nguyên nhân tình dục và ngăn cấm sử dụng các biện pháp tránh thai.

Dựa trên quan điểm giới, tác giả Lê Thi cho rằng nguyên nhân cụ thể của nạn bạo lực của chồng đối với vợ trong gia đình có thể có nhiều khía cạnh khác nhau nhưng nguyên nhân đầu tiên, sâu xa và cơ bản nhất chính là sự bất bình đẳng giới tồn tại trong gia đình và ngoài xã hội, dẫn đến tâm lý coi khinh phụ nữ, tự cho mình quyền đối xử tàn bạo với phụ nữ, không tôn trọng quyền cơ bản của con người. Nguyên nhân thứ hai, là tư tưởng tự ti của nhiều người phụ nữ đã dẫn đến sự thừa nhận tự nguyện về quyền hành tối cao của nam giới và địa vị phụ thuộc của người vợ vào người chồng trong gia đình. Một nguyên nhân khác là trình độ kiến thức xã hội của phụ nữ còn thấp kém, họ thiếu sự hiểu biết về quyền bình đẳng giữa nam và nữ, quyền được pháp luật bảo vệ nên khi xảy ra bạo lực đối với họ, những người phụ nữ ấy chỉ biết cắn răng chịu đựng, chấp nhận sống chung cùng bạo lực.

Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng bạo lực giới vẫn đang tiếp diễn ở mọi vùng miền, từ nông thôn đến thành thị và mọi gia đình có thu nhập khác nhau đó chính là khi có bạo lực, các cặp vợ chồng hiếm khi nhờ đến sự can thiệp của cha mẹ, bạn bè hoặc chính quyền vì họ sợ mất mặt hoặc không muốn “vạch áo cho người xem lưng”.

Theo ông Lê Hoàng Minh, Phó chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, tình trạng bạo lực giới trong gia đình cũng xuất phát từ quan niệm của các nạn nhân cho rằng đó là những mâu thuẫn hàng ngày, không tránh khỏi trong gia đình chứ không phải hành vi bạo lực và nạn nhân được pháp luật bảo vệ.

Theo bà Soledad Fuentes - Đại sứ Tây Ban Nha thì bạo lực gia đình là một trong những hậu quả của sự bất bình đẳng giới, vì thế điều cần thiết là sự nỗ lực can thiệp để khép dần khoảng cách bất bình đẳng giới giữa nam giới và nữ giới.

Qua trưng cầu ý kiến các hộ gia đình cho thấy bốn nguyên nhân được các gia đình lựa chọn nhiều nhất là gia đình có người cờ bạc rượu chè (81,1%), gia đình nghèo đói, thiếu việc làm (75,5%), gia đình coi nhẹ việc giáo dục, nề nếp gia phong (69,7%) và có người ngoại tình (69,5%). Đối với

một số nguyên nhân khác cũng có tỷ lệ người trả lời trên 60% như ghen tuông thái quá, gia đình không quan tâm đến nhau, ông bà, cha mẹ không gương mẫu để con cháu noi theo, con cháu không hiếu thảo. Đối với các nguyên nhân trên, 50% người trả lời do người vợ hay nói nhiều, con cái bỏ bê học hành, tư tưởng trọng nam khinh nữ. Các nguyên nhân khác như thói quen đàn ông, sức khỏe, tình dục không phù hợp chiếm tỷ lệ dưới 40%.

Kết quả nghiên cứu đề tài "*Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam*" của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2001) đã tổng hợp về nguyên nhân nạn bạo lực của chồng đối với vợ trong gia đình Việt Nam là do những bất đồng trong cuộc sống vợ chồng.

Các kết quả nghiên cứu đã cho thấy bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay là một vấn đề khá phức tạp và có nhiều nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này khái quát lại có hai nhóm nguyên nhân chính sau đây:

Nhóm nguyên nhân khách quan:

Thứ nhất, nguyên nhân kinh tế: Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng thì kiến trúc thượng tầng chịu sự quy định và chi phối của cơ sở hạ tầng. Nên trong mối quan hệ giữa kinh tế và gia đình thì kinh tế thuộc về cơ sở hạ tầng còn gia đình thuộc về kiến trúc thượng tầng tương ứng với sở sở hạ tầng đó của xã hội đó. Do đó, khi xem xét những vấn đề thuộc về gia đình chúng ta luôn phải đặt nó vào trong điều kiện kinh tế mà nó nảy sinh. Một trong những nguyên nhân được coi là nguyên nhân cơ bản dẫn đến bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay đó chính là nguyên nhân kinh tế.

Mặc dù, bạo lực giới trong gia đình xảy ra ở hầu hết mọi tầng lớp, mức sống và trình độ giáo dục khác nhau nhưng thực tế cho thấy các hành vi bạo lực giới trong gia đình vẫn xuất hiện nhiều hơn cả trong các gia đình có đời sống kinh tế khó khăn. Chúng ta cứ thử suy ngẫm một thực tế như thế này: người nông dân phải vất vả bươn chải để kiếm sống, họ làm việc từ 12 đến 14h mỗi ngày, những lúc nông nhàn vẫn lo kiếm việc làm để đảm bảo cuộc

sống kinh tế gia đình. Để kiếm sống họ luôn mệt mỏi về thể xác, căng thẳng về thần kinh, rất dễ có hành vi sai lệch. Trong các gia đình này, mâu thuẫn, bất hoà rất dễ nảy sinh và đẩy tới xung đột, bạo lực. Thực tiễn nghiên cứu của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về *"Bạo lực gia đình đối với phụ nữ Việt Nam"* cho thấy: nguyên nhân chủ yếu dẫn đến bạo lực của người chồng đối với vợ là nguyên nhân kinh tế, chiếm tới 64,3%. "Tỷ lệ phụ nữ bị chồng mắng chửi tăng từ 11,1% ở hộ gia đình có mức sống khá giả, lên 16,7% ở nhóm hộ trung bình và tới 30,2% ở nhóm hộ nghèo. Tương tự tỷ lệ phụ nữ bị chồng đánh tăng theo tình trạng kinh tế hộ gia đình (1,0%; 3,5%; và 7,7%) [32;28].

Như vậy, nghèo đói và bạo lực trong gia đình là hai mặt của một vấn đề. Trong đa số trường hợp, chính sự nghèo khổ đã loại bỏ phần lớn cơ sở vật chất kinh tế cần thiết cho việc duy trì hạnh phúc trong cuộc sống của vợ chồng. Đó là, những cơ sở vật chất cần thiết cho nhu yếu phẩm của gia đình như ăn, ở, mặc, đi lại; là tiền đóng học cho con cái; tiền thuốc thang chữa bệnh khi ốm đau,... Không có những cơ sở vật chất cần thiết này, vợ chồng khó có thể giữ được mối quan hệ bình thường, tốt đẹp giữa hai người với nhau. Bởi, trong lúc khó khăn kiếm tiền, sự vất vả mệt nhọc đè nặng lên cuộc sống hàng ngày, sự bức dọc thường xuyên vì đói nghèo và những thua thiệt trong làm ăn kinh tế đã khiến cho thần kinh con người căng thẳng, họ quên rằng vợ mình hay chồng mình cũng là người chịu chung nỗi khổ với mình, họ trở nên cay cú, gắt gỏng và thường trút nỗi bức tức lên đầu nhau, khiến cho mối quan hệ tốt đẹp của vợ chồng bị phá vỡ. Cái nghèo đói chính là miếng đất uơm sẵn mầm độc của bạo lực gia đình.

Nếu bạo lực gia đình được nảy sinh trên mảnh đất của sự nghèo đói thì ngược lại nghèo đói luôn bám lấy dai dẳng ở trong những gia đình mà bạo lực xảy ra. Sự căng thẳng thường xuyên trong gia đình đã gây sức ép nặng nề làm nhiều cặp vợ chồng không yên tâm sản xuất, có sản xuất thì cũng không hiệu quả. Hơn nữa, nhiều ông chồng vũ phu trong khi đánh đập vợ rồi còn đập phá luôn cả tài sản làm gia đình lại phải bỏ một khoản kinh phí ra để sắm lại hay

có những gia đình chẳng còn gì nữa để mà dùng. Với những gia đình mà kinh tế khá giả thì có thể mua sắm lại, nhưng còn gia đình kinh tế khó khăn thì đó là điều rất khó khăn. Nhất là, trong gia đình mà người đàn ông không gánh vác được kinh tế, buộc nhiều người vợ phải lao vào cuộc sống kiếm kế sinh nhai để nuôi sống gia đình. Chúng ta có thể bắt gặp ở cả trên đường phố hay chốn chợ nông thôn hình ảnh những người phụ nữ buôn bán trong khu vực kinh tế phi chính quy như bán hàng rong, gánh bánh canh, gánh hủ tiếu, gánh hàng phở,...trên những hẻm phố, lề đường để gia đình có thể tạm sống qua ngày. Gánh nặng gia đình luôn trút lên vai người phụ nữ như vậy, lẽ ra họ phải được sự chia sẻ, động viên của người chồng để họ cảm thấy sự nương tựa về mặt tinh thần từ gia đình sau những ngày lao động vất vả, thế nhưng không ít những người phụ nữ vừa phải chịu sự nhọc nhằn trong kiếm sống vừa phải chịu những lời sỉ vả, những cú đấm, những trận đòn vô tội vạ của các ông chồng vũ phu luôn chờ trực sẵn nếu chẳng may họ sơ xuất làm trái ý chồng hoặc cãi lại những lý lẽ, những hoạnh hợ vô lý của chồng. Điều này hoàn toàn trái ngược với quan niệm thông thường cho rằng những phụ nữ sống phụ thuộc vào đồng lương của chồng thì mới có nguy cơ bị chồng hành hạ, ngược đãi, xem thường. Trên thực tế "có khoảng 80% phụ nữ bị chồng hành hạ, ngược đãi đều có tham gia vào các hoạt động tạo ra thu nhập và đôi khi họ lại là người tạo ra nguồn thu nhập chính nuôi sống gia đình,... và những người chồng có hành vi bạo lực đang thất nghiệp hoặc việc làm không ổn định có mức thu nhập thấp (dưới 500.000đ/tháng) chiếm tỷ lệ tương đối cao là 43,3%" [14;26].

Như vậy, nghèo đói và bạo lực như một vòng tròn luẩn quẩn bám lấy nhau, không tách rời. Nghèo đói làm tăng nguy cơ bạo lực và bạo lực làm cho gia đình khó thoát khỏi cảnh đói nghèo.

Tuy nhiên, xét ở bề sâu thì sự nghèo khổ không phải là nguyên nhân chính và cũng không phải là nguyên nhân duy nhất gây nên bạo lực trong gia đình. Bởi lẽ, đâu cứ phải hề cứ gặp khó khăn, túng thiếu thì vợ chồng bất hòa,

chồng "thượng cẳng chân, hạ cẳng tay với vợ". Thực tế cho thấy, rất nhiều cặp vợ chồng suốt quanh năm nghèo đói nhưng vẫn sống với nhau hòa thuận và yêu thương nhau trong một không khí gia đình đầm ấm, hạnh phúc với những gì họ có. Truyền thống của gia đình Việt Nam ta là: dù vợ chồng có phải sống trong cảnh nghèo nàn, túng thiếu nhưng ngọn lửa tình yêu thương không bao giờ vì thế mà lụi tàn, hơn thế họ còn biết làm cho nhau cảm thấy cuộc sống gia đình thật yên vui với:

"Râu tôm nấu với ruột bầu

Chồng chan, vợ húp gật đầu khen ngon"

Trong khi đó, có nhiều gia đình có hoàn cảnh kinh tế khá giả hơn vợ chồng lại thường xuyên lục đục, bạo lực luôn xảy ra. Cũng có trường hợp vợ chồng khi nghèo đói thì thương yêu nhau, nhưng khi kinh tế khá giả lên thì hoặc là một người, hoặc là cả hai người sa vào tệ nạn xã hội, ngoại tình và kết quả là tình yêu phai nhạt và bạo lực xảy ra. Tuy nhiên, đó chỉ là hiện tượng riêng biệt trong mối quan hệ với cái phong phú, đa dạng. Điều này đã phản ánh tính đa dạng và phức tạp của cuộc sống gia đình và bạo lực gia đình.

Tóm lại, gắn với tình hình kinh tế khó khăn, mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình cũng tăng theo và hậu quả của nó là làm xuất hiện tình trạng bạo lực giữa chồng và vợ trong gia đình. Do đó, muốn giải quyết mâu thuẫn xung đột trong quan hệ vợ chồng thì việc cùng nhau gánh vác và xây dựng kinh tế gia đình là một điều vô cùng cần thiết.

Thứ hai, nguyên nhân về văn hóa - xã hội, phong tục, tập quán: Văn hóa, phong tục, tập quán là nhân tố có ý nghĩa quan trọng trong việc làm gia tăng bạo lực của chồng và vợ trong gia đình. Các nghiên cứu đã kết luận rằng: gốc rễ của nạn bạo lực giới trong gia đình là tư tưởng trọng nam khinh nữ, xuất phát và bị ảnh hưởng từ hệ tư tưởng Nho giáo đã thấm sâu vào tiềm thức các thế hệ Việt Nam và hiện nay còn thể hiện ở nhiều người, trong nhiều gia đình.

Quan niệm "chồng chúa, vợ tôi" và "Thuyết tam tông" gán cho người chồng toàn quyền định đoạt mọi công việc lớn trong gia đình. Người vợ chỉ là

người thừa hành, có bốn phận phục vụ chồng con. Trong nhiều trường hợp người chồng đã sử dụng vũ lực để duy trì quyền hành này, nên việc chồng đánh vợ được coi như một việc tất nhiên, là một phương pháp giáo dục không thể thiếu được để gia đình đi vào nề nếp, gia phong theo kiểu quyền thống trị thuộc về người chồng:

"Dạy con từ thuở còn thơ

Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về".

Người chồng có quyền đối xử tệ với vợ khi nổi cáu, khi vợ làm trái ý mình, hoặc thậm chí khi vợ tỏ ra thành đạt hơn có thể đe dọa địa vị cao của người chồng. Phần lớn những sinh hoạt trong gia đình do người chồng áp đặt, từ việc phân công lao động, sử dụng nguồn lực gia đình thậm chí ngay cả việc sinh đẻ và nuôi dạy con cái,... người vợ chỉ có mỗi một nhiệm vụ là tuân theo nếu làm trái ý chồng thì rất dễ bị bạo lực. Đặc biệt, định kiến giới "Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô" (một con trai cũng được coi là có, mười con gái cũng như không), đã đè nặng lên tâm lý của rất nhiều cặp vợ chồng, nhiều khi là từ bố mẹ chồng, anh em hay họ hàng bên chồng gây sức ép mà dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng xảy ra: "Trong năm 1996 các tòa án địa phương đã xét xử 49.711 vụ ly hôn, trong đó có 18% là do không có con trai" [10;107]. Cũng từ quan niệm "Nam ngoại, nữ nội", nam giới là người kiếm tiền chính để nuôi gia đình, có quyền tham gia việc họ hàng, làng nước gánh vác trách nhiệm xã hội. Vì thế, trách nhiệm duy trì hạnh phúc trong gia đình là hoàn toàn do người phụ nữ theo quan niệm của xã hội: "Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm" nên đôi khi người ta còn cho rằng người chồng đánh đập, hành hạ vợ là do người phụ nữ không biết lo toan, không biết cách để giữ hạnh phúc gia đình chứ không phải là do người chồng vô nhân tính. Không ít người chồng nói rằng không ai muốn đánh vợ nhưng đàn bà hay nói dai, phải đánh cho chừa, còn phụ nữ khi thấy một người chồng đánh vợ thì ý nghĩ ban đầu của chị ta là chắc cô ấy đã làm điều gì sai. Nhiều phụ nữ bị chồng đánh,

đuổi đi, không dám về nhà mẹ đẻ sợ cha mẹ, họ hàng cho rằng mình chẳng ra gì chồng mới đuổi đi.

Hầu hết mọi người quan niệm rằng, theo truyền thống văn hoá chỉ có chuyện chồng đánh đập, ngược đãi vợ chứ làm gì có chuyện vợ ngược đãi chồng. Nếu xảy ra chuyện vợ đánh chửi chồng thì những người phụ nữ như vậy sẽ phải chịu nhiều dư luận hơn. Chẳng ai khuyến khích phụ nữ làm việc đó, song có điều đối với nam giới người ta có thể chấp nhận, dễ tha thứ, còn với phụ nữ lại là điều tối kỵ. Nó cũng giải thích vì sao bạo lực của chồng đối với vợ lại phổ biến và công khai hơn bạo lực của vợ đối với chồng.

Liên quan đến nguyên nhân văn hóa, phong tục, tập quán còn phải kể đến một tác động cũng không nhỏ đó là vấn đề thách cưới. Thách cưới là một hủ tục cũ do Nho giáo để lại. Nó là một trong những biểu hiện của chế độ phụ quyền khi đưa ra quan điểm:

"Con gái là con người ta.

Con dâu mới thực mẹ cha mua về".

Đây là sự đề cao tột đỉnh giá trị của con trai và hạ thấp đến mức phủ nhận hoàn toàn giá trị của con gái nên ngay từ năm 1954 ở miền Bắc Việt Nam và từ năm 1975 trên phạm vi toàn quốc hủ tục này đã được xóa bỏ. Song thời gian gần đây ở một số nơi lại xuất hiện trở lại hủ tục này trong sự chấp nhận của nhiều người.

Khi những người đàn ông đã phải "mua vợ" với một giá tòn kém thì nảy sinh trong ý thức của họ là mình có quyền làm gì cũng được kể cả việc hành hạ vợ, "mất tiền mua mâm thì đâm cho thủng". Nhiều người chồng ngay khi cưới được vợ về đã vô cớ đánh đập vợ để thể hiện rõ uy quyền của mình, mặt khác cũng cho bố tức khi nhà gái thách cưới cao. Nhất là sau khi cưới, việc trả những món nợ thuộc về người vợ trẻ, kẻ được coi là "thủ phạm" đã gây ra sự thiếu hụt kinh tế của hai vợ chồng hoặc xâm phạm vào tài sản của nhà chồng. Rõ ràng, nhiều người phụ nữ đã phải chịu đựng sự khinh bỉ, dằn vò, thậm chí đánh đập, ngược đãi của người chồng từ những gánh nặng nợ nần vô lý như

vậy mà người phụ nữ vẫn phải âm thầm chịu đựng. Chừng nào mà xã hội còn nhìn nhận người phụ nữ ở địa vị thấp kém, còn coi phụ nữ như là người lệ thuộc vào chồng con, chừng đó việc sử dụng bạo lực trong gia đình còn chưa bị lên án mạnh mẽ, người chồng còn coi việc đánh đập vợ như một thứ quyền bất thành luật, là điều hiển nhiên.

Thứ ba, công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật liên quan đến bạo lực gia đình ở nước ta hiện nay chưa thực sự hiệu quả: Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật và chính sách thể hiện rõ nguyên tắc bình đẳng nam nữ, không phân biệt, đối xử với phụ nữ dưới bất kỳ hình thức nào. Hiến pháp năm 1992 quy định: Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ (Điều 63). Còn theo Bộ luật hình sự năm 1985: người nào dùng vũ lực hoặc các hành vi nghiêm trọng khác cản trở phụ nữ tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học và xã hội, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm (Điều 125). Luật tổ chức Chính phủ năm 1992 quy định các cấp chính quyền phải: thực hiện các chính sách và biện pháp đảm bảo quyền bình đẳng nam nữ về mọi mặt,... có biện pháp ngăn ngừa và chống mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm của phụ nữ.

Bằng việc ký công ước CEDAW, Việt Nam đã thể hiện sự đồng tình của mình về việc xóa bỏ mọi hình thức xâm phạm quyền phụ nữ và phân biệt đối xử với phụ nữ, "loại trừ các thành kiến và những phong tục tập quán dựa trên tư tưởng cho giới này là hơn, giới kia là kém, hoặc dựa trên những kiểu mẫu dập khuôn về vai trò của đàn ông và đàn bà" [10;36].

Bên cạnh đó, các biện pháp tổng thể đã được thực hiện nhằm đảm bảo trên thực tiễn việc thi hành nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ thông qua hoạt động của cơ quan Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp. Chẳng hạn, trong việc soạn thảo các bộ luật hay pháp lệnh: "nguyên tắc bình đẳng giới đã được chú trọng ngay từ khâu lựa chọn nhân sự

để thành lập Ban soạn thảo, thường có 30% đến 45% thành viên nữ" [10; 38 - 39].

Ngày 21/11/2007 Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành *Luật phòng chống bạo lực trong gia đình* thể hiện một cách nhìn mới về vấn đề bạo lực trong gia đình ở Việt Nam cũng như sự quyết tâm của Chính phủ và nhân dân Việt Nam trong việc đẩy lùi bạo lực gia đình. Đồng thời, cũng đánh dấu sự tiến bộ của ngành luật nước ta đã ngày càng len lỏi và điều chỉnh sâu hơn vào thực tiễn cuộc sống của nhân dân.

Tuy nhiên, những chính sách và các văn bản luật được đưa ra dù rất phù hợp thực tiễn, rất dễ hiểu nhưng lại không thực sự đi vào cuộc sống của nhân dân; cho đến thời điểm này là sau 3 năm Luật phòng chống bạo lực gia đình ra đời thì rất nhiều người dân ở nông thôn không hề biết nó đã tồn tại và không hiểu được cụ thể luật điều chỉnh như thế nào; thậm chí là ngay cả một số cán bộ làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình cũng thiếu sự hiểu biết, hiểu không đầy đủ về pháp luật dẫn đến sự thờ ơ, thiếu trách nhiệm. Ngay từ việc nhận thức vấn đề đã hạn chế thì việc tuyên truyền phổ biến luật vào cuộc sống, góp phần nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình sẽ không thể làm tốt được.

Cho nên những con số đang buồn về bạo lực giới trong gia đình vẫn là nỗi đau chung của xã hội ta, của Nhà nước ta. Quan trọng hơn, những số liệu thống kê về bạo lực giới trong gia đình như một hồi chuông báo động về tính phổ biến, về mức độ và tính chất của các vụ bạo lực gia đình ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn. Trong khi đó, những hoạt động truyền thông và các mô hình hoạt động trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình như Câu lạc bộ gia đình không bạo lực gia đình, Câu lạc bộ phòng chống bạo lực gia đình,... hiệu quả cao mang lại chưa cao.

Thiết nghĩ bạo lực có thể được xoá bỏ hay không thì công tác tuyên truyền phổ biến và giáo dục pháp luật liên quan đến bạo lực gia đình là vô cùng quan trọng và cần thiết.

Thứ tư, vai trò của các cơ quan chính quyền, các tổ chức xã hội và các cộng đồng dân cư trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình: Trong những năm qua, các cơ quan chính quyền, các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư đã góp phần quan trọng vào việc ngăn chặn và làm giảm các hành vi bạo lực giới trong gia đình. Việc xử lý nghiêm các vụ việc vi phạm, việc giáo dục nâng cao nhận thức cho nhân dân và cán bộ về tác hại của bạo lực giới trong gia đình đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao nhận thức của người dân về vấn đề này.

Tuy nhiên, vai trò của các cơ quan chức năng, các tổ chức chính trị xã hội trong công tác phòng chống bạo lực gia đình còn rất mờ nhạt. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các ban, ngành có liên quan nhằm thúc đẩy sự bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình mặc dù đã có sự tập trung chỉ đạo song hiệu quả chưa cao, đôi khi còn mang tính hình thức, phạm vi phối hợp còn hạn chế, thiếu đồng bộ, chưa sâu rộng, chương trình, nội dung phối hợp chưa có tính chiến lược, thiếu sự kết nối, chủ yếu chạy theo những công việc, hoạt động nhỏ lẻ, sự vụ, nhất là tại những địa phương sự bất bình đẳng giới và bạo lực gia đình ở mức cao.

Các cơ quan bảo vệ luật pháp (tòa án, viện kiểm sát, công an...): Bạo lực trong gia đình nói chung và bạo lực giới nói riêng rất ít khi được xử lý theo luật hình sự. Theo quy định của pháp luật nếu bị thương tích với mức trên 10% sức khỏe mới áp dụng luật hình sự. Tuy nhiên, chỉ khi có đơn của nạn nhân thì tòa án mới giải quyết. Trong những trường hợp gây thương tích nghiêm trọng hoặc đánh đập một cách tàn ác gây nguy hiểm đến tính mạng thì cơ quan pháp luật có quyền truy tố. Sự can thiệp của các cơ quan pháp luật gặp nhiều khó khăn vì khó đưa ra bằng chứng nếu không có sự hợp tác của nạn nhân: "nó cũng rất khó vì người vợ không nói, mà thương tích thì thường

dưới 11%... Chính quyền thì không bao giờ giải quyết nếu không có đơn tố cáo" (chủ tịch xã) [17;28]. Một trong những nguyên nhân chính là những người bảo vệ pháp luật chủ yếu chỉ quan tâm đến việc bảo vệ tính toàn vẹn của gia đình mà nhiều khi sự an toàn của nạn nhân, nhất là phụ nữ ít được chú trọng hơn. Cũng không ít những cán bộ cho rằng bạo lực trong gia đình là vấn đề riêng tư trong nội bộ gia đình, không nên can thiệp vào. Bên cạnh đó, nhiều phụ nữ không báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về những hành vi ngược đãi họ cũng vì lý do này.

Hơn nữa, các cơ quan pháp luật cũng chỉ có thống kê số liệu chung chung về bạo lực gia đình chứ không phân loại cụ thể từng loại bạo lực gia đình, đặc biệt là bạo lực giới trong gia đình.

Chính từ những thiếu sót trên mà việc can thiệp vào các vụ bạo lực giới trong gia đình tại các địa phương là rất khiêm tốn và hầu như không có hiệu quả thực tiễn cao. Nên nhiều nạn nhân bạo lực gia đình đang hàng ngày, hàng giờ phải chịu những trận đòn ác nghiệt, những lời đay nghiến khủng khiếp cũng một phần trách nhiệm thuộc về các cơ quan chức năng.

Cộng đồng dân cư, hội phụ nữ và tổ hòa giải: Cộng đồng dân cư, hàng xóm, tổ hòa giải và họ hàng thường là những người tích cực trong việc giúp các gia đình giải quyết xung đột và can ngăn những vụ việc bạo lực gia đình. Tuy nhiên, sự can thiệp đó lại giới hạn ở những vụ hành hung nghiêm trọng, hay những xung đột gia đình ảnh hưởng đến trật tự khu phố, xóm làng. Những ngược đãi diễn ra âm thầm phía sau cánh cửa thường không được ai biết đến và đôi khi họ cho rằng đó chỉ là mâu thuẫn hàng ngày mà đôi vợ chồng nào cũng có. Chính quan niệm sai lệch đó đã vô tình khiến nhiều mái ấm gia đình đổ vỡ, đẩy nhiều trẻ em vào cảnh lang thang và làm gia tăng thực trạng bạo lực giới gia đình ở nước ta. Vì vậy, ngay từ bây giờ hãy coi bạo lực gia đình không phải là vấn đề riêng tư của mỗi gia đình mà phải trở thành mối quan tâm của toàn xã hội.

Tuy nhiên, sự can thiệp của cộng đồng dân cư, tổ hòa giải và họ hàng phần nào làm giảm mức độ, tính chất nguy hiểm của tình trạng bạo lực giới trong gia đình. Rất nhiều nạn nhân bạo lực gia đình đã được cứu thoát ra khỏi "địa ngục trần gian" từ sự can thiệp của cộng đồng dân cư, tổ hòa giải. Mặc dù vậy, sự can thiệp của cộng đồng dân cư, tổ hòa giải chủ yếu chỉ dừng lại ở việc hòa giải, khuyên bảo phụ nữ phải nhẫn nhục chịu đựng để đảm bảo sự an toàn của gia đình, chứ không cung cấp cho phụ nữ làm thế nào để thoát khỏi tình trạng bạo lực.

Nhóm nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất: cả nam và nữ đều cho rằng bạo lực là điều khó tránh khỏi trong đời sống gia đình “bát nước có khi sánh” và “mâm bát có khi xô”. Tâm lý học macxit dựa trên cơ sở quy luật mâu thuẫn chỉ ra nguồn gốc, động lực bên trong của sự vận động phát triển cho thấy: những khác biệt cá nhân của từng người về mặt tâm lý - xã hội luôn tồn tại, điều này tạo cơ sở cho sự xuất hiện và giải quyết những mâu thuẫn không đối kháng. Khi mâu thuẫn được giải quyết sẽ tạo điều kiện cho sự vật phát triển (tất nhiên cần loại trừ tình huống xung đột vượt ra khỏi phạm vi quá trình phát triển). Sự phát triển quan hệ vợ chồng không nằm ngoài quy luật mâu thuẫn, có điều nó không phải là mâu thuẫn đối kháng, không thể điều hoà được. Việc giải quyết những mâu thuẫn này để xây dựng quan hệ ngày càng tốt đẹp không thể thông qua bạo lực, bạo lực chỉ làm tổn hại, thậm chí dẫn tới tan vỡ gia đình. Nhiều người ngộ nhận hoặc lẫn lộn bạo lực gia đình trong cuộc sống riêng tư, họ cho rằng vợ chồng có thể cãi cọ, đánh nhau, người ngoài không có quyền can thiệp vì đó là cuộc sống riêng tư. Thực ra họ đã không hiểu rằng quyền có cuộc sống riêng tư không bao gồm trong đó quyền lạm dụng bạo lực đối với các thành viên khác trong gia đình.

Thứ hai, sự khủng hoảng các mối quan hệ trong gia đình: Thực tế đã khẳng định ngoài những yếu tố khách quan từ bên ngoài tác động, bạo lực giới trong gia đình xảy ra còn do nguyên nhân trong nội bộ gia đình. Gia đình

không hạnh phúc, không có tình yêu thương thực sự là điều kiện cho bạo lực trong gia đình phát triển.

Trong thời gian gần đây, trước sự tác động của mặt trái cơ chế thị trường, ảnh hưởng của nền văn hóa phương Tây đã làm cho nhiều hệ giá trị truyền thống của gia đình Việt Nam có nguy cơ bị băng hoại, "xói mòn". Các mối quan hệ trong gia đình giữa những người ruột thịt với nhau không còn bền chặt như trước theo kiểu "một giọt máu đào hơn ao nước lã" nữa mà nó trở nên rất lỏng lẻo. Cha mẹ do bận bịu kiếm sống đã ít có điều kiện quan tâm, chăm sóc và giáo dục con cái. Ngược lại con cái cũng thiếu sự chăm sóc, quan tâm đến cha mẹ già... Dường như, mỗi thế hệ, mỗi cá nhân đều có cuộc sống riêng, họ bận rộn với cuộc sống công nghiệp, nghĩ về mình nhiều hơn nghĩ về gia đình. Trong nhiều gia đình, hiện tượng con cái bất hiếu, bỏ rơi cha mẹ già, thậm chí đuổi cha mẹ ra khỏi nhà để chiếm đoạt đất đai, nhà cửa, tài sản, hiện nay không phải là hiếm. Khi nghiên cứu về hiện tượng người vô gia cư ở Hà Nội, bà Lê Thị Quý cùng cộng sự có sự ghi nhận như sau: "nhiều ông bà già vốn trước đây không thuộc diện nghèo đói nhưng nay đã phải đi ăn xin vì bị con cái chiếm đoạt hết tài sản và đuổi đi" [38;162].

Cùng với những thay đổi về hệ giá trị trong gia đình thì tình yêu thương và sự tin cậy lẫn nhau để gắn kết giữa các thành viên trong gia đình cũng không còn nữa. Điều này, làm nảy sinh những xung đột nhiều khi là gay gắt trong các mối quan hệ gia đình như cha mẹ - con cái, vợ - chồng, anh - em... đặc biệt là trong mối quan hệ vợ chồng.

Trong quan hệ vợ chồng, yếu tố chung thủy được coi là hệ giá trị quan trọng nhất và cũng là sợi chỉ không thể thiếu để nối kết tình cảm giữa vợ chồng với nhau. Song hiện nay, tình trạng ngoại tình của vợ hoặc chồng cũng là nguyên nhân khiến cho bạo lực gia đình bùng nổ. Vì khi sự chung thủy vợ chồng không còn nữa thì những dò xét, sự nghi kỵ, ghen tuông cũng dễ dàng thổi bùng lên ngọn lửa của bạo lực. Không ít những người chồng đi ngoại tình về rồi kiếm cớ đánh chửi vợ, đẩy người vợ đến những hành vi không mong

muốn để rồi hành hung vợ tạo điều kiện có thể ly dị. Cũng có trường hợp đánh vợ xuất phát từ phía người vợ, do người vợ "quan hệ không đúng đắn". Như vậy, ngay cả trong nguyên nhân này cũng chứa đựng sự bất bình đẳng giới một cách khắc nghiệt đối với phụ nữ. Người chồng tự cho mình cái quyền được phép ngoại tình còn khi vợ ngoại tình thì coi là không giữ phẩm chất đạo đức, làm mất mặt chồng. Cả hai trường hợp người vợ đều không thoát khỏi những trận đòn dã man. Cũng phải nói rằng: chính thái độ và phản ứng của người phụ nữ an phận, tự ti và mặc cảm, lo sợ dư luận không dám đấu tranh là điều kiện để cho bạo lực gia đình phát triển.

Thứ ba, từ phía người vợ: Khi có bạo lực, các cặp vợ chồng hiếm khi nhờ đến sự can thiệp của cha mẹ, bạn bè hoặc chính quyền vì họ sợ mất mặt nên không muốn "vạch áo cho người xem lưng". Hơn nữa, những người trong cuộc lại vẫn quan niệm cho rằng đó là những mâu thuẫn hàng ngày không tránh khỏi chứ họ không hề nghĩ rằng đó là hành vi bạo hành và được điều chỉnh bởi pháp luật.

Trong số các nguyên nhân của bạo lực giới chúng ta không thể loại trừ nguyên nhân từ phía bản thân của người phụ nữ khiến cho nam giới được tự do lạm dụng. Đó là tư tưởng tự ti về thân phận của người phụ nữ dẫn đến quyền hành tối cao của nam giới và địa vị phụ thuộc của người vợ vào người chồng càng được bộc lộ rõ nên sự phản kháng của người vợ trước những hành vi bạo lực của chồng đối với mình nhìn chung còn yếu ớt. Bên cạnh đó, nhận thức của họ về pháp luật và cách xử lý các mối quan hệ gia đình còn chưa đầy đủ dẫn đến tình trạng họ không biết cách tự bảo vệ mình hoặc tìm kiếm sự giúp đỡ từ bên ngoài. Điều đó càng làm cho bạo lực gia đình có cơ hội phát triển trong bóng tối và trở nên đáng sợ hơn. Đây là lời tâm sự của một phụ nữ thường xuyên bị bạo lực:

“Chồng tôi luôn to tiếng trước, chửi tục. Tôi phải nín nhịn, nếu mà cãi thì có thể bị đánh chết, đặc biệt khi chồng tức lên thì càng phải nhịn. Thường tôi bị đánh vào ban đêm hoặc lúc con đi học, chồng tôi không muốn cho con

cái biết. Anh ta thường nhốt vợ khi đánh, chửi bới rất tục, đánh đấm vào mặt nhiều lần, bạ cái gì nhặt được là ném vào mặt. Có lần vợ được gậy thì đánh vào người. Đã hai lần tôi bị bóp cổ, sau không ăn uống được phải đi xông cổ họng. Có một lần tôi bị đánh vào sống mũi, ra nhiều máu tràn đầy mặt”

Một số trường hợp phụ nữ khác bị đánh thì lại coi đó là những hành vi hiển nhiên mình phải chấp nhận chịu đựng điều đó. Những người phụ nữ ấy không dám đấu tranh để đòi quyền lợi và bình đẳng vốn có của mình và họ càng không dám chủ động trong việc ly dị vì họ sợ sẽ mất gia đình, mất danh dự, con cái sẽ khổ. Họ có thể chịu đựng sự hành hạ, ngược đãi dã man kể cả là đón nhận cái chết chứ ít khi chấp nhận ly dị. Đáng ngạc nhiên hơn, đã không ít chị cho rằng chồng đánh mình là phải, mình cũng có lỗi và đã là chồng thì anh ta có quyền dạy vợ. Như trong công trình nghiên cứu của Nguyễn Hữu Minh và Lê Ngọc Lan năm 2007 cho thấy tỷ lệ các ý kiến của người phụ nữ coi các hành vi bạo lực có thể chấp nhận được trong cuộc sống gia đình: "mắng chửi là 45%, bỏ lửng là 9,9%, tát là 7,9%, xỉ vả là 4,6% và cấm đoán quan hệ với mọi người là 3,8%" [32;24]. Với các cuộc khảo sát của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (2001) cũng cho thấy một tỷ lệ khá lớn các ý kiến của người vợ chấp nhận những hành vi bạo lực của chồng: "Chồng có thể đánh vợ khi vợ có quan hệ lãng nhãng là 30,7%, cờ bạc nghiện hút là 22%, hỗn láo là 15%...Chồng có thể đánh chửi vợ khi vợ làm trái ý chồng là 51,3%, không chăm sóc chồng con là 50,2%, ăn tiêu hoang phí là 44,6%, lười biếng là 40,1%, không biết làm ăn là 32,8%" [17,16;17]. Một nạn nhân nữ ở Tiền Giang phát biểu: "Vợ láo thì chồng có quyền đánh vợ" [17;26].

Chính từ nhận thức sai lầm và tâm lý an phận như vậy đã khiến nhiều người phụ nữ chấp nhận sống chung cùng bạo lực, ngoài việc chia sẻ tâm sự với hàng xóm, đồng nghiệp, họ hàng, bạn bè...về nỗi khổ của mình ra họ không đủ can đảm tự giải thoát cho mình. Cho nên, ngoài sự nhẫn nhục chịu đựng để êm ấm cửa nhà và chấp nhận đó như một điều hiển nhiên của số kiếp phụ nữ họ cũng không biết làm gì khác hơn.

Mặt khác, tình mẫu tử cũng là nguyên nhân khiến cho nhiều người phụ nữ chấp nhận bị chồng hành hạ. Mặc dù, bị đánh đập, hành hạ song nhìn chung hầu hết những người vợ đều không muốn bị phá vỡ hạnh phúc gia đình vì họ không chịu đựng nổi cảnh con cái bị ly tán hoặc phải sống xa mình: "Người vợ bị hành hung trong nhiều trường hợp vẫn thương yêu chồng mặc dù bị nhiều ngược đãi, gây ra do rượu chè, cờ bạc, trai gái và tiền bạc. Đã là sự thực của bạo lực gia đình mà ngày nay đa số người phụ nữ gặp phải. Nhiều bà vợ bị đánh đập chỉ biết chịu đựng vì tin tưởng bất cứ phán ứng nào của mình sẽ đưa đến hậu quả mất con, mất nhà cửa và quyền lợi tài chính" [39;192].

Trong nhiều trường hợp người phụ nữ có thể tự tử mà không ly dị. Vì lý do con cái: "Bị chồng đánh cũng khổ thật nhưng thà thế còn hơn ly dị. Ly dị thì con cái khổ mà người ngoài lại cười cho" [38;24]. Chính điều này đã làm cho họ trở thành những người mẹ vừa mạnh mẽ vừa yếu đuối.

Sau cùng cũng phải nói tới những người thiếu hiểu biết và kinh nghiệm sống trong việc ứng xử các mối quan hệ gia đình. Đối với những người thay vì khôn khéo, khi mạnh mẽ, khi dịu dàng, hướng chồng con vào những việc thiện, thì họ lại mắc phải chứng nói nhiều, đánh đá hoặc bạc nhược. Hiện tượng này, bắt nguồn từ nguyên nhân sâu xa liên quan đến dạng bạo lực không nhìn thấy được. Đó là, do sức ép của công việc sản xuất và công việc gia đình quá nặng nề đối với họ. Thiếu thời gian nghỉ ngơi luôn lo lắng cho cuộc sống gia đình, phải quan tâm đến tất cả công việc nên người phụ nữ dễ cáu giận trước những sai sót của chồng như tính bừa bãi, lười làm việc nhà, đi chơi với bạn bè quá lâu, nhậu nhẹt, ngoại tình. Phụ nữ chỉ còn cách thoát ra khỏi sức ép này là "nói", lúc đầu là khuyên răn sau đó thấy chồng ít có sự chuyển biến thì cầu nhàu, phàn nàn trước một số sự việc lặp đi lặp lại của chồng, họ đã nói rất nhiều và dai dẳng. Việc này cũng gây không khí căng thẳng trong gia đình và kích thích tính vũ phu của một số người chồng.

Chính thái độ nhu nhược, tư tưởng an phận, thiếu kinh nghiệm sống và không khéo léo trong cách xử lý mối quan hệ nên nhiều phụ nữ trước hành vi bạo lực giới đã không những không làm thay đổi được thói quen bạo lực của người chồng mà ngược lại nó càng kích thích cho bạo lực trong gia đình tồn tại và phát triển, khiến cho không khí trong gia đình luôn ở tình trạng căng thẳng và nặng nề. Nói như vậy, không có nghĩa tất cả phụ nữ bị bạo lực đều chấp nhận cuộc sống tù ngục ấy, mà không ít chị đã dũng cảm đứng lên đấu tranh chống lại hành động bạo ngược của chồng và còn động viên nhiều chị em khác cùng làm như vậy.

Thứ tư, từ phía người chồng: Người chồng thường là thủ phạm chính gây ra hành vi bạo lực giới trong gia đình. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là tất cả các ông chồng đều là kẻ có hành vi bạo lực mà trên thực tế cũng có những người hết lòng vì vợ vì con, luôn chăm lo đến hạnh phúc gia đình và đôi khi ngay cả như vậy họ cũng là nạn nhân của bạo lực. Vậy từ đâu mà xuất hiện chân dung một số ông chồng bạo lực?

Trước hết, cần khẳng định rằng tư tưởng, quan niệm gia trưởng đã thấm sâu vào hệ ý thức của những ông chồng này. Họ luôn muốn dùng bạo lực để người vợ thấy được uy quyền của họ trong gia đình, đó đôi khi là thông điệp của những ông chồng vũ phu gửi đến các bà vợ khi không nghe lời hay làm trái ý mình. Đây chính là nguyên nhân căn bản và sâu xa nhất đã đẩy không ít người phụ nữ vào cảnh sống gia đình không hạnh phúc.

Vấn đề tình dục trong quan hệ vợ chồng cũng là tác nhân quan trọng khiến tình yêu thương giữa hai người dần phai nhạt, một số nghiên cứu cho thấy sự hoà hợp trong quan hệ tình dục rất dễ nảy sinh mâu thuẫn, xung đột xuất hiện và bạo lực xảy ra. Các chuẩn mực đạo đức truyền thống của người Việt Nam ta luôn coi phụ nữ là phải phục tùng chồng, thậm chí cả trong quan hệ tình dục ngay cả khi họ không muốn. Do đó, một số ông chồng vẫn cho rằng họ có quyền tuyệt đối với vợ, xem vợ đơn thuần không khác gì hơn là công cụ để thoả mãn nhu cầu tình dục. Họ không hề quan tâm đến tâm trạng,

tâm lý của vợ. Họ xem việc vợ từ chối không quan hệ là một xúc phạm đối với họ. Vì vậy, có khi họ sử dụng vũ lực để thực hiện quyền làm chồng của mình, cưỡng ép vợ quan hệ tình dục với mình. Tuy nhiên, theo các nhà nghiên cứu thì đây là nguyên nhân rất khó phát hiện bởi vì đó là "một vấn đề nhạy cảm, rất khó nói đối với cá nhân và chỉ qua tương tác nhóm họ mới bộc lộ hết những điều vốn được giấu kín trong lòng" [14;28].

Do hành vi rượu chè, cờ bạc đã khiến nhiều ông chồng mất tự chủ và thường giải quyết bất đồng với vợ bằng hành vi bạo lực. Rượu không phải là nguyên nhân mới của bạo lực gia đình song ngày nay do tính phổ biến của nó nên đã được xếp vào một trong những nguyên nhân có tác động lớn đến hành vi bạo lực gia đình bởi nó còn kéo theo những nguyên nhân khác nguy hiểm hơn: "Gia đình có thể không có cơm ăn nhưng những ông chồng loại này thì không thể thiếu rượu một bữa. Họ móc đến tận đồng xu cuối cùng của vợ con hoặc bán đi tất cả đồ đạc trong nhà để đổi lấy rượu. Hầu hết những gia đình có người nghiện rượu đều nghèo xơ nghèo xác hoặc phải ly tán" [39;161].

Và đôi khi là tác động của gia đình cha mẹ lên gia đình thế hệ con cái mà chúng ta có thể gọi đó là sự tập nhiễm, di chứng qua các thế hệ. Những đứa trẻ sinh ra và lớn lên trong một gia đình có bạo hành thì xác xuất trở thành kẻ bạo hành, ngược đãi vợ, con là rất lớn.

Bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay là sự tác động tổng hợp của nhiều yếu tố, từ nhiều chiều cạnh khác nhau. Các nguyên nhân trên không đứng độc lập riêng rẽ, tách biệt nhau mà chúng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau cùng tồn tại trong một gia đình. Như: tình trạng nghèo khổ sẽ kéo theo trình độ học vấn thấp nên nhận thức của người chồng và người vợ về vấn đề bạo lực gia đình cũng rất hạn chế hay từ các yếu tố văn hoá tập quán, quan niệm của người ngoài cuộc,... kích thích bạo lực gia đình gia tăng. Nên việc phân chia các nguyên nhân dẫn đến hành vi bạo lực giới trong gia đình chỉ mang tính chất tương đối. Nguyên nhân sâu xa chính là tư tưởng trọng nam khinh nữ, tất cả các nguyên nhân khác hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp làm cho

vấn đề bạo lực giới ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Vì vậy, việc đưa ra những giải pháp phòng chống bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay chỉ mang tính chất định hướng.

2.2. Một số giải pháp phòng, chống bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay

Con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển. Với tinh thần ấy, văn kiện Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII khẳng định: *“Cần khai thác và sử dụng nhiều nguồn lực khác nhau, trong đó nguồn lực con người là quý báu nhất, có vai trò quyết định đặc biệt đối với nước ta khi nguồn lực chính là nguồn lực vật chất còn hạn hẹp”*[21,9]. Các giải pháp phòng, chống bạo lực giới trong gia đình với mục tiêu xây dựng bình đẳng giới trong gia đình thực chất là quá trình tác động nhằm khơi dậy, phát huy tiềm năng nguồn lực con người.

Xuất phát từ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong việc xây dựng gia đình Việt Nam *“No ấm, bình đẳng, hạnh phúc và tiến bộ”*, từ hậu quả bạo lực giới trong gia đình tác động tiêu cực đến sự phát triển của cá nhân và xã hội với tư cách là động lực của sự phát triển trong điều kiện kinh tế - xã hội nước ta hiện nay, chúng tôi đề xuất, kiến nghị một số giải pháp chủ yếu sau.

2.2.1. *Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục và xây dựng gia đình văn hoá.*

Bạo lực giới xuất hiện đầu tiên trong gia đình và cũng tồn tại dai dẳng nhất trong gia đình. Muốn xoá bỏ bạo lực giới thì một trong những giải pháp quan trọng là đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hoá, đây là môi trường trực tiếp nhất để mỗi cá nhân trong gia đình, kiểm soát hành vi ứng xử và giữ gìn cho gia đình luôn hoà thuận theo kiểu *“trong ấm, ngoài êm”*. Phong trào xây dựng gia đình văn hoá là quá trình vừa kế thừa những giá trị tốt đẹp của gia đình truyền thống *“ông bà, cha mẹ mẫu mực, con trung hiếu, cháu thảo hiền”*, luôn tôn trọng, chăm lo cho nhau; vừa đấu tranh loại bỏ những

phong tục, tập quán bảo thủ, lạc hậu, áp bức, coi thường, đặc biệt là đối với phụ nữ.

Trong quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế hiện nay, gia đình Việt Nam vừa phải tiếp thu những giá trị tiến bộ của văn minh nhân loại vừa phải phát huy bản sắc văn hoá dân tộc để xây dựng gia đình Việt Nam văn hoá, văn minh trong đó nhất thiết phải đảm bảo tiêu chuẩn: xây dựng gia đình hoà thuận, chăm lo phụng dưỡng người già; không có bạo lực gia đình dưới mọi hình thức, thực hiện bình đẳng giới.

Như vậy, xây dựng gia đình văn hoá và chống bạo lực giới trong gia đình có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau. Để gia đình mình trở thành gia đình văn hoá được xã hội, làng xóm công nhận thì gia đình mình không chỉ không có bạo lực mà còn phải kiên quyết đấu tranh chống lại mọi biểu hiện của tiêu cực. Ngược lại, phòng, chống bạo lực giới trong gia đình chính là yếu tố cơ bản đảm bảo sự thành công của phong trào xây dựng gia đình văn hoá.

Một mặt, tạo lập mối quan hệ trong gia đình bền chặt, hoà thuận là nhân tố quan trọng đảm bảo hạnh phúc gia đình và đẩy lùi bạo lực. Để làm được điều đó, thì phải xây dựng gia đình đảm bảo về mức sống và văn minh trong lối sống.

Như chúng ta biết, không thể loại bỏ bạo lực gia đình trong gia đình nghèo nàn và lạc hậu cho nên đảm bảo gia đình có một mức sống ổn định, khá được coi là điều kiện cơ bản để xây dựng gia đình hạnh phúc. Đời sống kinh tế khó khăn là nguyên nhân tác động trực tiếp nhất đến bạo lực giới trong gia đình. Với sức ép cơm áo gạo tiền, những chi phí cho sinh hoạt trong gia đình phải lo toan, cả vợ và chồng đều không có nhiều thời gian chăm lo cho nhau và cho gia đình, kéo theo đó là những mâu thuẫn xung đột xoay quanh vấn đề tài chính dần dần dẫn đến những hành vi bạo lực trong cách ứng xử đối với nhau. Ngày nay, mục tiêu của chúng ta không chỉ dừng lại ở xoá đói giảm nghèo mà phải vươn lên làm giàu chính đáng để cải thiện và nâng cao đời sống cho mọi

gia đình. Khi kinh tế phát triển, có mức thu nhập ổn định, các gia đình không phải đứng trước những vấn đề khó khăn do hạn hẹp tài chính, mâu thuẫn, xung đột trong gia đình liên quan đến vấn đề này sẽ không còn, vợ chồng có thời gian nghỉ ngơi, điều kiện quan tâm đến nhau hơn và tình cảm cũng được bồi đắp để bền chặt.

Kinh tế tuy là yếu tố rất quan trọng tạo lập cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng nó chỉ được xem là phương tiện. Đã có những gia đình kể từ khi trở nên giàu có lại nảy sinh lục đục, bất hoà, vợ chồng không tôn trọng nhau, con cái hư hỏng, thậm chí gia đình bị đổ vỡ. Trong những trường hợp như vậy, sự “no ấm” có thể đến mức thừa thãi nhưng gia đình lại không được hạnh phúc. Sự no ấm mới thể hiện ở mức sống, cho nên cần phải xây dựng lối sống lành mạnh, trong sạch, có văn hoá trong gia đình và mọi người phải thực sự biết cách quan tâm nhau để ngọn lửa tình thương trong gia đình luôn được giữ ấm.

Để gia đình hạnh phúc thực sự thì cần phải tạo lập một lối sống tốt, thể hiện sự hoà thuận giữa các thành viên trong gia đình. Chữ thuận ngày nay phải được xây dựng trên cơ sở dân chủ, bình đẳng, đó là sự kết hợp những nét đẹp trong quan hệ gia đình truyền thống và việc đề cao đúng mức phát triển nhân cách của mỗi cá nhân trong xã hội hiện đại.

Sự phát triển của đời sống xã hội đã làm chuyển biến quan niệm về hôn nhân và gia đình, làm tiền đề để mỗi người bước vào cuộc sống vợ chồng một cách tự chủ, dân chủ và bình đẳng. Hôn nhân tự do trên cơ sở tình yêu đôi lứa phải được đề cao, nó được xem như cơ sở xác lập quan hệ tình cảm trong cuộc sống sau này của hai vợ chồng. Đề cao quá trình tự tìm hiểu để lựa chọn bạn đời của đôi trai gái, giành quyền quyết định cuối cùng cho họ, gia đình, cha mẹ chỉ nên đóng vai trò cố vấn. Các đôi trai gái lấy nhau thường là sự kết hợp của nhiều lý do, song lý do cơ bản, quan trọng nhất phải là tình yêu. Tình yêu ở đây không phải là cảm tính mà dựa trên sự tìm hiểu để thấy những nét tương đồng, những nét có thể bổ sung cho nhau. Sự tương đồng về nhận thức, tính cách... là điều vô cùng quan trọng để hạn chế những mâu thuẫn, xung đột

trong quan hệ vợ chồng sau này. Gia đình hoà thuận phải được xây dựng trên cơ sở dân chủ, bình đẳng, vợ chồng biết thương yêu, tin cậy, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau. Vợ chồng bù đắp cho nhau những thiếu hụt về tâm lý tình cảm, bổ sung cho nhau những khiếm khuyết để giúp nhau cùng tiến bộ... mỗi người tìm được ở vợ hoặc chồng những điều cần thiết để hoàn thiện bản thân mình. Dân chủ, bình đẳng còn thể hiện sự tôn trọng lẫn nhau, cùng nhau bàn bạc để thống nhất các vấn đề trong đời sống gia đình, không áp đặt ý kiến của người này cho người kia. Dân chủ, bình đẳng còn thể hiện sự quan tâm của vợ đối với chồng và ngược lại, đây là trách nhiệm của cả đôi bên để tạo lập cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Ứng xử nhẹ nhàng, tế nhị là điều cần thiết của vợ và chồng, cho nên “chồng giận thì vợ bớt lời” và ngược lại, điều này chỉ tốt đẹp cho cuộc sống gia đình chứ không giảm đi uy tín của người chồng hay người vợ.

Một yếu tố quan trọng nữa trong đời sống vợ chồng đó là quan hệ tình dục, đây được coi là khía cạnh tế nhị xưa nay ít được quan tâm đánh giá nhưng thực chất đây lại là yếu tố gần như quyết định hạnh phúc trong hôn nhân. Gần đây nhiều nghiên cứu về gia đình, cho thấy sự không phù hợp, không thoả mãn trong quan hệ tình dục giữa vợ và chồng là nguyên nhân của nhiều hành vi bạo lực, nhất là bạo lực tình dục. Sinh hoạt tình dục là một hoạt động có văn hoá ở con người, là nhu cầu cần được đáp ứng của cả vợ và chồng. Vợ chồng cần xuất phát từ tình yêu thương, thông cảm lẫn nhau, không vì lòng ham muốn thái quá mà đòi hỏi vợ hoặc chồng phải đáp ứng, bất chấp lý do về sức khoẻ, tình trạng tâm lý... cả vợ và chồng phải chung thủy với nhau, không đơn phương đòi hỏi một phía ở người vợ hay người chồng. Quan hệ tâm lý vợ chồng là vấn đề riêng tư, tế nhị giữa hai người nhưng không trở thành tính ích kỷ để rồi áp đặt quyền của vợ hay chồng với những đòi hỏi vô lý. Chỉ trên cơ sở tình yêu thương, tôn trọng lẫn nhau thực hiện lối sống có văn hoá, sống có trách nhiệm chúng ta mới có thể xây dựng được một gia đình hạnh phúc, không có bạo lực.

Bình đẳng giữa vợ và chồng trong mọi khía cạnh của cuộc sống hôn nhân là hạt nhân của bình đẳng giới và cơ sở vững chắc nhất của gia đình hạnh phúc. Để đạt được điều này, đòi hỏi thái độ và hành vi ứng xử của cả vợ và chồng phải luôn được điều chỉnh theo chiều hướng tích cực và tôn trọng, thông cảm lẫn nhau. Trong gia đình, người chồng chính là tấm gương về cách ứng xử. Thái độ và hành vi của người chồng sẽ giúp trẻ định hướng tốt lối sống, biết tôn trọng, yêu thương người khác, biết chia sẻ công việc trong gia đình. Hơn thế nữa người chồng chính là người bạn đời chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của vợ, là nguồn cổ vũ và động viên vợ, là trụ cột trong nhà để mọi thành viên khác dựa vào; còn người vợ là người giữ gìn hạnh phúc trong gia đình, luôn biết cách chăm sóc các thành viên trong gia đình, chia sẻ với chồng và cùng gánh vác với chồng mọi khó khăn trong cuộc sống. Tất cả những điều đó sẽ giúp vợ chồng ngày càng hiểu nhau, cảm kích nhau và yêu thương nhau; vợ và chồng đều không muốn làm điều gì đó khiến đối phương bị tổn thương. Chúng ta cần phải xây dựng một gia đình như thế.

Mặt khác, vai trò của họ hàng, làng xóm là rất quan trọng, có thể góp phần tích cực trong công cuộc phòng, chống bạo lực giới song cũng có thể trở thành lực cản trong công tác này. Bởi vì con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội, không một cá nhân nào có thể sống độc lập riêng rẽ, tách mình ra khỏi cộng đồng. Do đó, sức mạnh của cộng đồng chính là sức mạnh của sự lên án, của dư luận; đôi khi nó còn mạnh mẽ và hiệu quả hơn sức mạnh của công lý.

Nhưng để nó thực sự trở thành vũ khí sắc bén đấu tranh chống lại những hành vi bạo lực giới trong gia đình thì trước hết lực lượng này cần phải bài trừ tư tưởng định kiến giới. Cần đối xử công bằng với phụ nữ hơn, đặc biệt là phụ nữ về làm dâu. Bên cạnh việc đánh giá cao các đóng góp của những người con dâu cho gia tộc, cần mở rộng quyền dân chủ để họ được bàn bạc các công việc quan trọng của họ hàng. Phải đối xử công bằng với phụ nữ, tránh trường hợp anh em họ hàng đứng hẳn về phía người chồng ức hiếp, đánh đập người

vợ khi giữa họ xảy ra mâu thuẫn. Các dòng họ cần nghiêm khắc với những người chồng dùng bạo lực đối với vợ, nêu gương những gia đình điển hình về sự hoà thuận để giáo dục con cháu.

Thứ hai, cần phải loại bỏ tư tưởng “đèn nhà ai người nấy rạng” hay sự ngại xen vào chuyện riêng tư gia đình người khác mà thờ ơ trước những hành vi đối xử tàn bạo của chồng đối với vợ hoặc ngược lại. Đây là tâm lý chung hầu hết trong cộng đồng dân cư. Đôi khi chính thái độ lạnh nhạt, thiếu quan tâm giúp đỡ của những người hàng xóm đã vô tình đẩy nhiều gia đình đến bi kịch. Giả như lúc đó có sự can thiệp kịp thời hay cung cấp thông tin cho cơ quan chức năng từ chính những người “tối lửa tắt đèn có nhau” thì có lẽ nhiều người chồng hoặc vợ đã được cứu thoát.

Với sức mạnh của cả cộng đồng, với tất cả các biện pháp vừa mềm dẻo vừa kiên quyết, luôn mang tính nhân văn, chúng ta có thể giúp rất nhiều gia đình tránh rơi vào thảm hoạ của bạo lực. Để mỗi gia đình thực sự là tổ ấm của con người, là tế bào của xã hội.

2.2.2. Nâng cao vai trò của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và các trung tâm tư vấn về phòng, chống bạo lực giới trong gia đình.

Luật pháp là biện pháp không thể thiếu trong công tác phòng, chống bạo lực giới trong gia đình nhưng một mình nó thôi thì chưa đủ. Sự thành công của bất kỳ một chương trình hay biện pháp nào trong việc phòng, chống bạo lực giới cũng đều có sự đóng góp và hợp tác của cả cộng đồng xã hội, là trách nhiệm của toàn xã hội mà trước hết là của các cơ quan chức năng liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội, các ban, ngành, đoàn thể và các tổ chức phi chính phủ. Các biện pháp chủ yếu của nhóm này là giáo dục, tuyên truyền, trợ giúp pháp lý về bạo lực gia đình và tư vấn về tinh thần, sức khoẻ cho nạn nhân bạo lực giới. Để biện pháp này thực sự có hiệu quả trong công tác phòng, chống bạo lực giới thì việc tập huấn nâng cao năng lực và kiến thức về giới cho cán bộ làm công tác hoà giải là rất quan trọng. Thực tế cho thấy, kiến

thức về bất bình đẳng giới và bạo lực giới trong gia đình của nhiều cán bộ làm công tác hoà giải chưa đầy đủ, thậm chí còn sai lệch; họ cho rằng phụ nữ không hề bị phân biệt đối xử và đó là mâu thuẫn hàng ngày trong quan hệ vợ chồng theo kiểu “*bát đũa còn có lúc xô*” chứ không phải là bạo lực giới. Điều này có thể dẫn đến những hậu quả rất nghiêm trọng; không những không tư vấn được để các mâu thuẫn xung đột gia đình được giải quyết mà tệ hại hơn lại trở thành kẻ tiếp tay “bắt đắc dĩ” cho bạo lực giới trong gia đình phát triển. Vì vậy, tổ chức một chương trình tập huấn nhằm nâng cao năng lực của các cán bộ hoà giải là cần thiết. Chương trình tập huấn này trước tiên có thể được tổ chức để đào tạo một nhóm nhỏ các chuyên gia cấp quốc gia, sau đó những người này sẽ tiếp tục đào tạo những cán bộ hoà giải ở cấp xã, cấp phường. Bản thân mỗi cán bộ, cơ quan, ban ngành làm công tác gia đình, nhất là liên quan đến việc giải quyết những vụ việc bạo lực gia đình thì cần phải có sự nhạy cảm, tế nhị, sự quan tâm đúng mức và kỹ năng lồng ghép các chương trình phòng, chống bạo lực gia đình.

Đồng thời, thúc đẩy mạnh phong trào xây dựng nếp sống mới, làng văn hoá và gia đình văn hoá. Xây dựng và nhân rộng các điển hình gia đình văn hoá; có động viên, khen, chê kịp thời. Chính quyền, đoàn thể ở địa phương cần có biện pháp ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại đến đời sống của phụ nữ trong gia đình cũng như các hủ tục tác động không tốt tới cuộc sống gia đình, nhất là ở nông thôn và những gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Thường xuyên tuyên truyền, tổ chức những buổi truyền thông, những buổi sinh hoạt liên quan đến chủ đề bạo lực giới trong gia đình; như Hội phụ nữ có phong trào xây dựng gia đình “*5 không, 3 sạch*”; “*CLB phụ nữ với bạo lực gia đình*”; hay cuộc thi “*Mình là đàn ông mình nói không với bạo lực*”; tập trung phát triển phong trào “*xây dựng gia đình nói không với bạo lực*”,...

Để làm tốt những nhiệm vụ trên, các địa phương cần phải coi đây là công việc thường xuyên chứ không phải là cuộc vận động, tuyên truyền mang

tính chiến dịch. Mỗi tổ chức, cơ quan, ban, ngành phải có trách nhiệm phối hợp cùng hành động để công tác phòng, chống bạo lực giới trong gia đình thực sự mang lại hiệu quả thiết thực.

Bên cạnh việc tăng cường vai trò của các tổ chức chính quyền thì việc mở rộng các trung tâm tư vấn, trung tâm hỗ trợ nạn nhân bạo lực giới trong gia đình ở nước ta hiện nay cũng cần chú trọng đầu tư, phát triển. Bởi, trong khi tại những nước phát triển các trung tâm tư vấn đã trở thành nơi quen thuộc của hầu hết nạn nhân bạo lực giới thì ở nước ta việc tìm đến trung tâm tư vấn còn hết sức mới mẻ. Cho đến nay, số lượng các trung tâm tư vấn, trung tâm hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình còn rất hạn chế, chủ yếu mới có ở một số tỉnh và các thành phố lớn như Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hải Phòng.

Mặc dù số lượng còn hạn chế, nhưng ngay từ khi được thành lập vai trò của các trung tâm này đã được khẳng định, nhiều nơi đã trở thành mái ấm gia đình của cuộc đời họ; giúp họ lấy lại được niềm vui, sự cân bằng trong cuộc sống. Như mô hình "Ngôi nhà bình yên" của Trung tâm Phụ nữ và Phát triển. Theo Báo gia đình, số 11, ngày 14/03/2011 thì có một địa chỉ tin cậy cho phụ nữ tạm lánh bạo lực, do Trung tâm dạy nghề nhân đạo của nhà giáo Trần Duyên Hải tại 28/45 Linh Quang - Đống Đa - Hà Nội xây dựng; đã trở thành một ngôi nhà bình yên thứ hai cho chị em phụ nữ bị bạo lực. Chị em phụ nữ bị chồng bạo lực biết đến Trung tâm này qua thông tin trên đài phát thanh, báo chí và qua chính người dân sống xung quanh đó. Họ tìm đến đây để tạm lánh khi bị chồng đánh đập, ngược đãi và hành hạ. Chị em từ nhiều miền quê khác nhau, độ tuổi trung bình từ 30 đến 45 tuổi, mỗi người một hoàn cảnh. Khi đến Trung tâm, các chị được tư vấn trấn an về tinh thần, được giúp đỡ về chỗ ăn ở trong những ngày đầu. Nếu trường hợp nào nhẹ, Trung tâm sẽ mời những người chồng bạo lực đến để tìm hướng hoà giải. Có chị chỉ tạm lánh tại Trung tâm 3 đến 5 ngày rồi trở về, tuy nhiên nhiều trường hợp bị bạo lực nặng, xin tạm lánh trong thời gian lâu hơn tại Trung tâm. Với những trường

hợp này, bước đầu Trung tâm sẽ tìm việc làm để giúp đỡ các chị em giải quyết phần nào những khó khăn trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. Các chị có thêm 2 đến 3 đứa con, Trung tâm hỗ trợ các em có điều kiện đi học...

Có những chị em sau thời gian tạm lánh tại Trung tâm, không muốn trở về nhà, nhưng người chồng đã nhận ra sai lầm của mình, không thể sống thiếu vắng vợ, Trung tâm đã mời người chồng tới trao đổi, tìm cách giải quyết, giúp đỡ vợ chồng hàn gắn tình cảm. Rất nhiều ông chồng ban đầu đến Trung tâm rất hung hỏ, tức giận nhưng sau khi được các tư vấn viên phân tích, đã tỏ ra ân hận và biết lỗi. Trung tâm vẫn theo dõi sát sao khi những người đàn ông từng gây bạo lực đón vợ mình về địa phương. Hàng năm Trung tâm đón nhận và cứu mang khoảng 50 đến 60 trường hợp phụ nữ bất hạnh ở khắp mọi miền Tổ quốc. Tuy cơ sở vật chất của Trung tâm chưa thật đầy đủ, khang trang, song ngôi nhà của những tấm lòng nhân ái nơi đây luôn là chốn bình yên để những mảnh đời bất hạnh nương náu.

Với nạn nhân bị bạo lực giới thì những mô hình kiểu này chính là nơi cứu cánh cuối cùng cho cuộc đời họ. Có thể họ không nhờ đến chính quyền, đến làng xóm, người thân mà khi bị bạo lực hầu hết họ đều nghĩ đến các Ngôi nhà bình yên, đến nơi tạm lánh. Do vậy, hơn một tổ chức nào, các trung tâm tư vấn, trung tâm trợ giúp nạn nhân bị bạo lực giới đã trở thành nơi bình yên thực sự; đã cho thấy ý nghĩa sâu sắc của những tấm lòng nhân ái, thương người như thể thương thân. Tuy nhiên, các trung tâm này, phần lớn là do những người hảo tâm lập ra, họ không được hỗ trợ kinh phí từ Chính phủ nên hoạt động cũng rất khó khăn, hạn chế về chuyên môn. Do đó, Chính phủ cần quan tâm đầu tư về nguồn vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật, chuyên môn, về con người để các trung tâm này được tiếp tục phát triển, mở rộng.

2.2.3. Thực hiện pháp luật, chính sách liên quan đến bạo lực giới và nạn nhân bị bạo lực giới trong gia đình

Trong quá trình lập pháp, Nhà nước ta luôn bám sát sự chỉ đạo của Đảng đặc biệt quan tâm tới vấn đề gia đình và xây dựng gia đình Việt Nam “No ảm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”. Cho đến nay, có thể nói Việt Nam là một trong các quốc gia đi tiên phong trong việc xây dựng, thực hiện bình đẳng trong quan hệ vợ chồng, xây dựng mô hình gia đình nói không với bạo lực với sự ra đời của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007.

Trước hết, cần tăng cường tuyên truyền và phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến bạo lực giới trong gia đình. Đây là công tác được nhiều nước trên thế giới quan tâm trong phòng, chống bạo lực gia đình, nhất là các nước có nền kinh tế - xã hội phát triển. Tuy nhiên, ở nước ta do hạn chế trong việc ban hành các văn bản dưới luật để hướng dẫn triển khai thực hiện nên nhiều cơ quan, ban ngành, đoàn thể rất lúng túng trong triển khai, thực hiện. Đồng thời, trình độ dân trí đa số người dân nước ta còn thấp, lại chịu ảnh hưởng nặng nề của ý thức hệ Nho giáo nên luôn coi vấn đề trong gia đình cũng như trong quan hệ vợ chồng là vấn đề riêng tư, theo kiểu "xấu chàng, hổ ai". Vì vậy, để pháp luật thực sự đóng vai trò như một công cụ hữu hiệu trong việc phòng, chống bạo lực gia đình thì việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến với người dân là vô cùng quan trọng. Việc này có thể thông qua các hình thức như: cung cấp các tờ rơi pháp luật liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của cả nam và nữ, đặc biệt là nữ giới trong gia đình. Thành lập một tổ chức chuyên điều tra và phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình nói chung và bạo lực giữa vợ và chồng nói riêng nhằm can thiệp, giúp đỡ những nạn nhân bạo lực theo đúng pháp luật.

Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như sách, báo chí, đài, tivi... thường xuyên đưa tin về các vụ bạo lực gia đình qua đó tác động đến người xem, người nghe góp phần thay đổi nhận thức về quan niệm bạo lực gia đình chỉ là chuyện riêng tư của gia đình; đồng thời, từ đó cũng có sự đồng

cảm với nỗi đau của người bị bạo lực thúc đẩy sự chung tay, góp sức xây dựng gia đình không có bạo lực.

Đẩy mạnh sự phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội cho thế hệ trẻ trong việc tuyên truyền, giáo dục về nhân cách con người, về bình đẳng giới, về trách nhiệm của mỗi thành viên đối với sự phát triển của gia đình và xã hội. Cần đưa vấn đề hôn nhân và gia đình vào giảng dạy trong các trường Phổ thông trung học và Đại học để giáo dục cho thanh niên những quan điểm vừa đúng đắn vừa khoa học về giới, về bình đẳng nam nữ, về hôn nhân và gia đình.

Bên cạnh đó, cũng cần phải xoá bỏ những quan niệm cũ kỹ, lạc hậu; xây dựng những chuẩn mực mới trong gia đình. Những chuẩn mực này cần kết hợp được với những yếu tố truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những quan điểm nhân văn hiện đại.

Khi tuyên truyền, phổ biến chính sách và luật pháp cần xác định đối tượng cả nam và nữ; nội dung cần được xác định cụ thể cho từng đối tượng để họ nắm được toàn bộ quyền và nghĩa vụ pháp lý liên quan trực tiếp đến mình, trên cơ sở đó thực hiện và bảo vệ được quyền của mình.

Song song với việc tuyên truyền, phổ biến là việc triển khai, tổ chức thực hiện chính sách và pháp luật thông qua sự hướng dẫn của văn bản dưới luật. Đây là khâu có ý nghĩa quan trọng đối với sự thành công của việc đưa ra luật pháp và cũng là nhân tố tác động cơ bản đến việc phòng, chống bạo lực giới trong gia đình ở nước ta.

Việc thực hiện chính sách và luật pháp liên quan đến bạo lực giới trong gia đình phải được tiến hành một cách đồng bộ, với sự phối hợp chặt chẽ của các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể và mỗi gia đình. Chúng ta có Luật hôn nhân và gia đình, Luật phòng, chống bạo lực gia đình, có Công ước quốc tế chống phân biệt đối xử với phụ nữ, có hệ thống chính sách và pháp luật vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam; vấn đề là ở chỗ làm thế nào biến các cơ sở pháp lý đó trở thành nếp sống hàng ngày của toàn xã hội. Điều đó không thể

có được nếu việc áp dụng các quy định luật pháp, chính sách của Nhà nước một cách máy móc, rập khuôn mà trong khi thực hiện, áp dụng vào thực tiễn, chúng ta cần phải phát hiện những bất hợp lý, những điều không còn phù hợp, những vấn đề chưa được luật pháp và chính sách nhìn nhận, để kịp thời điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện và nâng cao chất lượng của chính sách và luật pháp, nó không chỉ đặt ra với người làm luật, làm chính sách mà còn là yêu cầu đối với cả hệ thống chính trị và người vận dụng nó.

Nạn nhân của bạo lực giới trong gia đình có thể là vợ hoặc chồng bị bạo lực nhưng phần lớn nạn nhân của bạo lực giới trong gia đình là người phụ nữ. Vì vậy, khi bạo lực xảy ra cần có các dịch vụ chăm sóc sức khỏe nạn nhân và lập hồ sơ tình trạng bạo lực của họ. Xây dựng nhà tạm lánh, tạm trú cho nạn nhân bạo lực giới trong gia đình cũng là một giải pháp hữu hiệu mang ý nghĩa thực tiễn cao khi mà họ đang trong tâm trạng hoang mang và cô độc. Mô hình này đã được xây dựng ở nhiều quốc gia trên thế giới, nhất là ở các nước phát triển. Tuy nhiên, ở Việt Nam vẫn chưa có nhiều mô hình như vậy, chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn với số lượng cũng không nhiều và vai trò vẫn còn mờ nhạt vì tâm lý người dân Việt Nam vẫn còn bị ảnh hưởng bởi quan niệm truyền thống: "thuyền theo lái, gái theo chồng" hay "xấu chàng hổ ai", thêm nữa vấn đề kinh phí để xây dựng cũng gặp khó khăn vì phần lớn phụ thuộc vào những tấm lòng hảo tâm nên việc xây dựng và phát triển nhân rộng trên phạm vi toàn quốc mô hình nhà tạm lánh, tạm trú cho nạn nhân bị bạo lực giới trong gia đình vẫn còn là vấn đề nan giải, khó khăn ở nước ta. Do vậy, nhiều trường hợp bị đánh người phụ nữ hay chọn giải pháp ở tại nhà và tiếp tục chịu đựng, chứ không thể bỏ nhà ra đi; trong khi đó đàn ông bị bạo lực thì nhất quyết sẽ không tìm đến những trung tâm tư vấn hay nhà tạm lánh vì với đàn ông như vậy là mất thể diện, họ thường tìm đến rượu bia, bạn bè thậm chí là những cô bạn thân tình để trả thù những người vợ của mình, do đó bạo lực giới giữa vợ và chồng giống như một vòng tròn luân quản để tìm ra lối thoát và phương pháp triệt để mang lại hiệu quả thực tiễn cao quả là điều rất khó.

Nên cần có những biện pháp cụ thể đối với chủ thể gây ra bạo lực giới trong gia đình mà ở đây có thể là những ông chồng vũ phu với vợ hay những bà vợ nghề gốm đối xử tệ bạc với chồng. Khi bạo lực xảy ra thì cần phải cách ly họ với gia đình trong một thời gian để bạo lực không có khả năng tái diễn. Song cũng cần phải xử lý theo pháp luật một cách nghiêm minh đối với những người luôn dùng hành xử một cách thô bạo với vợ hoặc chồng của mình, nhất là khi đã cấu thành tội hình sự.

Một biện pháp cũng được coi là có hiệu quả trong việc giảm các vụ bạo lực giới trong gia đình ở nước ta hiện nay, đó là tập hợp những người gây ra bạo lực giới trong gia đình theo từng nhóm và thảo luận về vai trò giới, hướng dẫn họ phương pháp kiềm chế nóng giận, căng thẳng và cách thể hiện cảm giác đối với người khác, giúp họ thấy được ý thức trách nhiệm đối với các hành động của mình.

2.2.4. Tăng cường nghiên cứu khoa học và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực giới trong gia đình

Cần có thêm nhiều công trình nghiên cứu toàn diện trong việc tìm hiểu những khía cạnh khác nhau của bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay, để từ đó biết được mức độ phổ biến và tần suất của nó, các yếu tố quyết định hành vi bạo lực, thực tiễn pháp luật và hoạt động của các tổ chức xã hội tham gia vào việc xử lý các vụ bạo lực...Kết quả của những công trình nghiên cứu này sẽ là cơ sở để từ đó thiết kế các chương trình quốc gia về phòng chống bạo lực giới trong gia đình.

Những giải pháp trên trong công tác phòng, chống bạo lực giới trong gia đình hoàn toàn chỉ mang tính định hướng. Khi áp dụng những giải pháp này cần tuân theo một số nguyên tắc, đó là: các giải pháp trên cần được thực hiện một cách đồng bộ, linh hoạt và có thể thay đổi tùy theo hoàn cảnh và điều kiện cụ thể. Song bất kỳ ở đâu thì sự an toàn của những nạn nhân bị bạo phải được đặt lên hàng đầu.

Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực giới trong gia đình. Hiện nay, bạo lực giới trong gia đình giữa vợ và chồng đã được nhìn nhận là một vấn đề mang tính chất toàn cầu. Vì vậy, để phòng, chống bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay thì sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này có ý nghĩa thực tiễn vô cùng to lớn. Nó không chỉ thể hiện sự chung tay, góp sức, sự quyết tâm loại bỏ bạo lực ra khỏi gia đình trên phạm vi toàn thế giới mà nó còn thể hiện tính nhân văn, nhân đạo sâu sắc, sự tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa các quốc gia trên thế giới trong mọi lĩnh vực trong đó có vấn đề bạo lực gia đình. Trong *Luật phòng, chống bạo lực gia đình* của nước ta, giải pháp này cũng đã được luật hoá: "Nhà nước khuyến khích hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng chủ quyền, phù hợp với pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế" [37;3].

Những phương diện về hợp tác quốc tế Việt Nam trong công tác phòng, chống bạo lực đối với vợ trong gia đình ở những nội dung sau: Xây dựng thực hiện chương trình, dự án hoạt động về phòng, chống bạo lực gia đình; tham gia tổ chức quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình; trao đổi thông tin, kinh nghiệm về phòng, chống bạo lực gia đình.

Trong thời kỳ, toàn cầu hoá, hội nhập hiện nay thì đây là một biện pháp mang tính chiến lược trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình ở nước ta hiện nay.

Kết luận chương 2

Qua sự phân tích tổng quan về thực trạng bạo lực giới trong gia đình ở nước ta hiện nay, chúng ta nhận thấy một nghịch lý xã hội vẫn tiếp tục diễn ra: trong khi xã hội đang phát triển theo hướng văn minh, công bằng, bình đẳng đối với tất cả mọi người, đặc biệt là vì sự tiến bộ và phát triển của nhân loại thì bạo lực giới trong gia đình vẫn tồn tại và trở thành một vấn nạn xã hội mang tính chất toàn cầu. Nghịch lý này không chỉ vi phạm nghiêm trọng

đến quyền con người mà còn là lực cản đối với sự phát triển của xã hội Việt Nam vì một nửa xã hội, một lực lượng sản xuất đông đảo là phụ nữ đang bị kìm hãm sự phát triển hoặc bị tước đoạt quyền một cách vô lý nhờ những quan niệm xã hội cổ hủ vẫn tồn tại. Không chỉ vậy, mà hậu quả bạo lực giới trong gia đình để lại là vô cùng nghiêm trọng đối với cả cá nhân, gia đình và cộng đồng xã hội: Nó chính là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến phá vỡ hạnh phúc gia đình, cướp đi môi trường giáo dục lành mạnh và yên bình của hàng nghìn đứa trẻ đẩy chúng từ chỗ đang sống trong tình yêu thương của cha mẹ đến chỗ là những đứa trẻ lang thang không nhà, không tình thân. Nghiêm trọng hơn, dạng bạo lực này trong gia đình còn làm băng hoại những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình truyền thống để lại, như sự cố kết bền vững của các thành viên trong gia đình, sự tôn ti trật tự trên dưới, nhường nhịn nhau giữa các thành viên trong gia đình, ý thức về sự tôn trọng nhau giữa vợ và chồng trong gia đình... Vì vậy, đã đến lúc nói không với bạo lực giới trong gia đình, phải coi đó là hành động của toàn xã hội, cộng đồng quốc tế chứ không còn là vấn đề riêng tư của mỗi gia đình.

KẾT LUẬN

Bạo lực giới trong gia đình là một trong những biểu hiện của bất bình đẳng giới, nó xuất hiện sớm nhất và cũng tồn tại dai dẳng nhất trong gia đình. Hậu quả của nó không chỉ cản trở sự phát triển của gia đình mà còn hạn chế nỗ lực của quốc gia về sự tiến bộ của phụ nữ, về chương trình tạo lập mối quan hệ bình đẳng giữa nam và nữ trong gia đình. Quá trình nghiên cứu thực trạng bạo lực giới trong gia đình Việt Nam những năm gần đây cho thấy:

1. Công cuộc đổi mới ở Việt Nam đã và đang gặt hái được những thành quả to lớn trên mọi phương diện, từ phát triển kinh tế - xã hội cho đến cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân và cộng đồng xã hội. Những thành công trên đã làm thay đổi diện mạo đất nước, đưa đất nước ta ngày càng phát triển, giàu đẹp, văn minh hơn. Song bên cạnh đó, xã hội Việt Nam cũng đang phải đối diện với nhiều vấn nạn xã hội nghiêm trọng như lạm phát gia tăng, tỷ lệ thất nghiệp cao, giá cả sinh hoạt leo thang, dịch vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng, ô nhiễm môi trường sống, bạo lực giới trong gia đình...Thực tế cho thấy, bạo lực giới trong gia đình vẫn đang tồn tại ngay trong lòng xã hội tiến bộ, bình đẳng, văn minh và nó ngày càng trở thành vấn nạn xã hội, là nỗi đau của nhiều gia đình, là nỗi khiếp sợ của nạn nhân bị bạo lực bởi sự dai dẳng, âm ỉ của nó. Thậm chí bạo lực giới trong gia đình còn được phần lớn dư luận xã hội chấp nhận như vốn dĩ nó phải thế theo kiểu “*bát đũa còn có lúc xô*”.

2. Ở thời đại nào cũng vậy, gia đình luôn chịu tác động từ điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử - văn hoá. Những biến động, những biểu hiện trong gia đình luôn mang dấu ấn lịch sử. Bạo lực giới trong gia đình hiện nay trước hết là sản phẩm của lịch sử gia đình phong kiến nho giáo theo kiểu “*chồng chúa vợ tôi*” và đó là bạo lực giới một chiều bạo lực của chồng đối với vợ; ngày nay mặt trái của cơ chế thị trường cùng nhiều áp lực trong cuộc sống đã đẩy gia đình vào dạng bạo lực thứ hai là bạo lực của vợ đối với chồng. Đôi khi trong cùng một gia đình cùng một thời điểm đồng thời xảy ra cả hai chiều bạo lực giới. Những con số mà chúng tôi thống kê trong phần thực trạng bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay là những con số biết nói và đầy ý nghĩa. Nó giống lên hồi chuông đối với các nhà xã hội học, tâm lý học; các nhà hoạch định chính sách phát triển gia đình, phát triển và bình đẳng giới. Nó là lời cảnh báo về một thực trạng đáng lo ngại và xu hướng gia tăng đe dọa đến sự phát triển bền vững của gia đình và đến vai trò tế bào cho sự phát triển của xã hội. Đặc biệt trong thời đại ngày nay, khi con người được coi là thước đo cho sự phát triển, văn minh, tiến bộ của nhân loại; mối quan hệ giữa

nam và nữ trong gia đình là cơ sở quan trọng để đánh giá một đất nước có thật sự bình đẳng không thì những con số về bạo lực giới trong gia đình chính là mối quan tâm đáng lo ngại nhất đối với quá trình xây dựng đất nước văn minh, bình đẳng, tiến bộ của nước ta.

3. Ngày nay, đấu tranh chống lại bạo lực giới trong gia đình không phải là việc làm của riêng lẻ cá nhân trong gia đình mà đó là của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị. Song điều quan trọng nhất là chúng ta cần phải có cái nhìn biện chứng, phải luôn đặt nó trong việc xem xét và giải quyết một loạt các vấn đề. Quan niệm, tư tưởng, phong tục tập quán lạc hậu mang nặng tư tưởng phong kiến nho giáo, định kiến giới trong xã hội cần được loại bỏ. Gắn việc phòng chống bạo lực giới trong gia đình với các chương trình mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế, phát triển con người, phát triển quốc gia; với cuộc cách mạng giải phóng phụ nữ, vì sự tiến bộ của phụ nữ... mục tiêu tạo ra sự phát triển bền vững trong gia đình, trong mối quan hệ vợ chồng. Thực tế cho thấy, quan niệm của vợ và chồng về vị trí, vai trò của nhau trong gia đình là rất quan trọng nó ảnh hưởng đến hành vi ứng xử với nhau hàng ngày. Đối với phụ nữ luôn gắn với trách nhiệm làm mẹ, làm vợ trong gia đình, ngày nay trách nhiệm đó đòi hỏi cao về trình độ năng lực của phụ nữ. Trong gia đình truyền thống, người phụ nữ chỉ cần tiếp nối, làm theo những gì mà các thế hệ phụ nữ trước đã làm. Ngày nay, trong bối cảnh xã hội hiện đại phụ nữ cần phải có kiến thức toàn diện để nuôi dạy con sao cho chúng phát triển toàn diện cả về thể lực, trí tuệ, tâm hồn và nhân cách, để chúng thành những đứa con hiếu thảo, những công dân tốt. Người mẹ vừa là nhà tâm lý học, nhà giáo dục học của con mình, luôn giành được sự yêu thương, kính trọng của con cái. Là người vợ trong gia đình, người phụ nữ phải xác định vị trí của mình là người bạn đồng hành của chồng, cùng chia ngọt sẻ bùi với chồng. Chức năng làm mẹ chỉ được nâng lên và hoàn thiện khi người phụ nữ làm tốt chức năng làm vợ. Người đàn ông trong gia đình với trách nhiệm làm chồng, làm cha luôn là chỗ dựa vững chắc cho vợ, cho con. Người cha chính là tấm gương

cho con học tập, noi theo; mọi phong thái, hành vi ứng xử của người cha sẽ là cơ sở để hình thành nhân cách cho trẻ. Đối với người phụ nữ người chồng chính là cả cuộc đời họ, là nơi để họ dựa dẫm suốt cuộc đời, với họ không một ai khác có thể thay thế chồng mình dù như thế nào đi nữa: “*chồng em áo rách em thương, chồng người áo gấm xông hương mặc người*”. Trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình, vị trí, vai trò và yêu cầu đặt ra có sự khác đối với vợ và chồng, sự khác biệt này không phải là sự bất bình đẳng mà là sự bổ sung để hoàn thiện hai giới tính khác nhau. Người ta thường nói “*đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm*”, điều này đòi hỏi rất cao ở người đàn bà một “*kiến trúc sư*” tài ba, không chỉ làm cho ngôi nhà đẹp đẽ mà còn tràn đầy hạnh phúc. Người ta đánh giá cao các ưu điểm của phụ trong việc kiến tạo hạnh phúc gia đình, cùng đồng nghĩa với việc trao cho họ trách nhiệm lớn lao. Muốn có sự bình đẳng giữa vợ và chồng, người phụ nữ phải hoàn thiện bản thân mình, luôn đào tạo nâng cao trình độ về mọi mặt để trở thành chủ thể tích cực, cùng chồng lo toan mọi công việc gia đình và người đàn ông cũng vậy, phải luôn chung thủy, chăm lo cho vợ con cùng vợ chia sẻ những công việc thường ngày; có như vậy thì gia đình luôn được hạnh phúc và tràn ngập tiếng cười. Điều đó cho thấy, công tác phòng, chống bạo lực giới trong gia đình sẽ thực sự có hiệu quả khi chúng ta kết hợp đồng bộ, linh hoạt các giải pháp và quá trình đó cũng là sự kết hợp chặt chẽ của cả hai yếu tố, chủ quan và khách quan, trong vấn đề này yếu tố chủ quan đóng vai trò quan trọng.

Trong phạm vi một luận văn thạc sĩ nghiên cứu về vấn đề bạo lực giới diễn ra trong gia đình những năm gần đây, từ sự phân tích thực trạng, hậu quả và nguyên nhân của bạo lực giới trong gia đình ở nước ta hiện nay, chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm phòng, chống bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay. Có thể những giải pháp này chưa đầy đủ, song đó là những giải pháp thiết thực, xuất phát từ đòi hỏi của cuộc sống, của thực tiễn phòng, chống bạo lực giới trong gia đình ở nước ta hiện nay để xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ và không có bạo lực.

Vì một gia đình Việt Nam không có bạo lực, vì thế hệ tương lai của đất nước chúng ta hãy cùng nhau nói không với bạo lực gia đình, cùng chung tay, góp sức chống lại bạo lực trong gia đình.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Bích Hoà (2004). *Mâu thuẫn, xung đột trong gia đình trẻ qua một số cuộc khảo sát*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 2.
2. Kim Anh (dịch, 2000). *Tình trạng bạo lực trong gia đình ở Nga*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 3.
3. Phùng Thị Kim Anh (2003). *Bạo lực gia đình ở Việt Nam (qua một số công trình nghiên cứu gần đây)*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 5.
4. *Báo cáo tổng kết 8 năm thực hiện Luật hôn nhân và gia đình của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội*, 1995.
5. *Báo cáo tổng kết 8 năm thực hiện Luật hôn nhân và gia đình của Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng*, 1995.

6. Báo cáo tổng kết 8 năm thực hiện Luật hôn nhân và gia đình của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 1995.
7. Báo nhân dân điện tử (2005). *Nhiều quy định của pháp luật gần như đều dùng ở cửa ngõ gia đình*. <http://www.nhandan.com.vn>
8. Lê Thanh Bình (lược dịch, 2006). *Phụ nữ Pháp vẫn bị chồng đánh đập và đối xử tàn tệ*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 3.
9. Đặng Thị Vân Chi (2006). *Nguyễn Ái Quốc và vấn đề phụ nữ đầu thế kỷ XX*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 2.
10. Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1999). *Báo cáo quốc gia lần thứ hai về tình hình thực hiện Công ước Liên Hợp quốc xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)*. Nxb Phụ nữ.
11. Ngô Thị Tuấn Dung (2007). *Bạo lực đối với phụ nữ từ góc nhìn toàn cầu*. Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới, số 1
12. Vũ Công Giao (1999). *Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ. Ý nghĩa và nội dung cơ bản*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 4.
13. G.Stenven (1990). *Vai trò của Hồ Chí Minh trong lịch sử tiến bộ của phụ nữ*. Hội thảo quốc tế về Hồ Chí Minh, Ncb KHXH, Hà Nội.
14. Nguyễn Thị Thu Hà (1998). *Bạo lực trong gia đình đối với phụ nữ (nghiên cứu điển hình tại một phường)*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 3.
15. Hoàng Mai Hương (tổng hợp, 2004). *Bạo lực trong gia đình ở Trung Quốc*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 6.
16. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (1997). *Thực trạng tình trạng bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình Việt Nam (Báo cáo kết quả nghiên cứu sau 8 năm thực hiện Luật hôn nhân và gia đình của Viện kiểm soát)*. (Không xuất bản).
17. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (2001). *Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam: kết quả nghiên cứu tại Thái Bình, Lạng Sơn và Tiền Giang*.

18. Vũ Tuấn Huy (2003). *Mâu thuẫn vợ chồng trong gia đình và những yếu tố ảnh hưởng*. Nxb KHXH, Hà Nội.
19. Phan Huy Lê (chủ biên, 1997). *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay*. Tập 3, Nxb Hà Nội.
20. Võ Thị Hồng Loan, Đặng Ánh Tuyết (3/2005). *Bình đẳng nam nữ và thực hiện quyền bình đẳng nam nữ ở nước ta*. Tạp chí Cộng sản.
21. V.I.Lênin (1977), Toàn tập, tập 39, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
22. C.Mác và Ph.Ăngghen (1984). *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*. Tuyển tập, tập 6, Nxb Sự thật, Hà Nội.
23. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), Toàn tập, tập 21, Nxb Sự thật, Hà Nội.
24. Dương Thị Thanh Mai (2005). *Bạo lực giới trong gia đình Việt Nam*. Nxb Thế giới, Hà Nội.
25. Hồ Chí Minh (1976), Toàn tập, tập 1, Nxb CTQG, Hà Nội.
26. Hồ Chí Minh (1976), Toàn tập, tập 2, Nxb CTQG, Hà Nội.
27. Hồ Chí Minh (1996), Toàn tập, tập 10, Nxb CTQG, Hà Nội.
28. Hồ Chí Minh (1996), Toàn tập, tập 12, Nxb CTQG, Hà Nội.
29. Hồ Chí Minh (2000), Toàn tập, tập 2, Nxb CTQG, Hà Nội.
30. Hồ Chí Minh (2000), Toàn tập, tập 6, Nxb CTQG, Hà Nội.
31. Lữ Tuyết Mai (2003). *Quan điểm của chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề gia đình*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 3.
32. Nguyễn Hữu Minh, Lê Ngọc Lan (2007). *Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam và các yếu tố tác động (tổng quan một số nghiên cứu gần đây)*. Tạp chí Khoa học xã hội, số 4.
33. Nguyễn Hữu Minh, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Thị Mai Hoa, Trần Thị Cẩm Nhung (2006). *Bạo lực của chồng đối với vợ ở Việt Nam trong những năm gần đây (tổng quan phân tích)*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 3.
34. Mai Quỳnh Nam (chủ biên, 2002). *Gia đình trong tám gương xã hội học*. Nxb KHXH, Hà Nội.

35. Nguyễn Thuý Nga (lược dịch, 2001). *Bạo lực gia đình ở Ấn Độ*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 2.
36. Trần Thị Cẩm Nhung (2007). *Các giải pháp can thiệp trong phòng, chống bạo lực gia đình qua nghiên cứu gần đây của nước ngoài*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 6.
37. Luật phòng, chống bạo lực gia đình của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 1 tháng 7 năm 2008.
38. Lê Thị Quý (1999). *Bạo lực gia đình và ảnh hưởng của nó đến việc hình thành nhân cách trẻ em*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 4.
39. Lê Thị Quý (2000). *Bạo lực gia đình bất bình đẳng trong quan hệ giới*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 4.
40. Lê Thị Quý, Đặng Vũ Cảnh Linh (2007). *Bạo lực gia đình một sự sai lệch hệ giá trị*. Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
41. Lê Thi (1999). *Dân số văn hoá và sự phát triển bền vững*. Nxb CTQG, Hà Nội.
42. Lê Thi (2001). *Bạo lực đối với phụ nữ là nguyên nhân hạn chế sự tiến bộ và phát triển*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 2.
43. Hoàng Bá Thịnh (2007). *Bạo lực gia đình đối với trẻ em và một số giải pháp phòng ngừa*. Tạp chí Tâm lý học, số 6.
44. Đặng Bích Thuỷ (1997). *Bạo lực gia đình ở một số nước châu Á - liên hệ với Việt Nam*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 3.
45. Lê Ngọc Văn (1998). *Gia đình với chức năng xã hội học*. Nxb Gia đình, Hà Nội.
46. Viện ngôn ngữ học (2003). *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
47. Báo cáo dân số chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ, tập 27, số 4, 1999.
48. Báo Gia đình. *Hội kế hoạch hoá gia đình Việt Nam*, số 11, ngày 14/3/2011.